

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**



ISO 9001 : 2008

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: KẾ TOÁN- KIỂM TOÁN

***Sinh viên : Đoàn Thị Minh Yến
Giảng viên hướng dẫn: Th.s Nguyễn Văn Thụ***

HẢI PHÒNG – 2011

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

**HOÀN THIỆN TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH
THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH
TẠI CÔNG TY THƯƠNG MẠI & DỊCH VỤ TOÀN TÂM**

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY

NGÀNH: KẾ TOÁN- KIỂM TOÁN

Sinh viên : Đoàn Thị Minh Yến

Giảng viên hướng dẫn: Th.s Nguyễn Văn Thụ

HẢI PHÒNG – 2011

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Đoàn Thị Minh Yến . Mã SV: 110170

Lớp: QT1105K . Ngành: Kế toán- Kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán Doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương Mại & Dịch vụ Toàn Tâm

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. *Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp (về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).*
 - *Khái quát những vấn đề lý luận cơ bản về tổ chức công tác kế toán Doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp*
 - *Phản ánh được thực trạng tổ chức công tác kế toán Doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương Mại & Dịch vụ Toàn Tâm*
 - *Đánh giá được những ưu điểm, nhược điểm của tổ chức công tác kế toán Doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương Mại & Dịch vụ Toàn Tâm*

2. *Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.*
 - *Số liệu năm 2010 của Công ty TNHH Thương Mại và Dịch Vụ Toàn Tâm*

3. *Địa điểm thực tập tốt nghiệp.*

Công ty TNHH Thương Mại & Dịch Vụ Toàn Tâm

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Người hướng dẫn thứ nhất:

Họ và tên: Nguyễn Văn Thu

Học hàm, học vị: Thạc Sĩ

Cơ quan công tác: Trường Đại Học Dân Lập Hải Phòng

Nội dung hướng dẫn:.....

Người hướng dẫn thứ hai:

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày 11 tháng 04 năm 2011

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày 16 tháng 07 năm 2011

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

Sinh viên

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

Người hướng dẫn

Hải Phòng, ngày tháng.....năm 2011

Hiệu trưởng

GS.TS.NGƯT Trần Hữu Nghị

PHÂN NHẬN XÉT CỦA CÁN BỘ HƯỚNG DẪN

1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp:

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

2. Đánh giá chất lượng của khóa luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T. T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu...):

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

3. Cho điểm của cán bộ hướng dẫn (ghi bằng cả số và chữ):

.....
.....
.....

Hải Phòng, ngày ... tháng ... năm 2011
Cán bộ hướng dẫn
(họ tên và chữ ký)

LỜI MỞ ĐẦU

Người xưa có câu:” *Thương trường là chiến trường*”, điều đó ngày càng đúng đối với nền kinh tế thị trường phát triển mạnh mẽ như hiện nay – một nền kinh tế đầy cạnh tranh và khốc liệt.

Tham gia vào chiến trường đó, bất kỳ một doanh nghiệp nào muốn tồn tại và phát triển cũng phải nắm vững tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp mình cũng như kết quả của quá trình đó. Hoạt động sản xuất kinh doanh của các đơn vị kế toán trong bất kỳ lĩnh vực nào cũng đều gắn với hoạt động công tác quản trị tài chính mà hạch toán kế toán là bộ phận quan trọng của hệ thống quản trị tài chính. Đây là bộ phận gián tiếp góp phần tạo lên thành công chung cho các doanh nghiệp. Nó có vai trò tích cực trong việc kiểm soát và điều hành các hoạt động kinh tế góp phần quan trọng vào quản lý tài chính nói riêng và quản lý doanh nghiệp nói chung, giúp cho các nhà quản trị doanh nghiệp đưa ra các quyết định chính xác và hợp lý, đảm bảo hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp được phát triển bền vững và ngày càng được nâng cao.

Trong quá trình hạch toán kế toán việc phản ánh công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh có ý nghĩa vô cùng quan trọng trong doanh nghiệp, nó kịp thời góp phần tăng tốc độ chu chuyển vốn lưu động tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình kinh doanh đồng thời ảnh hưởng lớn đến tình hình thực hiện tài chính của doanh nghiệp, giúp doanh nghiệp có được cái nhìn toàn diện đúng đắn về tình hình kinh doanh của mình.

Xuất phát từ thực tiễn đó nên trong thời gian thực tập tại công ty TNHH thương mại và dịch vụ Toàn Tâm em đã đi sâu vào nghiên cứu đề tài: “ Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Toàn Tâm”

Kết cấu của bài khóa luận gồm 3 phần:

Chương I: Lý luận cơ bản về tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp

Chương II: Thực trạng tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác

định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH TM &DV Toàn Tâm

Chương III: Một số ý kiến đề xuất nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH TM & DV Toàn Tâm

Được sự hướng dẫn và giúp đỡ nhiệt tình của ThS. Nguyễn Văn Thụ cùng các thầy cô trong khoa và sự chỉ bảo, giúp đỡ của tập thể Ban lãnh đạo cùng toàn thể phòng ban kế toán công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Toàn Tâm đã tạo điều kiện cho em hoàn thành bài khóa luận này. Song do trình độ nghiệp vụ và hiểu biết thực tế còn hạn chế nên bài viết của em không tránh khỏi những thiếu sót. Em mong nhận được sự đóng góp ý kiến của các thầy cô giáo để bài viết của em được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn!

Hải Phòng, ngày... tháng... năm...

Sinh viên

Đoàn Thị Minh Yên

CHƯƠNG I

NHỮNG LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP

1.1. Những vấn đề chung về tổ chức công tác doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp

1.1.1. Sự cần thiết phải tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp:

Trong nền kinh tế thị trường hiện nay, vấn đề mà các doanh nghiệp luôn quan tâm là làm thế nào để hoạt động kinh doanh có hiệu quả cao nhất (tối đa hóa lợi nhuận và giảm thiểu hóa chi phí); và lợi nhuận là thước đo hiệu quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, các yếu tố liên quan trực tiếp đến việc xác định lợi nhuận là doanh thu, thu nhập khác và các khoản chi phí.

Để tồn tại và phát triển, các doanh nghiệp cần phải tiến hành hoạt động sản xuất kinh doanh để đáp ứng nhu cầu của thị trường. Trong hoạt động sản xuất kinh doanh đó thì khâu tiêu thụ là khâu cuối cùng và đóng vai trò quan trọng đối với toàn bộ hoạt động của doanh nghiệp. Ngoài phần doanh thu có được từ bán hàng và cung cấp dịch vụ thì doanh thu còn bao gồm khoản thu từ các hoạt động khác mang lại.

Việc tổ chức tốt khâu tiêu thụ sẽ đảm bảo nguồn tài chính cho doanh nghiệp trang trải các khoản chi phí hoạt động và thực hiện tốt quá trình tái sản xuất, tiếp tục mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh. Ngoài ra, doanh thu còn là nguồn cung cấp để các doanh nghiệp thực hiện nghĩa vụ đối với Nhà nước. Bên cạnh đó, doanh thu còn có thể là nguồn tham gia góp vốn cổ phần, tham gia liên doanh, liên kết với các đơn vị khác. Tuy nhiên, nếu doanh thu trong kỳ không đủ bù đắp các khoản chi phí doanh nghiệp đã bỏ ra thì doanh nghiệp sẽ gặp khó khăn về mặt tài chính.

Bên cạnh đó, kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh còn là cơ sở để đánh giá hiệu quả của hoạt động sản xuất kinh doanh trong thời kỳ nhất định của doanh nghiệp, là điều kiện để cung cấp các thông tin cần thiết cho Ban lãnh đạo phân tích lựa chọn những phương án tối ưu cho doanh nghiệp.

Chính vì vậy, việc tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết

quả kinh doanh một cách khoa học, hợp lý và phù hợp có ý nghĩa quan trọng trong việc thu thập, xử lý và cung cấp thông tin cho doanh nghiệp, cơ quan quản lý để doanh nghiệp phát triển bền vững hơn.

1.1.2 Vai trò của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp

Với sự phát triển kinh tế của nước nhà cùng với các chính sách mở của nhà nước, tiến trình gia nhập các tổ chức kinh tế khu vực và thế giới đã đầy đủ và có hiệu lực làm cho hàng hoá xuất hiện trên thị trường Việt Nam ngày càng tăng tạo nên sức ép cho các công ty trong nước. Để đứng vững trong guồng quay của nền kinh tế thị trường đòi hỏi các doanh nghiệp phải biết kinh doanh có hiệu quả, hợp lý chặt chẽ, nghiêm túc có hiệu quả công tác quản lý tiết kiệm chi phí nâng cao doanh thu, lợi nhuận.

Đương đầu với sức ép của thị trường và xu thế cạnh tranh toàn cầu, các doanh nghiệp phải tự chủ sản xuất, tự hạch toán kinh tế để có lợi nhuận cao nhất. Sử dụng các biện pháp quản lý để kiểm tra tính hợp lý, hợp lệ của các khoản chi phí nâng cao năng suất lao động để có hiệu quả kinh doanh cao nhất. Thực hiện được đầy đủ quyền và nghĩa vụ của nhà nước, nâng cao đời sống cho cán bộ công nhân viên về vật chất và tinh thần.

Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh đóng vai trò quan trọng trong quá trình phản ánh và giám đốc tình hình sản xuất kinh doanh, giúp cho các nhà quản lý thấy được hiệu quả sản xuất kinh doanh trong kỳ (biểu hiện thông qua chỉ tiêu lãi hay lỗ) từ đó có những biện pháp hoạch định cho hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong thời gian tiếp theo nhằm đạt hiệu quả cao hơn.

1.1.3 Yêu cầu, nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định KQKD.

Việc ghi chép và phản ánh đúng các khoản doanh thu, chi phí là hết sức quan trọng đối với tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp do đó kế toán doanh thu, chi phí và xác định KQKD có yêu cầu và nhiệm vụ:

- Phản ánh và ghi chép đầy đủ, kịp thời, chính xác tình hình hiện có và sự

biến động của từng loại thành phẩm, hàng hóa theo chỉ tiêu số lượng, chất lượng, chủng loại và giá trị.

- Phản ánh và ghi chép đầy đủ, kịp thời và chính xác các khoản doanh thu, các khoản giảm trừ doanh thu và chi phí của từng hoạt động trong doanh nghiệp. Đồng thời theo dõi và đôn đốc các khoản phải thu của khách hàng.

- Tham mưu các giải pháp thúc đẩy bán hàng, tăng vòng quay của vốn.

- Cung cấp các thông tin cần thiết về tình hình bán hàng cho chủ doanh nghiệp kịp thời có số liệu, tình hình chỉ đạo hoạt động mua - bán kinh doanh của doanh nghiệp.

- Cung cấp các thông tin kế toán phục vụ cho việc lập Báo cáo tài chính và định kỳ phân tích hoạt động kinh tế liên quan đến quá trình bán hàng, xác định và phân phối kết quả.

- Phản ánh và tính toán chính xác kết quả của từng hoạt động, giám sát tình hình thực hiện nghĩa vụ với Nhà nước để họ có căn cứ đánh giá sức mua, đánh giá tình hình tiêu dùng, đề xuất các chính sách ở tầm vĩ mô.

1.1.4. Một số khái niệm, thuật ngữ liên quan đến doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

1.1.4.1. Doanh thu và các loại doanh thu

*** Doanh thu**

Doanh thu là tổng giá trị các lợi ích kinh tế mà doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ các hoạt động sản xuất, kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu.

*** Các loại doanh thu**

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ: Là số tiền thu được hoặc sẽ thu được từ các giao dịch nghiệp vụ phát sinh doanh thu như bán sản phẩm, hàng hóa cung cấp dịch vụ cho khách bao. Tổng doanh thu bán hàng là số tiền ghi trên hóa đơn, trên hợp đồng cung cấp lao vụ, dịch vụ gồm cả phụ thu và phí thu thêm ngoài giá bán (nếu có)

- Doanh thu tiêu thụ nội bộ: Là lợi ích kinh tế thu được từ việc bán hàng hóa

, sản phẩm, cung cấp dịch vụ nội bộ giữa các đơn vị trực thuộc hạch toán phụ thuộc, trong cùng một công ty, tổng công ty tính theo giá bán nội bộ.

- Doanh thu hoạt động tài chính: Bao gồm những khoản thu từ hoạt động tài chính hoặc kinh doanh về vốn mang lại như: Tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia, khoản lãi về chênh lệch tỷ giá hối đoái, thu nhập về các khoản đầu tư mua bán chứng khoán ngắn hạn, dài hạn, thu nhập về các hoạt động đầu tư khác vào công ty liên kết, công ty con, đầu tư vốn khác và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

- Thu nhập khác: Là những khoản thu mà doanh nghiệp không dự tính trước được hoặc có dự tính đến nhưng ít có khả năng thực hiện hoặc là những khoản không mang tính chất thường xuyên.

✳ Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng thuần mà doanh nghiệp thu được (doanh thu thuần) có thể thấp hơn doanh thu bán hàng. Doanh thu thuần là khoản chênh lệch giữa doanh thu bán hàng và các khoản giảm trừ doanh thu, bao gồm:

✚ Chiết khấu thương mại là khoản doanh nghiệp bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với khối lượng lớn. Khoản giảm giá có thể phát sinh trên khối lượng từng lô hàng mà khách hàng đã mua, cũng có thể phát sinh trên tổng khối lượng hàng lũy kế mà khách hàng đã mua trong một quãng thời gian nhất định tùy thuộc vào chính sách chiết khấu thương mại của bên bán.

✚ Giảm giá hàng bán là khoản giảm trừ cho người mua do toàn bộ hay một phần hàng hoá kém phẩm chất, sai quy cách hoặc lạc hậu thị hiếu.

✚ Giá trị hàng bán bị trả lại là giá trị khối lượng hàng bán đã xác định là tiêu thụ bị khách hàng trả lại và từ chối thanh toán do các nguyên nhân như: vi phạm cam kết; vi phạm hợp đồng kinh tế; hàng bị mất, kém phẩm chất; không đúng chủng loại, quy cách.

✚ Thuế giá trị gia tăng theo phương pháp trực tiếp: Là thuế gián thu tính trên giá trị tăng thêm của hàng hóa dịch vụ phát sinh trong quá trình từ sản xuất, lưu thông tới tiêu dùng

✚ Thuế tiêu thụ đặc biệt: Là các loại thuế đánh vào hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng nằm trong danh mục chịu thuế tiêu thụ đặc biệt của nhà nước.

✚ Thuế xuất khẩu: Là sắc thuế đánh vào trị giá hàng hóa xuất khẩu.

1.1.4.2. Chi phí và các loại chi phí

* Chi phí

Chi phí nói chung là sự hao phí thể hiện bằng tiền của toàn bộ các khoản hao phí trong quá trình kinh doanh của doanh nghiệp với mong muốn mang về một sản phẩm, dịch vụ hoàn thành hoặc một kết quả kinh doanh nhất định.

* Các loại chi phí

* Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán là giá trị thực tế xuất kho của số sản phẩm, hàng hoá (hoặc gồm cả chi phí mua hàng phân bổ cho hàng hoá đã bán ra trong kỳ đối với doanh nghiệp thương mại), hoặc là giá thành thực tế lao vụ, dịch vụ hoàn thành và đã được xác định là tiêu thụ và các khoản chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh được tính vào giá vốn hàng bán để xác định kết quả kinh doanh trong kỳ.

* Chi phí bán hàng

Chi phí bán hàng là toàn bộ các chi phí có liên quan đến việc tiêu thụ sản phẩm, hàng hoá của doanh nghiệp, bao gồm: Chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển; chi phí chào hàng, giới thiệu, quảng cáo; chi phí hoa hồng đại lý, chi phí bảo hành sản phẩm; chi phí nhân viên bán hàng; chi phí dụng cụ, đồ dùng, khấu hao TSCĐ phục vụ bán hàng; chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác.

* Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp là các chi phí có liên quan tới toàn bộ hoạt động quản lý điều hành chung của doanh nghiệp, bao gồm: các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ phục vụ quản lý văn phòng; tiền thuê đất,

thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác.

✧ Chi phí hoạt động tài chính

Chi phí tài chính phát sinh trong quá trình hoạt động kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, như chi phí tiền lãi vay, và những chi phí liên quan đến hoạt động cho các bên khác sử dụng tài sản sinh ra lợi nhuận, tiền bản quyền,... Những chi phí này phát sinh dưới dạng tiền và các khoản tương đương tiền.

✧ Chi phí khác

Chi phí khác là những khoản lỗ do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của doanh nghiệp gây ra; cũng có thể là những khoản chi phí bị bỏ sót từ những năm trước.

✧ Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

1.1.5. Xác định kết quả kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh là kết quả cuối cùng của hoạt động tiêu thụ hàng hoá của doanh nghiệp sau một thời kỳ nhất định, biểu hiện bằng số tiền lãi hay lỗ trong một thời kỳ nhất định.

Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm:

- Kết quả hoạt động kinh doanh thông thường: Là kết quả của những hoạt động tạo ra doanh thu của doanh nghiệp, đó là hoạt động bán hàng, cung cấp dịch vụ và hoạt động tài chính.

- Kết quả hoạt động khác: Là kết quả được tính bằng thu nhập khác trừ chi phí khác và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.

1.1.6. Bán hàng và các phương thức bán hàng trong doanh nghiệp

Bán hàng: Là bán các sản phẩm do doanh nghiệp sản xuất ra hoặc các sản phẩm mua vào. Để bán hàng hóa thì doanh nghiệp thường có các phương thức bán hàng sau:

* **Bán hàng trực tiếp:** Là phương thức giao hàng trực tiếp cho người mua tại kho, tại quầy, hay tại phân xưởng sản xuất của doanh nghiệp. Sau khi người mua đã nhận đủ hàng và ký vào hoá đơn bán hàng thì số hàng đã bàn giao được

chính thức coi là tiêu thụ. Bao gồm bán buôn và bán lẻ :

- Bán buôn: Bán buôn hàng hoá là việc bán hàng cho các đơn vị thương mại hoặc bán cho các đơn vị sản xuất để tiếp tục sản xuất. Đặc điểm của bán buôn thường là bán với khối lượng lớn, hàng hoá hàng hoá chưa đến tay người tiêu dùng, giá trị và giá trị sử dụng hàng hoá chưa được thực hiện đầy đủ.

- Bán lẻ: Trong khâu bán lẻ, chủ yếu là bán thu bằng tiền mặt và thường thì hàng hoá xuất giao cho khách hàng và thu tiền trong cùng một thời điểm. Vì vậy thời điểm tiêu thụ đối với khâu bán lẻ thường được tiến hành theo các phương thức sau:

+ Phương thức bán hàng thu tiền tập trung: Phương thức này tách rời nhân viên bán hàng và nhiệm vụ thu tiền. Nhân viên thu ngân có nhiệm vụ viết hoá đơn thu tiền và giao hàng cho khách hàng để khách hàng đến giao nhận hàng ở quầy do nhân viên bán hàng giao.

+ Bán hàng thu tiền trực tiếp: Nhân viên bán hàng trực tiếp thu tiền và giao cho khách hàng. Cuối mỗi ca, nhân viên bán hàng kiểm tiền làm giấy nộp tiền, kiểm kê hàng hoá hiện còn ở quầy và xác định lượng hàng hoá bán ra trong ca.

* **Bán đúng giá hưởng hoa hồng** : Là phương thức mà bên chủ hàng (gọi là bên giao đại lý) xuất hàng giao cho bên nhận đại lý (bên đại lý) để bán, bên đại lý sẽ được hưởng thù lao đại lý dưới hình thức hoa hồng hoặc chênh lệch giá. Khi xuất hàng gửi đi, hàng vẫn thuộc sở hữu của doanh nghiệp, chỉ khi nào khách hàng đã trả tiền hoặc chấp nhận thanh toán thì khi đó hàng mới chuyển quyền sở hữu và được ghi nhận doanh thu bán hàng.

*** Phương thức bán trả chậm, trả góp**

Là phương thức bán hàng thu tiền nhiều lần. Người mua sẽ thanh toán lần đầu ngay tại thời điểm mua. Số tiền trả chậm phải chịu một tỷ lệ lãi suất nhất định. Thông thường, số tiền trả ở các kỳ tiếp theo bằng nhau, trong đó bao gồm một phần doanh thu gốc và một phần lãi trả chậm. Theo phương thức trả góp, về mặt hạch toán, khi giao hàng cho người mua thì lượng hàng được chuyển giao

được coi là tiêu thụ. Về thực chất, chỉ khi nào người mua thanh toán hết tiền hàng thì doanh nghiệp mới mất quyền sở hữu.

*** Phương thức chuyển hàng chờ chấp nhận.**

Theo phương thức này, bên bán chuyển hàng cho bên mua theo địa điểm ghi trong hợp đồng, số hàng chuyển đi này vẫn thuộc quyền sở hữu của bên bán, chỉ khi nào được người mua chấp nhận thanh toán một phần hay toàn bộ số hàng chuyển giao thì lượng hàng được người mua chấp nhận đó mới được coi là tiêu thụ và bên bán chuyển quyền sở hữu cho bên mua.

*** Phương thức hàng đổi hàng.**

Hàng đổi hàng là phương thức tiêu thụ mà trong đó, người bán đem sản phẩm, vật tư, hàng hoá của mình để đổi lấy vật tư, hàng hoá của người mua. Giá trao đổi là giá bán của hàng hoá, vật tư đó trên thị trường.

*** Bán hàng theo phương thức tiêu thụ sản phẩm nội bộ**

Theo phương thức này doanh nghiệp dùng sản phẩm của mình để trả lương cho cán bộ, công nhân viên trong doanh nghiệp.

1.2. Tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

1.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và các khoản giảm trừ doanh thu.

1.2.1.1. Kế toán doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ trong doanh nghiệp.

a. Nguyên tắc hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu được tiền, hoặc sẽ thu được tiền từ các giao dịch và nghiệp vụ phát sinh doanh thu.

Trường hợp doanh nghiệp có doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ bằng ngoại tệ thì phải quy đổi ngoại tệ ra Đồng Việt Nam .

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ thuần mà doanh nghiệp thực

hiện được trong kỳ kế toán có thể thấp hơn doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ ghi nhận ban đầu.

Đối với sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế GTGT tính theo phương pháp khấu trừ, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là giá bán chưa có thuế GTGT.

Đối với sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ không thuộc đối tượng chịu thuế GTGT, hoặc thuộc đối tượng chịu thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp thì doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là tổng giá thanh toán.

Đối với sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt, hoặc thuế xuất khẩu thì doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là tổng giá thanh toán (Bao gồm cả thuế tiêu thụ đặc biệt, hoặc thuế xuất khẩu).

Những doanh nghiệp nhận gia công vật tư, hàng hoá thì chỉ phản ánh vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ số tiền gia công thực tế được hưởng, không bao gồm giá trị vật tư, hàng hoá nhận gia công.

Đối với hàng hoá nhận bán đại lý, ký gửi theo phương thức bán đúng giá hưởng hoa hồng thì hạch toán vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ phần hoa hồng bán hàng mà doanh nghiệp được hưởng.

Trường hợp bán hàng theo phương thức trả chậm, trả góp thì doanh nghiệp ghi nhận doanh thu bán hàng theo giá bán trả ngay và ghi nhận vào doanh thu chưa thực hiện về phần lãi tính trên khoản phải trả nhưng trả chậm phù hợp với thời điểm ghi nhận doanh thu được xác định.

Những sản phẩm, hàng hoá được xác định là đã bán nhưng vì lý do về chất lượng, về qui cách kỹ thuật người mua từ chối thanh toán, gửi trả lại người bán hoặc yêu cầu giảm giá và được doanh nghiệp chấp thuận; hoặc người mua mua hàng với khối lượng lớn được chiết khấu thương mại thì các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng này được theo dõi riêng biệt trên các Tài khoản 531 “Hàng bán bị trả lại”, hoặc Tài khoản 532 “Giảm giá hàng bán”, Tài khoản 521 “Chiết khấu thương mại”, cuối kỳ kết chuyển vào TK 511 để tính doanh thu thuần.

Trường hợp trong kỳ doanh nghiệp đã viết hoá đơn bán hàng và đã thu tiền bán hàng nhưng đến cuối kỳ vẫn chưa giao hàng cho người mua hàng, thì trị giá số hàng này không được coi là đã bán trong kỳ và không được ghi vào Tài khoản 511 “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ” mà chỉ hạch toán vào bên Có Tài khoản 131 “Phải thu của khách hàng” về khoản tiền đã thu của khách hàng. Khi thực giao hàng cho người mua sẽ hạch toán vào Tài khoản 511 “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ” về trị giá hàng đã giao, đã thu trước tiền bán hàng, phù hợp với các điều kiện ghi nhận doanh thu.

Đối với trường hợp cho thuê tài sản, có nhận trước tiền cho thuê của nhiều năm thì doanh thu cung cấp dịch vụ ghi nhận của năm tài chính được xác định trên cơ sở lấy tổng số tiền nhận được chia cho số kỳ nhận trước tiền.

Đối với doanh nghiệp thực hiện nhiệm vụ cung cấp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ theo yêu cầu của Nhà nước, được Nhà nước trợ cấp, trợ giá theo qui định thì doanh thu trợ cấp, trợ giá là số tiền được Nhà nước chính thức thông báo, hoặc thực tế trợ cấp, trợ giá được phản ánh trên TK 5114 “Doanh thu trợ cấp, trợ giá”.

b.Chứng từ ,tài khoản sử dụng

*** Chứng từ sử dụng**

- Hoá đơn bán hàng thông thường
- Hoá đơn GTGT
- Phiếu xuất kho
- Phiếu thu
- Giấy báo có của ngân hàng
- Các chứng từ khác có liên quan

*** Tài khoản sử dụng.**

❖ TK 511 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán của hoạt động sản xuất kinh doanh.

➤ **Bên Nợ:**

- Số thuế tiêu thụ đặc biệt hoặc thuế xuất khẩu phải nộp tính trên doanh thu bán hàng thực tế của sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã cung cấp cho khách hàng và được xác định là đã bán trong kỳ kế toán.

- Số thuế GTGT phải nộp của doanh nghiệp nộp thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp.

- Doanh thu hàng bán bị trả lại kết chuyển cuối kỳ.
- Khoản giảm giá hàng bán kết chuyển cuối kỳ.
- Khoản chiết khấu thương mại kết chuyển cuối kỳ.
- Kết chuyển doanh thu thuần vào Tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

➤ **Bên Có:**

- Doanh thu bán sản phẩm, hàng hoá, bất động sản đầu tư và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp thực hiện trong kỳ kế toán.

➤ Tài khoản 511 không có số dư cuối kỳ.

➤ Tài khoản 511 có 6 tiểu khoản cấp 2:

- Tài khoản 5111 – Doanh thu bán hàng hoá
- Tài khoản 5112 – Doanh thu bán các thành phẩm
- Tài khoản 5113 – Doanh thu cung cấp dịch vụ
- Tài khoản 5114 – Doanh thu trợ cấp, trợ giá
- Tài khoản 5117 – Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư
- Tài khoản 5118 – Doanh thu khác

❖ **Tài khoản 512 - Doanh thu bán hàng nội bộ**

Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu của số sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ tiêu thụ trong nội bộ doanh nghiệp. Doanh thu tiêu thụ nội bộ là lợi ích kinh tế thu được từ việc bán hàng hoá, sản phẩm, cung cấp dịch vụ nội bộ giữa các đơn vị trực thuộc hạch toán phụ thuộc trong cùng một công ty, Tổng công ty tính theo giá bán nội bộ.

➤ **Bên Nợ:**

- Trị giá hàng bán bị trả lại, khoản giảm giá hàng bán đã chấp nhận trên khối lượng sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã bán nội bộ kết chuyển cuối kỳ kế toán.

- Số thuế tiêu thụ đặc biệt phải nộp của số sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán nội

bộ.

- Số thuế GTGT phải nộp theo phương pháp trực tiếp của số sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ tiêu thụ nội bộ.

- Kết chuyển doanh thu bán hàng nội bộ thuần vào Tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

➤ Bên Có:

- Tổng số doanh thu bán hàng nội bộ của đơn vị thực hiện trong kỳ kế toán.

➤ Tài khoản 512 không có số dư cuối kỳ.

➤ Tài khoản 512 có 3 tiểu khoản cấp 2:

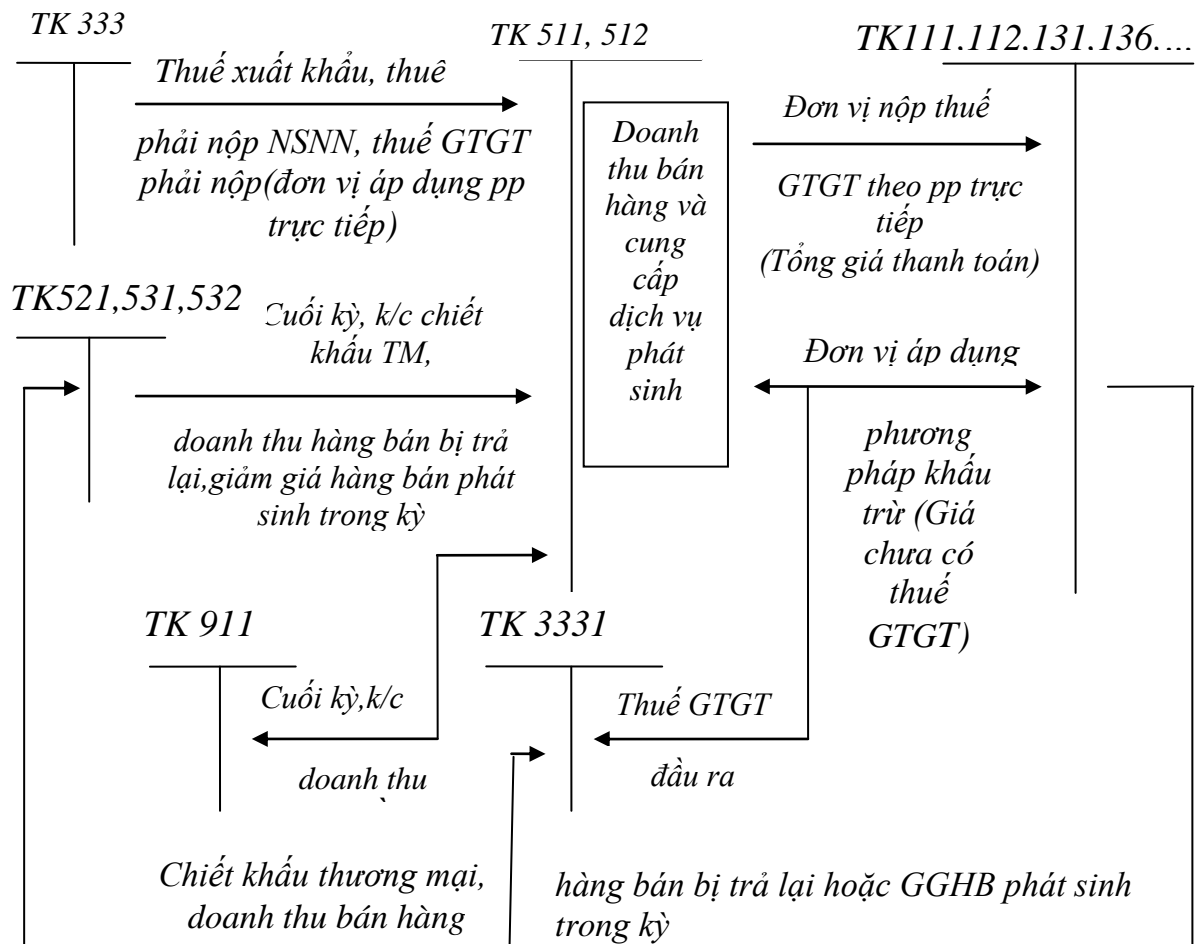
- Tài khoản 5121 – Doanh thu bán hàng hoá

- Tài khoản 5122 – Doanh thu bán các thành phẩm

- Tài khoản 5123 – Doanh thu cung cấp dịch vụ

c. Phương pháp hạch toán

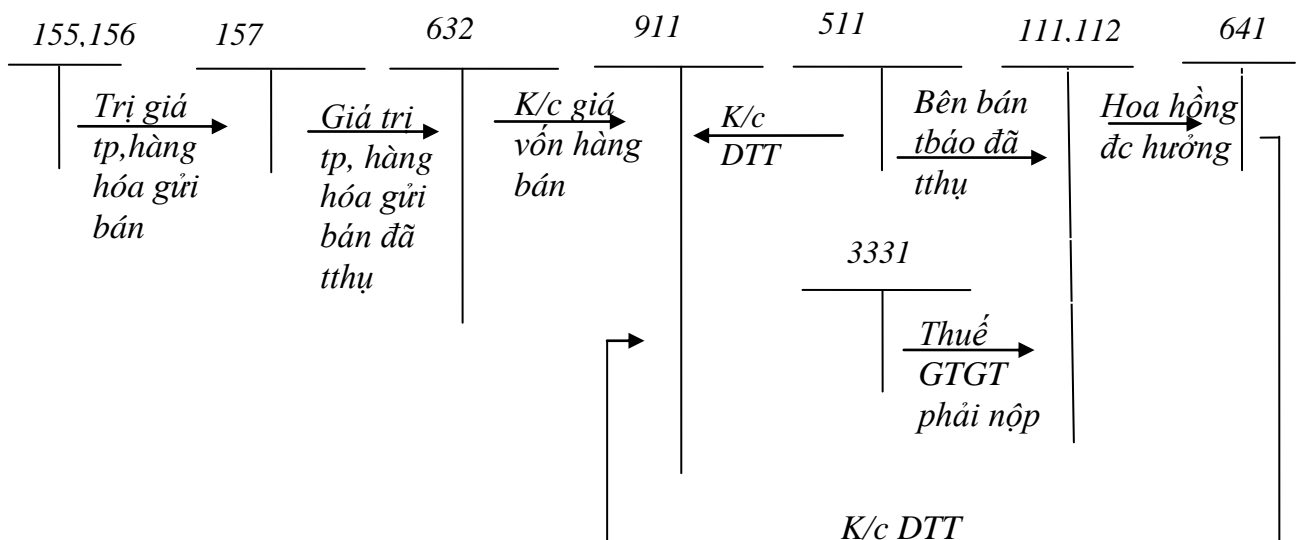
Phương pháp hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu nội bộ được khái quát bằng sơ đồ 1.1



Sơ đồ 1.1 - Kế toán tổng hợp doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

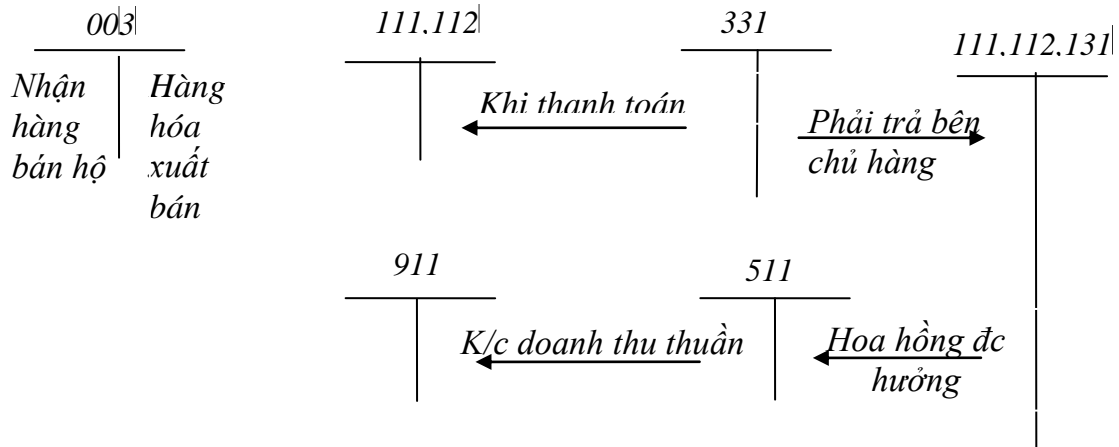
* Phương thức bán đúng giá hưởng hoa hồng

+Sơ đồ kế toán tại đơn vị giao đại lý:

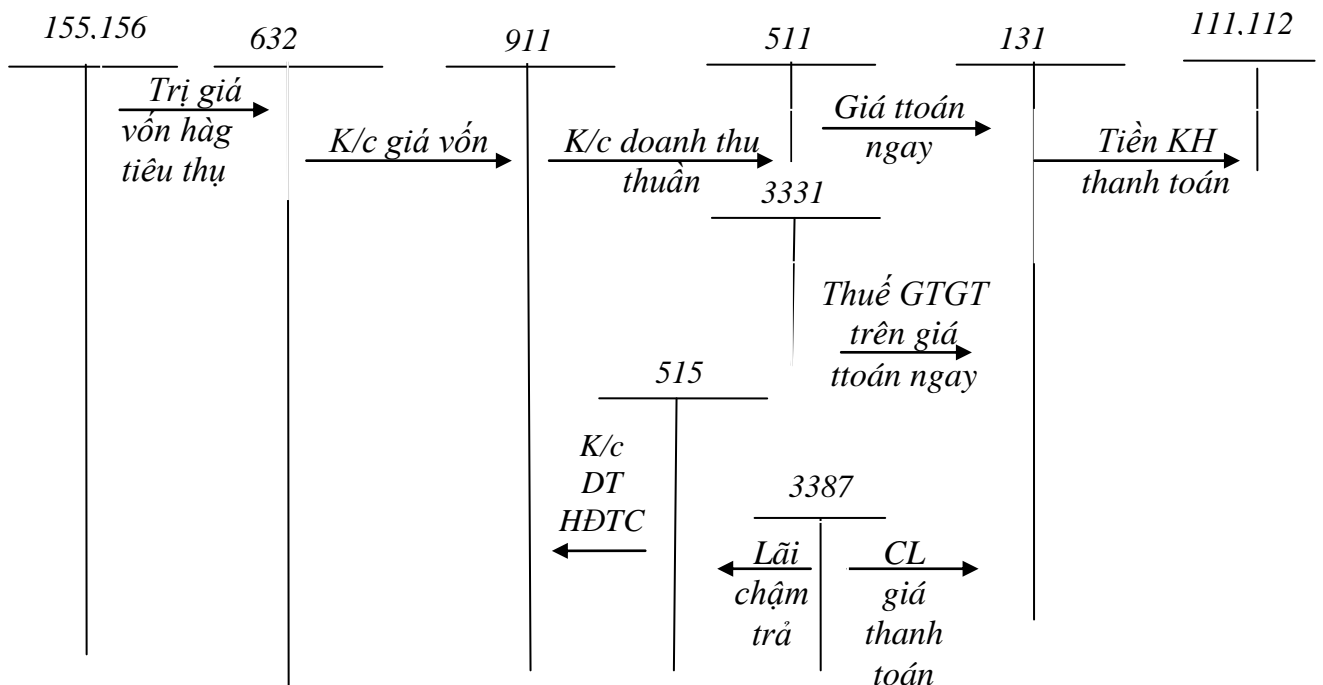


+ Kế toán tại đơn vị nhận đại lý :

Kế toán ghi nhận toàn bộ trị giá vốn số hàng này vào bên nợ TK003- Hàng nhận bán hộ, ký gửi. Khi được xác định là tiêu thụ ghi nhận vào bên có TK 003. Doanh thu bán hàng là toàn bộ hoa hồng được hưởng do nhận bán đại lý.



***Sơ đồ mô tả hình thức bán hàng trả chậm, trả góp**



1.2.1.2. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

*** Chứng từ sử dụng.**

- Hoá đơn GTGT
- Phiếu chi
- Phiếu nhập kho
- Giấy báo nợ của Ngân hàng
- Các chứng từ khác có liên quan

*** Tài khoản sử dụng.****❖ TK 521 - Chiết khấu thương mại**

Tài khoản này dùng để phản ánh khoản chiết khấu thương mại mà doanh nghiệp đã giảm trừ hoặc đã thanh toán cho người mua hàng do việc người mua hàng đã mua hàng (sản phẩm, hàng hoá), dịch vụ với khối lượng lớn và theo thoả thuận bên bán sẽ dành cho bên mua một khoản chiết khấu thương mại (đã ghi trên hợp đồng kinh tế mua bán hoặc cam kết mua, bán hàng).

➤ Bên Nợ:

- Số chiết khấu thương mại đã chấp nhận thanh toán cho khách hàng.

➤ Bên Có:

- Cuối kỳ kế toán, kết chuyển toàn bộ số chiết khấu thương mại sang Tài khoản 511 “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ” hoặc Tài khoản 512 “Doanh thu bán hàng nội bộ” để xác định doanh thu của kỳ kế toán.

➤ Tài khoản 521 không có số dư cuối kỳ.**❖ TK 531 - Hàng bán bị trả lại**

Tài khoản này dùng để phản ánh giá trị của số sản phẩm, hàng hoá bị khách hàng trả lại (tính theo đúng đơn giá bán ghi trên hoá đơn). Các chi phí khác phát sinh liên quan đến việc hàng bán bị trả lại mà doanh nghiệp phải chi được phản ánh vào Tài khoản 641 “Chi phí bán hàng”.

➤ Bên Nợ:

- Doanh thu của hàng bán bị trả lại, đã trả lại tiền cho người mua hoặc tính trừ vào khoản phải thu khách hàng về số sản phẩm, hàng hoá đã bán.

➤ Bên Có:

- Kết chuyển doanh thu của hàng bán bị trả lại vào bên Nợ Tài khoản 511 “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ” hoặc Tài khoản 512 “Doanh thu bán hàng nội bộ” để xác định doanh thu thuần trong kỳ báo cáo.

➤ Tài khoản 531 không có số dư cuối kỳ.**❖ TK 532 - Giảm giá hàng bán**

Tài khoản này dùng để phản ánh khoản giảm giá hàng bán thực tế phát sinh và việc xử lý khoản giảm giá hàng bán trong kỳ kế toán. Tài khoản chỉ phản ánh các khoản giảm trừ do việc chấp thuận giảm giá sau khi đã bán hàng và phát hành hoá đơn (giảm giá ngoài hoá đơn) do hàng bán kém phẩm chất,...

➤ Bên Nợ:

- Các khoản giảm giá hàng bán đã chấp thuận cho người mua hàng do hàng bán kém, mất phẩm chất hoặc sai quy cách quy định trong hợp đồng kinh tế.

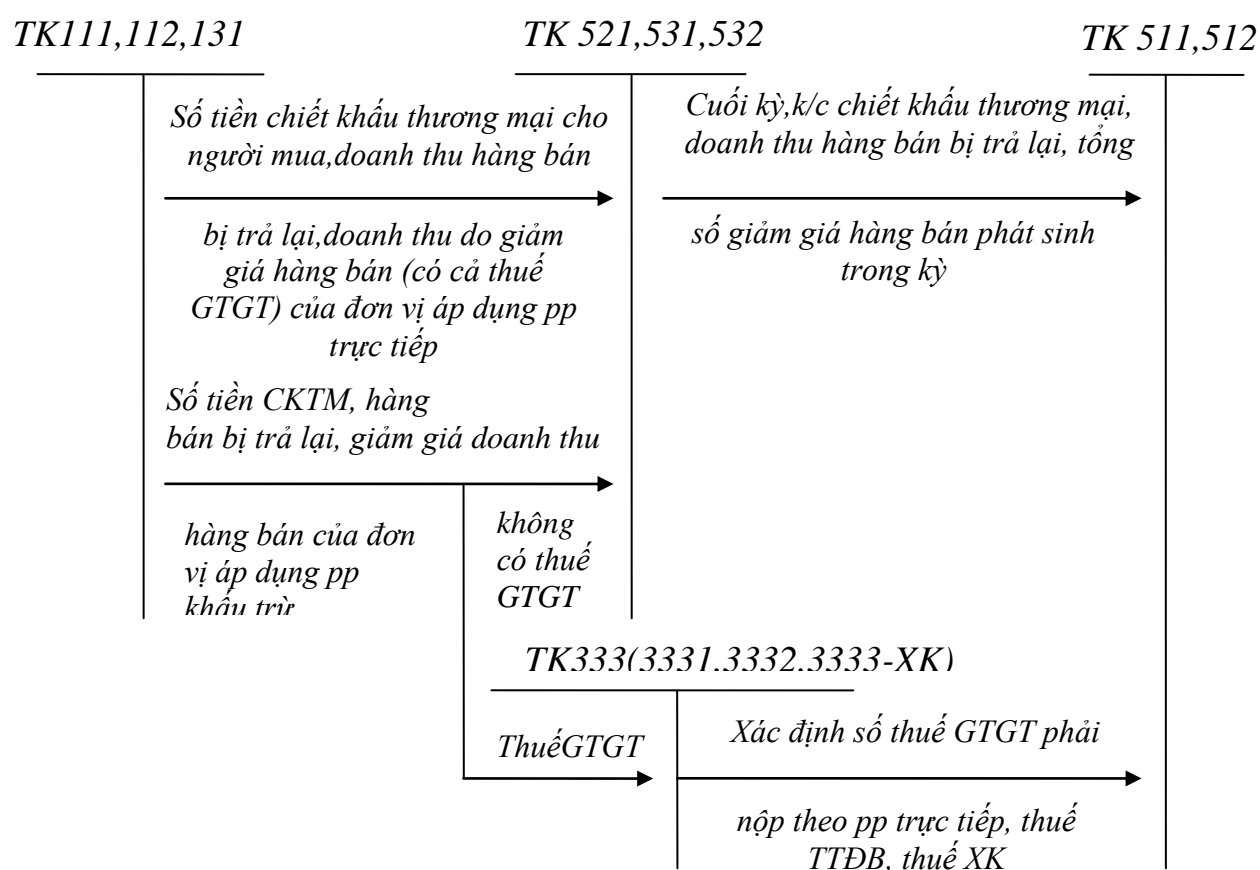
➤ Bên Có:

- Kết chuyển toàn bộ số tiền giảm giá hàng bán sang Tài khoản 511 “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ” hoặc Tài khoản 512 “Doanh thu bán hàng nội bộ”.

➤ Tài khoản 532 không có số dư cuối kỳ.

* Ngoài ra còn sử dụng TK 333 “Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước”, phản ánh các khoản giảm trừ doanh thu như: thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp (TK 3331), thuế tiêu thụ đặc biệt (TK 3332), thuế xuất khẩu (TK 3333-XK)

*** Sơ đồ 2: Hạch toán các khoản giảm trừ doanh thu**



Sơ đồ 1.2 - Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

1.2.2. Kế toán giá vốn hàng bán.

Giá vốn hàng bán là giá trị thực tế xuất kho của số sản phẩm, hàng hoá (hoặc gồm cả chi phí mua hàng phân bổ cho hàng hoá đã bán ra trong kỳ đối với doanh nghiệp thương mại), hoặc là giá thành thực tế lao vụ, dịch vụ hoàn thành

và đã được xác định là tiêu thụ và các khoản chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh được tính vào giá vốn hàng bán để xác định kết quả kinh doanh trong kỳ.

*** Phương pháp tính giá vốn hàng bán**

Để tính giá vốn từng mặt hàng xuất kho, doanh nghiệp sử dụng một trong bốn phương pháp sau:

❖ Phương pháp bình quân gia quyền

Khi tính giá vốn hàng bán theo phương pháp bình quân ra quyền ta có thể áp dụng 1 trong 2 cách tính sau:

+ Phương pháp bình quân ra quyền cả kỳ dự trữ:

$$\begin{aligned} & \text{Đơn giá bình quân của} \\ & \text{hàng hoá xuất kho trong kỳ} = \frac{\begin{array}{c} \text{Trị giá thực tế hàng} \\ \text{tồn đầu kỳ} \end{array} + \begin{array}{c} \text{Trị giá thực tế hàng} \\ \text{hoá nhập trong kỳ} \end{array}}{\begin{array}{c} \text{Số lượng hàng hoá} \\ \text{tồn đầu kỳ} \end{array} + \begin{array}{c} \text{Số lượng hàng hoá} \\ \text{nhập trong kỳ} \end{array}} \\ & \text{Trị giá thực tế của} \\ & \text{hàng xuất trong kỳ} = \begin{array}{c} \text{Số lượng hàng} \\ \text{xuất trong kỳ} \end{array} \times \begin{array}{c} \text{Đơn giá thực tế} \\ \text{bình quân} \end{array} \end{aligned}$$

Phương pháp giá đơn vị bình quân cả kỳ dự trữ tuy đơn giản, dễ làm nhưng độ chính xác không cao. Hơn nữa, công việc tính toán đơn giản dồn vào cuối tháng, gây ảnh hưởng đến công tác quyết toán nói chung.

$$\begin{aligned} & \text{Giá đơn vị bình quân sau} \\ & \text{mỗi lần nhập} = \frac{\text{Giá thực tế hàng hoá tồn kho sau mỗi lần nhập}}{\text{Lượng thực tế hàng hoá tồn sau mỗi lần nhập}} \end{aligned}$$

Phương pháp giá đơn vị bình quân sau mỗi lần nhập lại khắc phục được nhược điểm của phương pháp trên, vừa chính xác, vừa cập nhật. Nhược điểm của phương pháp này là tốn nhiều công sức, tính toán nhiều lần.

❖ Phương pháp Nhập trước - Xuất trước (FIFO)

Theo phương pháp này dựa trên giả định hàng nào nhập trước sẽ được xuất trước và lấy đơn giá xuất bằng đơn giá nhập. Trị giá hàng tồn kho cuối kỳ được tính theo đơn giá của những lần nhập sau cùng. Phương pháp này thích hợp trong trường hợp giá cả ổn định hoặc có xu hướng giảm.

❖ Phương pháp Nhập sau- Xuất trước (LIFO)

Phương pháp này dựa trên giả định là hàng nào nhập sau được xuất trước, lấy đơn giá xuất bằng đơn giá nhập. Trị giá hàng tồn kho cuối kỳ được tính theo đơn giá của những lần nhập đầu tiên. Phương pháp nhập sau - xuất trước thích hợp trong trường hợp lạm phát.

❖ Phương pháp tính theo giá đích danh

Theo phương pháp này khi xuất kho vật tư thì căn cứ vào số lượng xuất kho thuộc lô nào và đơn giá thực tế của lô đó để tính trị giá vốn thực tế của vật tư xuất kho. Phương pháp này thích hợp với những hàng hóa giá trị cao gắn với những đặc điểm riêng của nó.

*** Sự khác biệt về kế toán giá vốn hàng bán của doanh nghiệp thương mại với các doanh nghiệp khác**

- Giá mua vào của hàng hóa được đưa vào TK 1561
- Chi phí thu mua được đưa vào TK 1562

*** Chứng từ sử dụng.**

- Phiếu xuất kho
- Phiếu nhập kho
- Hóa đơn GTGT
- Thẻ tính giá thành
- Các chứng từ khác có liên quan

*** Tài khoản sử dụng.**

- TK 632 – Giá vốn hàng bán

Tài khoản này dùng để phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ bất động sản đầu tư; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp (đối với doanh nghiệp xây lắp) bán trong kỳ.

Ngoài ra, tài khoản này còn dùng để phản ánh các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư. Đối với doanh nghiệp kế toán hàng

tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên, nội dung và kết cấu của Tài khoản 632 như sau:

➤ **Bên Nợ:**

- Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã bán trong kỳ.
- Chi phí nguyên vật liệu, nhân công vượt trên mức bình thường và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ được tính vào giá vốn hàng bán trong kỳ.
- Các khoản hao hụt, mất mát của hàng tồn kho sau khi trừ phần bồi thường do trách nhiệm cá nhân gây ra.
- Chi phí xây dựng, tự chế TSCĐ vượt trên mức bình thường không được tính vào nguyên giá TSCĐ hữu hình tự xây dựng, tự chế hoàn thành.
- Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

➤ **Bên Có:**

- Kết chuyển giá vốn của sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã bán trong kỳ sang Tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.
 - Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính.
 - Trị giá hàng bán bị trả lại nhập kho.
- Tài khoản 632 không có số dư cuối kỳ.

*** Phương pháp hạch toán giá vốn hàng bán**

📊 Kế toán giá vốn theo phương pháp kê khai thường xuyên

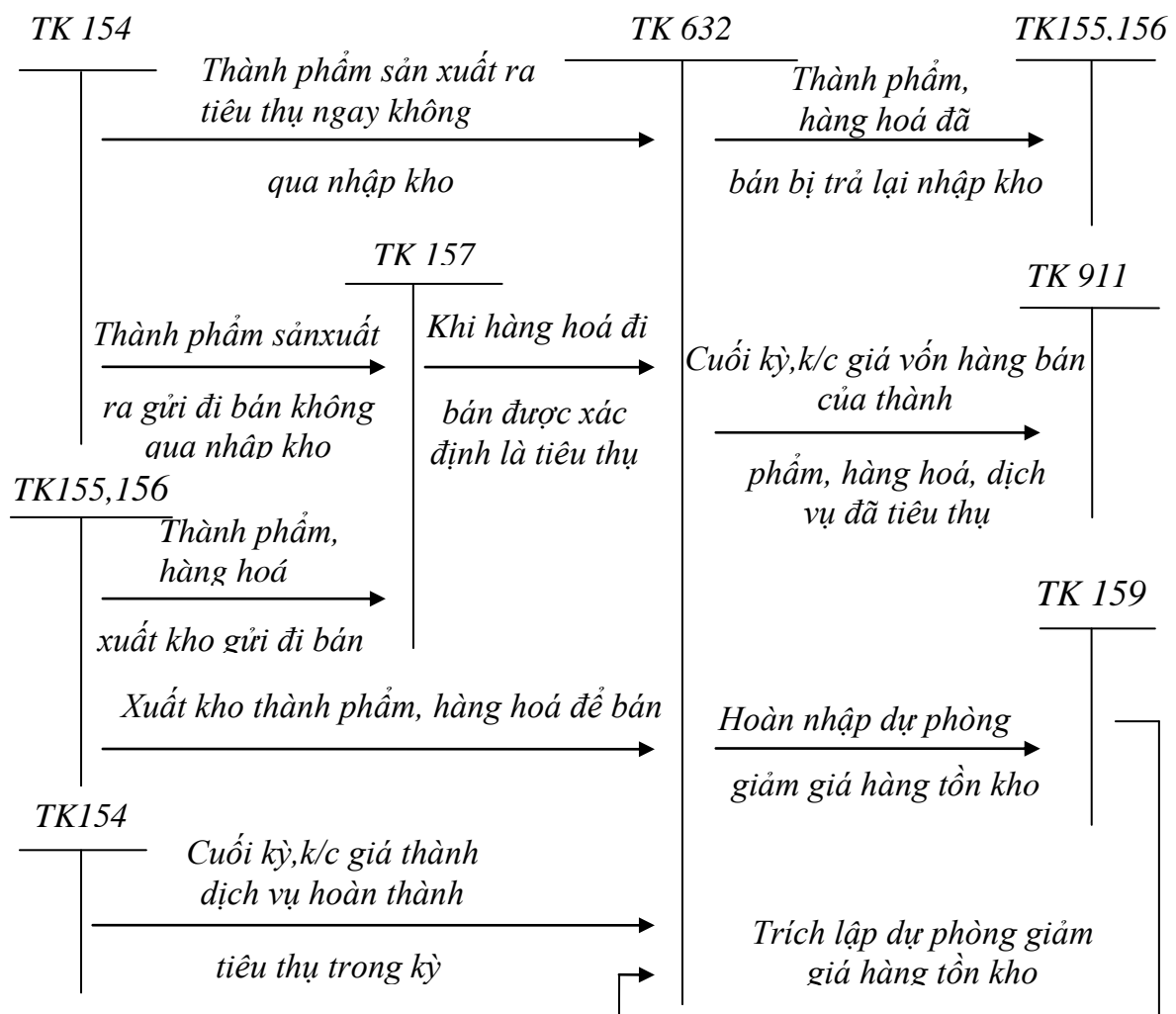
Phương pháp kê khai thường xuyên là phương pháp kế toán tổ chức ghi chép một cách thường xuyên liên tục các nghiệp vụ nhập kho, xuất kho, tồn kho của hàng hóa trên từng tài khoản kế toán theo từng chứng từ nhập xuất.

Trị giá vốn của hàng hóa tồn kho trên tài khoản, sổ kế toán được xác định ở bất kỳ thời điểm nào trong kỳ kế toán.

- Giá vốn hàng bán là giá gốc của hàng hóa hoặc thành phẩm nhập kho
- Toàn bộ chi phí sản xuất được phản ánh qua tài khoản 621, 622, 627.

Cuối kỳ kế toán thực hiện bút toán kết chuyển vào TK154 để xác định giá vốn hàng bán

Sơ đồ 1.2 : Kế toán giá vốn hàng bán theo phương pháp KCTX



Sơ đồ 1.3- Kế toán giá vốn hàng bán (theo phương pháp kê khai thường xuyên)

✚ Hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kiểm kê định kỳ

Phương pháp KKĐK là phương pháp kế toán không tổ chức ghi chép một cách thường xuyên, liên tục các nghiệp vụ nhập - xuất - tồn của hàng hóa trên các tài khoản hàng tồn kho. Phương pháp này phản ánh trị giá vốn thực tế của hàng hóa nhập kho, xuất kho hàng ngày được phản ánh theo dõi trên TK 611 – Mua hàng

Xác định trị giá vốn xuất kho không căn cứ vào chứng từ xuất kho, mà căn cứ vào kết quả kiểm kê cuối kỳ

$$\begin{matrix} \text{Số lượng} & & \text{Số lượng hàng} & & \text{Số lượng hàng} & & \text{Số lượng hàng} \\ \text{hàng xuất kho} & = & \text{tồn đầu kỳ} & + & \text{nhập đầu kỳ} & - & \text{tồn cuối kỳ} \end{matrix}$$

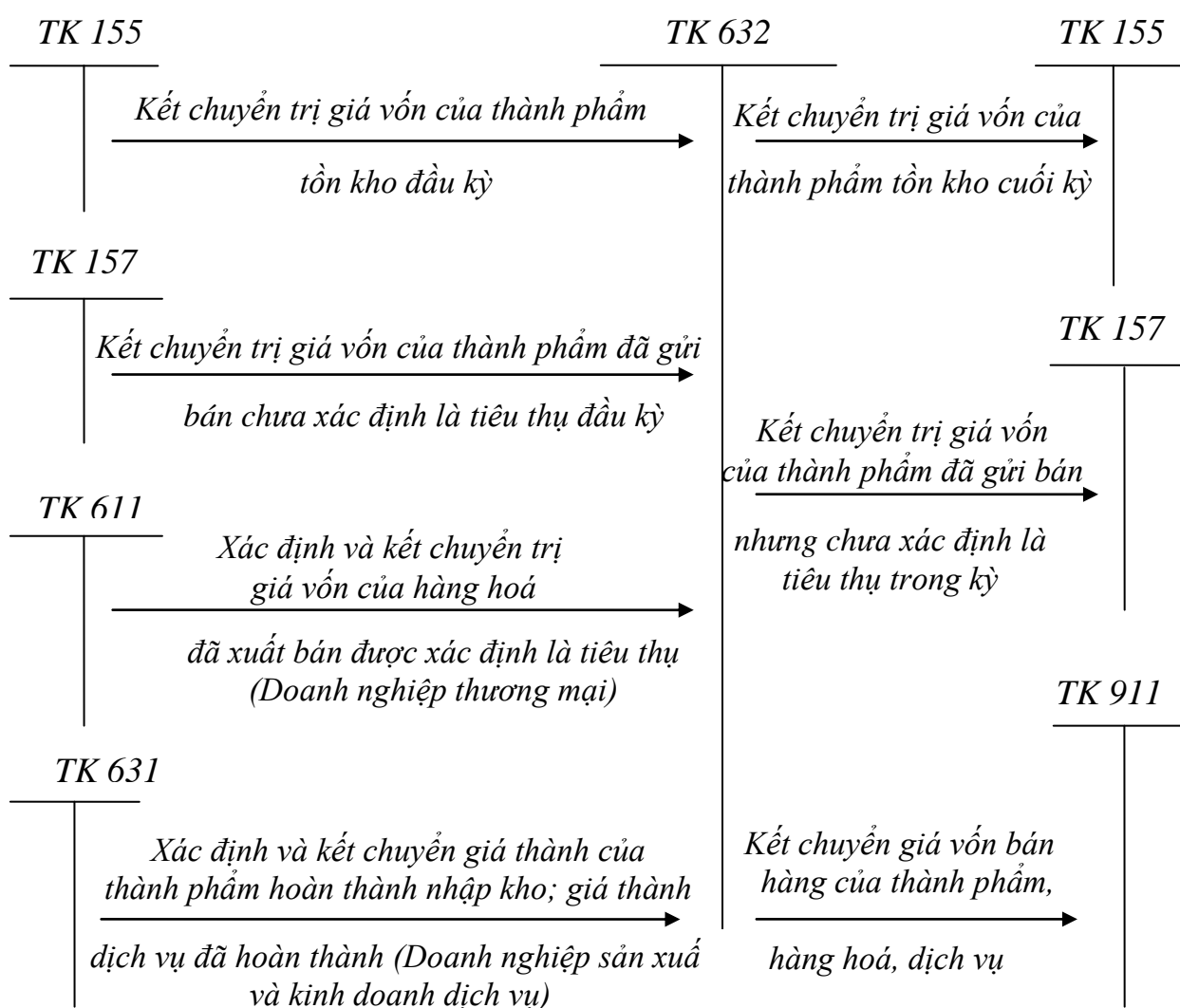
$$\text{Trị giá hàng xuất kho} = \text{Số lượng hàng xuất kho} * \text{Đơn giá hàng xuất kho}$$

Căn cứ vào đơn giá xuất kho theo phương pháp xác định giá vốn hàng xuất kho

Để xác định giá vốn thực tế của hàng xuất kho.

$$\begin{array}{l}
 \text{Trị giá} \\
 \text{vốn của} \\
 \text{hàng bán} \\
 \text{trong} \\
 \text{kỳ}
 \end{array}
 =
 \begin{array}{l}
 \text{Trị giá} \\
 \text{thực tế} \\
 \text{của hàng} \\
 \text{hóa tồn} \\
 \text{kho đầu} \\
 \text{kỳ}
 \end{array}
 +
 \begin{array}{l}
 \text{Trị giá vốn} \\
 \text{của hàng} \\
 \text{hóa gửi bán} \\
 \text{chưa xác} \\
 \text{định tiêu} \\
 \text{thụ đầu kỳ}
 \end{array}
 +
 \begin{array}{l}
 \text{Trị giá} \\
 \text{thực tế} \\
 \text{của hàng} \\
 \text{hóa nhập} \\
 \text{kho} \\
 \text{trong kỳ}
 \end{array}
 -
 \begin{array}{l}
 \text{Trị giá vốn} \\
 \text{thực tế của} \\
 \text{hàng hóa} \\
 \text{tồn kho} \\
 \text{cuối kỳ}
 \end{array}
 -
 \begin{array}{l}
 \text{Trị giá vốn} \\
 \text{thực tế của} \\
 \text{hàng hóa gửi} \\
 \text{bán chưa xác} \\
 \text{định tiêu thụ} \\
 \text{cuối kỳ}
 \end{array}$$

Sơ đồ 1.3: Kế toán giá vốn hàng bán theo phương pháp KKĐK



Sơ đồ 1.4 - Kế toán giá vốn hàng bán (theo phương pháp kiểm kê định kỳ)

1.2.3. Kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

1.2.3.1. Kế toán chi phí bán hàng

Chi phí bán hàng là toàn bộ các chi phí có liên quan đến việc tiêu thụ sản phẩm, hàng hoá của doanh nghiệp, bao gồm: Chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển; chi phí chào hàng, giới thiệu, quảng cáo; chi phí hoa hồng đại lý, chi phí bảo hành sản phẩm; chi phí nhân viên bán hàng; chi phí dụng cụ, đồ dùng, khấu hao TSCĐ phục vụ bán hàng; chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác.

*** Chứng từ sử dụng.**

- Hoá đơn GTGT, hoá đơn thông thường
- Bảng phân bổ nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ
- Bảng phân bổ tiền lương và bảo hiểm xã hội
- Bảng tính và phân bổ khấu hao tài sản cố định
- Phiếu chi
- Các chứng từ khác có liên quan

*** Tài khoản sử dụng.**

❖ TK 641 – Chi phí bán hàng

Tài khoản này dùng để phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ.

➤ Bên Nợ:

- Các chi phí phát sinh liên quan đến quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ.

➤ Bên Có:

- Kết chuyển chi phí bán hàng vào Tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh” để tính kết quả kinh doanh trong kỳ.

- TK641 không có số dư cuối kỳ

➤ Tài khoản 641 không có số dư cuối kỳ.

➤ Tài khoản 641 có 7 tài khoản cấp 2:

- TK 6411 - Chi phí nhân viên
- TK 6412 - Chi phí vật liệu, bao bì
- TK 6413 - Chi phí dụng cụ, đồ dùng
- TK 6414 - Chi phí khấu hao TSCĐ
- TK 6415 - Chi phí bảo hành

- TK 6417 - Chi phí dịch vụ mua ngoài
- TK 6418 - Chi phí bằng tiền khác

1.2.3.2. Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp

* Chứng từ sử dụng.

- Hoá đơn GTGT, hoá đơn thông thường
- Bảng phân bổ nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ
- Bảng phân bổ tiền lương và bảo hiểm xã hội
- Bảng tính và phân bổ khấu hao tài sản cố định
- Phiếu chi
- Các chứng từ khác có liên quan

* Tài khoản sử dụng.

❖ TK 642 – Chi phí quản lý doanh nghiệp

Tài khoản này dùng để phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp.

➤ Bên Nợ:

- Các chi phí quản lý doanh nghiệp thực tế phát sinh trong kỳ.
- Số dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả.
- Dự phòng trợ cấp mất việc làm.

➤ Bên Có:

- Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả.
- Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp vào Tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

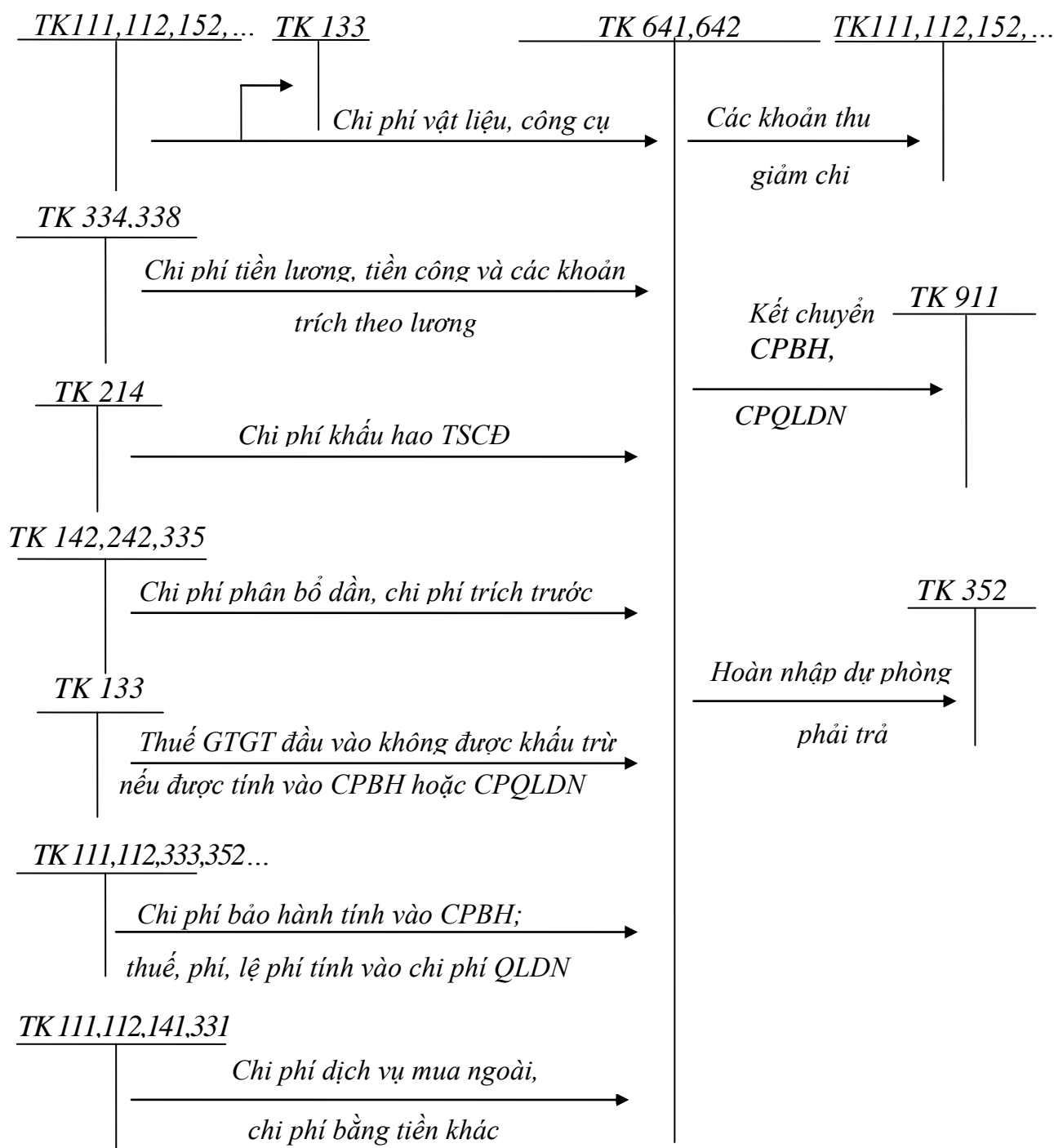
➤ Tài khoản 642 không có số dư cuối kỳ.

➤ Tài khoản 642 có 8 tài khoản cấp 2:

- TK 6421 - Chi phí nhân viên quản lý
- TK 6422 - Chi phí vật liệu quản lý
- TK 6423 - Chi phí đồ dùng văn phòng
- TK 6424 - Chi phí khấu hao TSCĐ
- TK 6425 - Thuế, phí và lệ phí
- TK 6426 - Chi phí dự phòng
- TK 6427 - Chi phí dịch vụ mua ngoài
- TK 6428 - Chi phí bằng tiền khác

1.2.3.3. Phương pháp hạch toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Phương pháp hạch toán chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp được khái quát bằng sơ đồ 1.5



Sơ đồ 1.5 - Kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

1.2.4. Kế toán doanh thu, chi phí hoạt động tài chính

1.2.4.1. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính là toàn bộ các khoản thu nhập từ hoạt động tài chính được coi là thực hiện trong kỳ, không phân biệt các khoản thu nhập đó thực tế đã thu hay sẽ thu trong kỳ sau.

* Chứng từ sử dụng.

- Phiếu thu
- Giấy báo nợ của ngân hàng
- Phiếu kế toán
- Các chứng từ khác có liên quan

* Tài khoản sử dụng.

❖ TK 515 – Doanh thu tài chính

Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

➤ Bên Nợ:

- Số thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp (nếu có).
- Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính thuần sang Tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

➤ Bên Có:

- Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia.
- Lãi do nhượng bán các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết.
- Chiết khấu thanh toán được hưởng.
- Lãi tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động kinh doanh.
- Lãi tỷ giá hối đoái phát sinh khi bán ngoại tệ.
- Lãi tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ của hoạt động kinh doanh.
- Kết chuyển hoặc phân bổ lãi tỷ giá hối đoái của hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản (giai đoạn trước hoạt động) đã hoàn thành đầu tư vào hoạt động doanh thu tài chính.
- Doanh thu hoạt động tài chính khác phát sinh trong kỳ.

➤ Tài khoản 515 không có số dư cuối kỳ.

1.2.4.2. Kế toán chi phí hoạt động tài chính

Chi phí hoạt động tài chính là toàn bộ các khoản chi phí và khoản lỗ liên quan đến hoạt động tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán, các khoản dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán...

* Chứng từ sử dụng.

- Phiếu chi
- Giấy báo có của ngân hàng
- Phiếu kế toán
- Các chứng từ khác có liên quan

* Tài khoản sử dụng.

❖ TK 635 – Chi phí tài chính

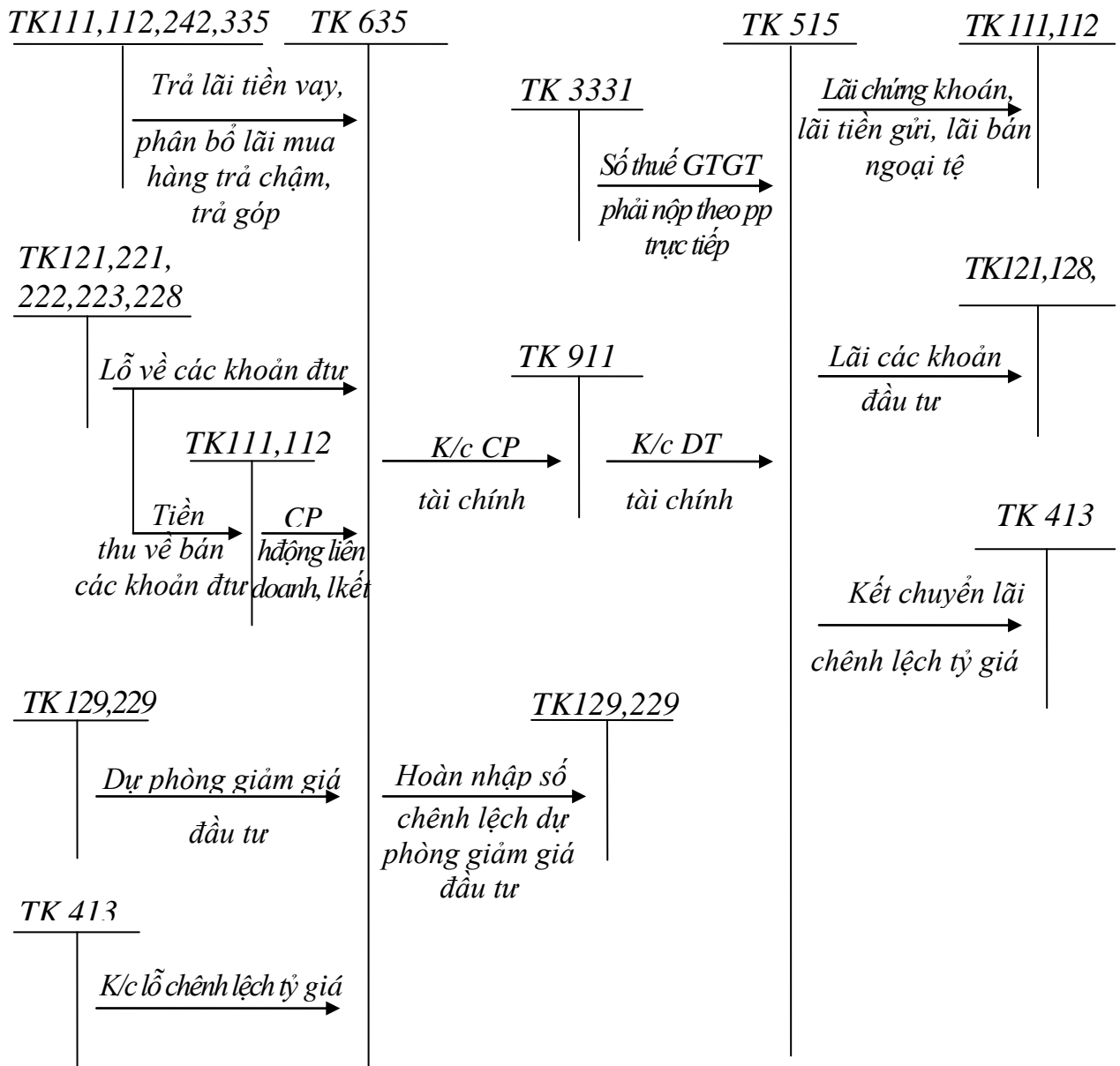
Tài khoản này phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính.

➤ Bên Nợ:

- Chi phí lãi tiền vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi thuê tài sản tài chính.
 - Lỗ bán ngoại tệ.
 - Chiết khấu thanh toán cho người mua
 - Các khoản lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư.
 - Lỗ tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động kinh doanh.
 - Lỗ tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ của hoạt động kinh doanh.
 - Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.
 - Kết chuyển hoặc phân bổ chênh lệch tỷ giá hối đoái của hoạt động đầu tư XDCB đã hoàn thành đầu tư vào chi phí tài chính.
 - Các khoản chi phí của hoạt động đầu tư tài chính khác.
- ##### ➤ Bên Có:
- Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.
 - Cuối kỳ kế toán, kết chuyển toàn bộ chi phí tài chính phát sinh trong kỳ để xác định kết quả hoạt động kinh doanh.
 - Tài khoản 635 không có số dư cuối kỳ.

1.2.4.3. Phương pháp hạch toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính

Phương pháp hạch toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính được khái quát bằng sơ đồ 1.6



Sơ đồ 1.6 - Kế toán doanh thu tài chính và chi phí tài chính

1.2.5. Kế toán chi phí, thu nhập hoạt động khác

1.2.5.1. Kế toán thu nhập hoạt động khác

Thu nhập khác là những khoản thu mà doanh nghiệp không dự tính trước được hoặc có dự tính đến nhưng ít có khả năng thực hiện, hoặc là những khoản không mang tính chất thường xuyên.

Nội dung chi phí hoạt động tài chính bao gồm:

- Các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính.
- Chi phí cho vay và đi vay vốn.
- Chi phí góp vốn liên doanh.
- Lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán, ...
- Khoản nhập và hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán và đầu tư khác.
- Khoản lỗ về chênh lệch tỷ giá ngoại tệ và bán ngoại tệ, ...

* Chứng từ sử dụng.

- Phiếu thu
- Biên bản bàn giao, thanh lý tài sản cố định
- Phiếu kế toán
- Các chứng từ khác có liên quan

* Tài khoản sử dụng.

❖ TK 711 – Thu nhập khác

Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động tạo ra doanh thu của doanh nghiệp.

➤ Bên Nợ:

- Số thuế GTGT phải nộp (nếu có) tính theo phương pháp trực tiếp đối với các khoản thu nhập khác ở doanh nghiệp nộp thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp.
- Cuối kỳ kế toán, kết chuyển các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ sang Tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

➤ Bên Có:

- Các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ.

➤ Tài khoản 711 không có số dư cuối kỳ.

1.2.5.2. Kế toán chi phí hoạt động khác

Chi phí khác là các khoản chi phí của hoạt động khác ngoài hoạt động SXKD tạo ra doanh thu của doanh nghiệp.

Nội dung của chi phí khác phát sinh bao gồm:

- Chi phí thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý, nhượng bán (nếu có).

- Tiền phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế.

- Bị phạt thuế, truy nộp thuế.

- Các khoản chi phí do kế toán bị nhầm, hoặc bỏ sót khi ghi sổ kế toán.

- Các khoản chi phí khác.

* Chứng từ sử dụng.

- Phiếu chi

- Biên bản bàn giao, thanh lý tài sản cố định

- Phiếu kế toán

- Các chứng từ khác có liên quan

* Tài khoản sử dụng.

❖ TK 811 – Chi phí khác

Tài khoản này phản ánh những khoản chi phí phát sinh do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của các doanh nghiệp.

➤ Bên Nợ:

- Các khoản chi phí khác phát sinh.

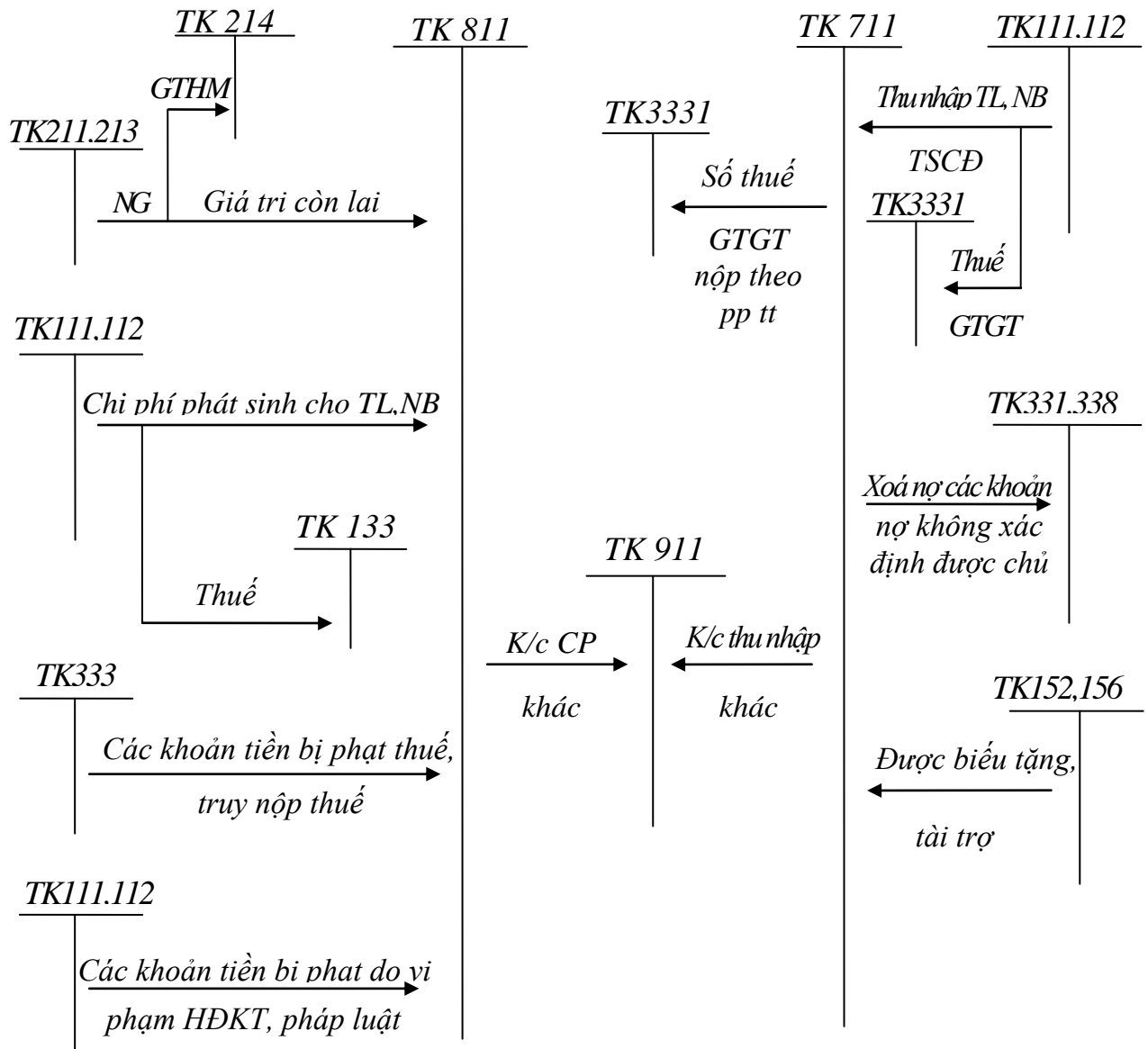
➤ Bên Có:

- Cuối kỳ, kết chuyển toàn bộ các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ vào Tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

➤ Tài khoản 811 không có số dư cuối kỳ.

1.2.5.3. Phương pháp hạch toán thu nhập khác và chi phí hoạt động khác

Phương pháp hạch toán thu nhập khác và chi phí khác được khái quát bằng sơ đồ 1.7



Sơ đồ 1.7 - Kế toán thu nhập khác và chi phí khác

1.2.6. Kế toán xác định kết quả kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh là kết quả cuối cùng của hoạt động tiêu thụ hàng hoá của doanh nghiệp sau một thời kỳ nhất định, biểu hiện bằng số tiền lãi hay lỗ.

Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm kết quả hoạt

động kinh doanh thông thường và kết quả hoạt động khác.

Kết quả hoạt động kinh doanh thông thường là kết quả từ những hoạt động tạo ra doanh thu của doanh nghiệp. Đây là hoạt động bán hàng, cung cấp dịch vụ và hoạt động tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thông thường được xác định theo công thức:

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Lãi} & & \text{Giá} & & \text{Chi} & & \text{CPBH,} \\ \text{(lỗ) từ} & \text{DTT về bán} & \text{vốn} & \text{Doanh} & \text{phí} & \text{CPQLDN} & \text{tính} \\ \text{hđ} & = \text{hàng và cung} & - \text{hàng} & + \text{thu} & - \text{HĐT} & - & \text{cho hàng tiêu} \\ \text{sxkd} & \text{cấp dịch vụ} & \text{bán} & \text{HĐTC} & \text{C} & & \text{thụ trong kỳ} \end{array}$$

Trong đó: DTT = tổng doanh thu bán hàng - các khoản giảm trừ.

Kết quả hoạt động khác là các kết quả từ hoạt động bất thường khác tạo ra doanh thu của doanh nghiệp, được tính bằng chênh lệch giữa thu nhập khác (sau khi đã trừ đi các khoản thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp nếu có) và chi phí khác.

$$\text{Lãi (lỗ) hoạt động khác} = \text{Thu nhập khác} - \text{chi phí khác}$$

Kết quả hoạt động của doanh nghiệp trong một thời kỳ có thể lãi hoặc lỗ. Nếu lỗ sẽ được xử lý bù đắp theo chế độ quy định của chế độ tài chính.

*** Chứng từ sử dụng.**

- Phiếu kế toán

*** Tài khoản sử dụng.**

❖ TK 911 – Xác định kết quả kinh doanh

Tài khoản này dùng để xác định và phản ánh kết quả hoạt động kinh doanh và các hoạt động khác của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán năm. Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm: Kết hoạt động sản xuất, kết quả hoạt động tài chính và kết quả hoạt động khác.

➤ Bên Nợ:

- Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán.
- Chi phí hoạt động tài chính, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và chi phí khác.

- Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.

- Kết chuyển lãi.

➤ Bên Có:

- Doanh thu thuần về số sản phẩm, hàng hoá, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán trong kỳ.

- Doanh thu hoạt động tài chính, các khoản thu nhập khác và khoản ghi giảm chi phí thu nhập doanh nghiệp.

- Kết chuyển lỗ.

➤ Tài khoản 911 không có số dư cuối kỳ.

❖ TK 821 – Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Tài khoản này dùng để phản ánh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của doanh nghiệp bao gồm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong năm tài chính hiện hành.

➤ Bên Nợ:

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phát sinh trong năm.

- Ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

➤ Bên Có:

- Số thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành thực tế phải nộp trong năm.

- Số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được ghi giảm do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước.

- Kết chuyển chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp sang Tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

➤ Tài khoản 821 không có số dư cuối kỳ.

➤ Tài khoản 821 có 2 tiểu khoản cấp 2:

- TK 8211 – Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

- TK 8212 – Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

❖ TK 421 - Lợi nhuận chưa phân phối

Tài khoản này dùng để phản ánh kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của doanh nghiệp.

➤ Bên Nợ:

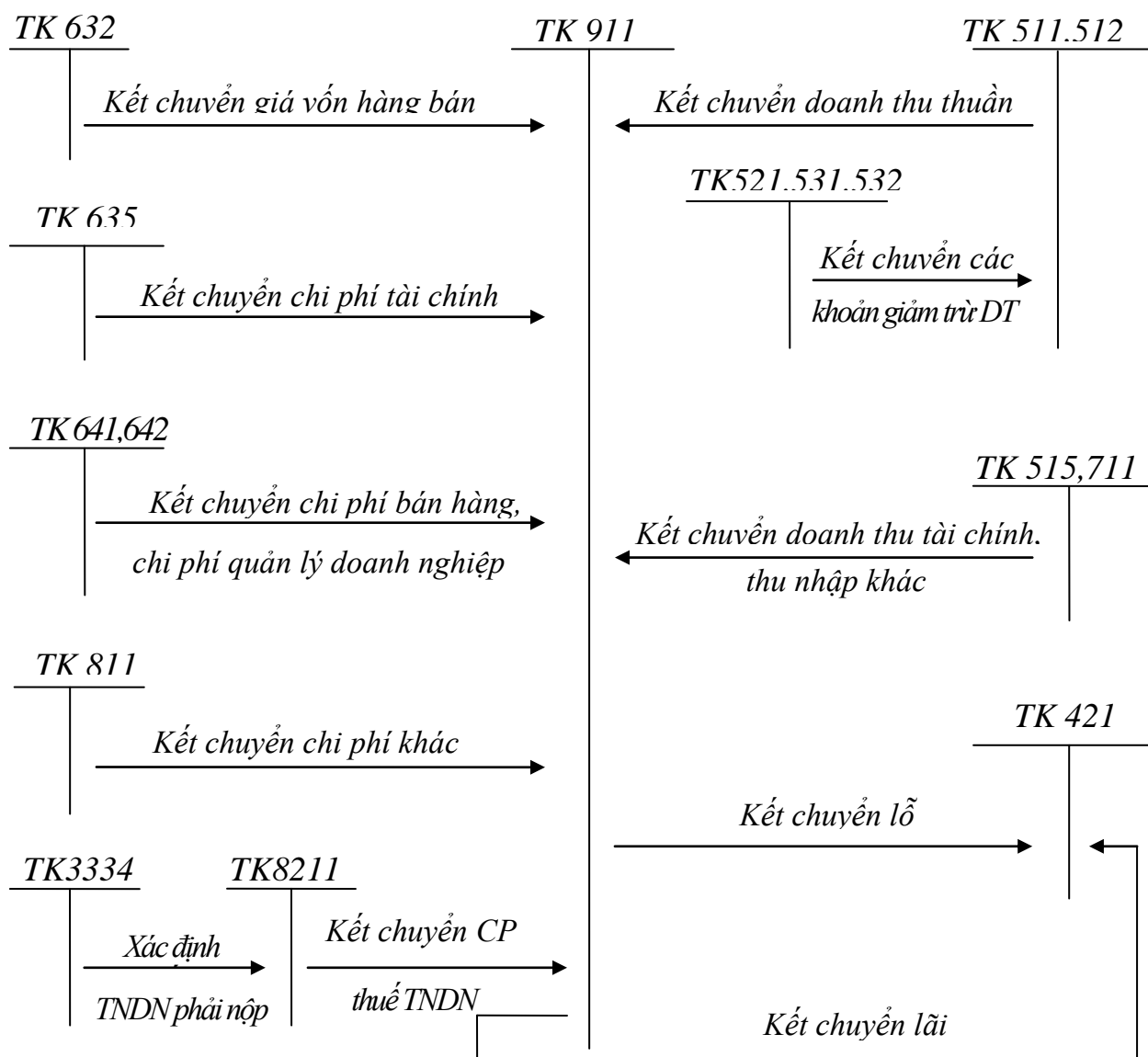
- Số lỗ về hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.
- Trích lập các quỹ của doanh nghiệp.
- Chia cổ tức, lợi nhuận cho các cổ đông, cho các nhà đầu tư, các bên tham gia liên doanh.
- Bổ sung nguồn vốn kinh doanh.
- Nộp lợi nhuận lên cấp trên.

➤ Bên Có:

- Số lợi nhuận thực tế của hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong kỳ.
- Số lợi nhuận cấp dưới nộp lên, số lỗ của cấp dưới được cấp trên cấp bù.
- Xử lý các khoản lỗ về hoạt động kinh doanh.
 - Số dư bên Nợ là số lỗ hoạt động kinh doanh chưa xử lý.
 - Số dư bên Có là số lợi nhuận chưa phân phối hoặc chưa sử dụng.
 - Tài khoản 421 có 2 tiểu khoản cấp 2:
 - TK 4211 - Lợi nhuận chưa phân phối năm trước
 - TK 4212 - Lợi nhuận chưa phân phối năm nay

*** Phương pháp hạch toán.**

Phương pháp hạch toán xác định kết quả kinh doanh được khái quát bằng sơ đồ 1.8



Sơ đồ 1.8 - Kế toán xác định kết quả kinh doanh

1.3. Tổ chức vận dụng hệ thống sổ sách kế toán vào tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

Tất cả các doanh nghiệp thuộc mọi loại hình, mọi lĩnh vực hoạt động sản xuất kinh doanh và mọi thành phần kinh tế căn cứ vào quy mô, khối lượng công việc kế toán, số lượng và trình độ chuyên môn của người làm công tác kế toán để lựa chọn một hình thức kế toán phù hợp cho doanh nghiệp mình trong 5 hình thức sổ kế toán sau:

a. Hình thức nhật ký chung

Hình thức Nhật ký chung bao gồm các loại sổ chủ yếu:

- Sổ Nhật ký chung, sổ Nhật ký đặc biệt
- Sổ cái
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết

b. Hình thức Nhật ký - Sổ cái

Hình thức này gồm các loại sổ :

- Nhật ký sổ cái
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết

c. Hình thức Nhật ký chứng từ

Hình thức này gồm các sổ :

- Nhật ký chứng từ, bảng kê
- Sổ cái
- Sổ hoặc thẻ kế toán chi tiết

d. Hình thức Chứng từ ghi sổ

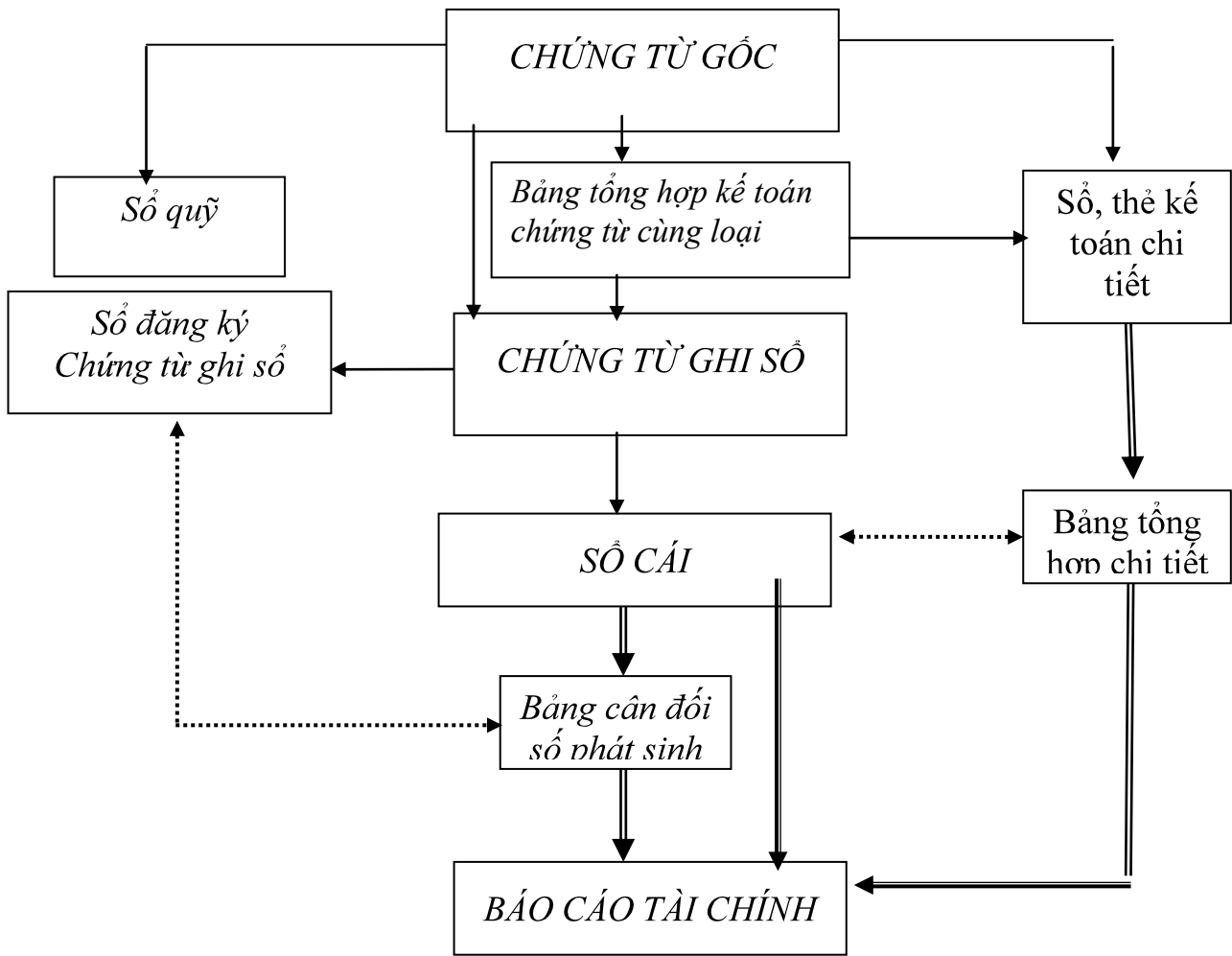
Hình thức này gồm các sổ :

- Chứng từ ghi sổ
- Sổ cái
- Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ
- Sổ và thẻ kế toán chi tiết

e. Hình thức kế toán trên máy vi tính

Hình thức sổ kế toán trên máy vi tính: Hình thức nào sẽ có loại sổ kế toán của hình thức kế toán đó nhưng không hoàn toàn giống mẫu sổ kế toán bằng tay.

Sau đây em xin trình bày khái quát sơ đồ hạch toán sổ kế toán theo hình thức chứng từ ghi sổ



Ghi chú :

Ghi hàng ngày : \longrightarrow

Ghi cuối tháng : \Longrightarrow

Kiểm tra , đối chiếu : $\longleftarrow\cdots\longrightarrow$

CHƯƠNG II.

THỰC TRẠNG TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH TM & DV TOÀN TÂM

2.1. Khái quát chung về công ty TNHH TM & DV Toàn Tâm

2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của công ty TNHH TM & DV Toàn Tâm

Công ty được thành lập vào ngày 22 tháng 11 năm 2001 với giấy phép đăng ký kinh doanh số 0200654828 do sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hải Phòng cấp với tên gọi và trụ sở như sau:

➤ Tên công ty: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ TOÀN TÂM

➤ Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: TOAN TAM SERVICE AND TRADING COMPANY LIMITED

➤ Tên giao dịch viết tắt: TOAN TAM Co, Ltd.

➤ Trụ sở Công ty: Số 23 đường Bạch Đằng, Thị trấn Núi Đèo, huyện Thuỷ Nguyên, thành phố Hải Phòng.

➤ Có tài khoản giao dịch tại ngân hàng Teccombank Hải Phòng với số TK: 10920269696011.

Công ty TNHH TM & DV Toàn Tâm là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh, có tư cách pháp nhân, hạch toán độc lập, chịu sự quản lý của nhà nước về hoạt động kinh doanh thông qua sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hải Phòng.

Vốn điều lệ ban đầu của Công ty là 2.000.000.000 (hai tỷ) đồng. Với các ngành nghề đăng ký kinh doanh đã đăng ký :

- Kinh doanh các mặt hàng sắt thép, vật liệu xây dựng, máy móc thiết bị phụ tùng, phương tiện vận tải, lương thực thực phẩm, đồ may mặc.

- Kinh doanh các mặt hàng điện tử điện lạnh, thiết bị viễn thông và đồ gỗ nội ngoại thất

- Đại lý nhận mua bán và ký gửi hàng hoá.

- Đầu tư kinh doanh bất động sản, xây dựng các công trình dân dụng.
- Dịch vụ vận tải hàng hoá đường thuỷ, đường bộ và dịch vụ du lịch .

Công ty được thành lập bởi ba thành viên là bà Phạm Thị Băng Tâm nguyên Giám đốc Công ty cùng hai thành viên là ông Bùi Đình Bằng và ông Bùi Anh Tuấn

Trong hơn 10 năm đi vào hoạt động Công ty TNHH TM & DV Toàn Tâm đã thu được nhiều thành tựu đáng kể. Ban đầu Công ty chỉ nhận phân phối cho các cửa hàng, đại lý bán lẻ trong địa bàn huyện Thuỷ Nguyên, với ít chủng loại hàng hóa, số lượng nhân lực hạn chế, nhưng đến nay Công ty đã có được một lượng khách hàng vô cùng đông đảo và rộng khắp không chỉ trong huyện Thuỷ Nguyên mà còn ở nhiều huyện khác và có rất nhiều tuyến hàng, vùng trọng điểm trên khắp địa bàn của thành phố Hải Phòng, tập trung chủ yếu là các huyện bao gồm các huyện Thuỷ Nguyên, huyện An Dương, Quận Ngô Quyền, Quận Hồng Bàng, Quận Kiến An. Với phương châm uy tín chất lượng là kim chỉ nam của công ty nên chỉ sau 10 năm hoạt động công ty đã thiết lập được mạng lưới khách hàng rộng khắp với trên 1850 khách hàng phủ khắp địa bàn huyện, thành phố Hải Phòng.

Mặt hàng phân phối của công ty cũng ngày càng đa dạng về chủng loại, mẫu mã là những mặt hàng chất lượng có uy tín trên thị trường như sản phẩm Dầu của công ty TNHH Dầu thực vật Cái Lân, sản phẩm Sữa của Công ty CP sữa Việt Nam Vinamilk và rất nhiều mặt hàng khác được thị trường công nhận, có sức cạnh tranh. Cùng với sự gia tăng của chủng loại hàng hoá và sự mở rộng của thị trường thì doanh thu, cơ sở vật chất của Công ty cũng ngày một tăng trưởng mạnh mẽ. Cho đến nay Công ty đã tăng vốn điều lệ lên 9.000.000.000 VNĐ (chín tỷ đồng), mở rộng cơ sở, mua sắm nhiều trang thiết bị hiện đại, xây thêm kho bãi, phương tiện vận tải mới phục vụ cho kinh doanh nhằm đưa Công ty phát triển mang lại hiệu quả cao trong kinh doanh.

Số lao động qua các năm tăng lên đáng kể, từ con số 20(người) năm 2001 đến năm 2010 đã tăng lên 70(người) điều này chứng tỏ quy mô hoạt động kinh doanh của Công ty ngày càng mở rộng.

2.1.2. Đặc điểm sản xuất kinh doanh của công ty TNHH TM & DV Toàn Tâm

Công ty TNHH TM & DV Toàn Tâm là một Công ty TNHH có hai thành viên trở lên và được thành lập căn cứ vào luật doanh nghiệp số 13/1999/QH 10 được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 12/6/1999 và các văn bản hướng dẫn thi hành luật Doanh nghiệp.

Ngành nghề kinh doanh chính chủ lực của Công ty đó là đại lý nhận phân phối độc quyền các sản phẩm sữa tươi, sữa đặc, sữa bột của Công ty cổ phần Sữa Việt nam Vinamilk, các sản phẩm Dầu Công ty Dầu thực Vật Cái Lân Calofic, các sản phẩm bánh kẹo của Công ty Cổ phần chế biến thực phẩm Kinh Đô, Công ty Cổ Phần Bánh Kẹo Hải Châu và các sản phẩm mỳ của Công ty Cổ phần thực phẩm Công Nghệ Đồng Lợi (các sản phẩm thuộc tổng Công ty Mì ViFon), các sản phẩm nước ngọt Numberone, các sản phẩm sữa nhập khẩu của Công ty TNHH Dược phẩm 3A và nhiều mặt hàng chủ lực khác. Tất cả các mặt hàng của các ngành hàng mà công ty nhận phân phối đều là những mặt hàng có chất lượng cao được sản xuất theo quy trình hiện đại, đã được người tiêu dùng lựa chọn và ưa thích, có tính cạnh tranh cao. Khẳng định thương hiệu trên thị trường. Các sản phẩm Công ty phân phối luôn được kiểm tra về chất lượng, quy cách trước khi tiêu thụ, phân phối đến tay người tiêu dùng với một quy trình khép kín từ khâu lên đơn hàng, chọn mặt hàng chủ lực đủ tiêu chuẩn đến khâu vận chuyển hàng hóa từ kho của nhà cung ứng về kho của công ty và được kiểm tra về hạn sử dụng, phẩm chất, bao bì của hàng hóa.

Vì là một Công ty chuyên sâu về phân phối các sản phẩm độc quyền, hàng hoá thực phẩm công nghệ, Công ty luôn chú trọng đến thị trường tiêu thụ. Chỉ sau 10 năm đi vào hoạt động Công ty đã thiết lập được mạng lưới khách hàng rộng khắp địa bàn huyện và thành phố Hải Phòng.

2.1.3. Cơ cấu, tổ chức bộ máy quản lý của công ty.

Đến thời điểm 31/12/2010 tổng số lao động của công ty là 70 người được cấu thành hai bộ phận sau:

- Bộ phận quản lý: gồm có Ban giám đốc, phòng kế toán, phòng Kinh

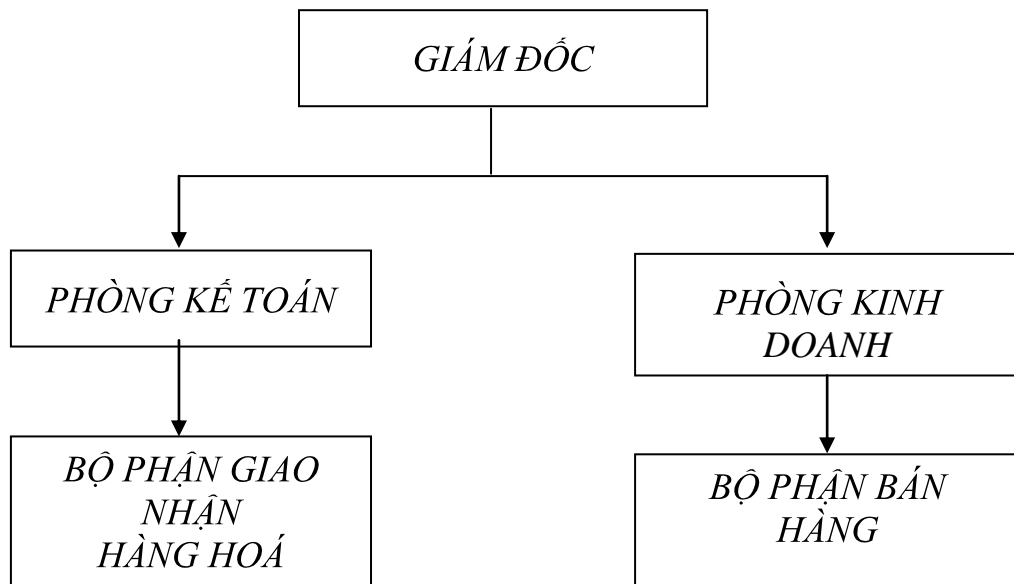
doanh.

- Bộ phận trực tiếp gồm: Bộ phận giao nhận hàng, bộ phận bán hàng.

Công ty TNHH TM & DV Toàn Tâm được tổ chức và quản lý một cấp với mô hình trực tuyến chức năng. Trong đó Giám đốc công ty lãnh đạo và chỉ đạo trực tiếp. Giúp việc cho Giám đốc có các phòng chức năng được tổ chức để đáp ứng yêu cầu của hoạt động kinh doanh và chịu sự lãnh đạo và sự chỉ đạo trực tiếp của Giám đốc công ty.

Sơ đồ 2.1: Tổ chức bộ máy quản lý của Công ty TNHH TM & DV

Toàn Tâm :



* Chức năng của từng bộ phận :

- Giám đốc Công ty: Là người lãnh đạo cao nhất, có chức năng chỉ đạo toàn bộ hoạt động của công ty và các hoạt động khác theo đúng Pháp luật của nhà nước, chịu trách nhiệm pháp nhân trước những mối làm ăn kinh tế và đưa ra các quyết định sống còn của Công ty, đưa công ty tiến lên làm ăn có hiệu quả.

- Phòng kế toán: Chịu sự chỉ đạo của giám đốc Công ty, chính đội ngũ kế toán là cánh tay đắc lực cho sự cân nhắc hoạt động của công ty. Phản ánh, ghi chép các nghiệp vụ kinh tế tài chính phát sinh trong quá trình hoạt động kinh doanh của công ty một cách đầy đủ, kịp thời, chính xác về sự biến động của nhân lực, vật tư tiền vốn, tính toán chi phí, kết quả lỗ lãi theo đúng quy định của chế độ kế

toán thống kê của nhà nước.

Lập các kế hoạch tài chính ngắn hạn, trung hạn, dài hạn, theo dõi tình hình biến động tăng giảm tài sản lên kế hoạch sử dụng nguồn vốn một cách có hiệu quả.

Theo dõi toàn bộ các hoạt động liên quan tới doanh thu, chi phí, phân phối thu nhập trong Công ty và thực hiện nghĩa vụ ngân sách với Nhà nước.

Thu nhập, phân loại xử lý tổng hợp số liệu thông tin về hoạt động kinh doanh của công ty nhằm cung cấp thông tin cần thiết cho giám đốc Công ty và phòng kinh doanh. Tổng hợp số liệu và lập báo cáo kế toán theo định kỳ báo cáo, thực hiện phân tích thông tin kế toán, cân đối lợi nhuận, đề xuất các biện pháp cho lãnh đạo công ty có đường lối phát triển đúng đắn, giúp giám đốc có quyết định kịp thời đạt hiệu quả cao nhất trong công tác điều hành và quản lý trong kinh doanh.

- Phòng kinh doanh có vai trò khá quan trọng trong Công ty, chịu sự chỉ đạo trực tiếp của giám đốc, có chức năng nghiên cứu và tìm kiếm thị trường, giới thiệu sản phẩm của công ty với các địa bàn kinh doanh nhằm bán được nhiều sản phẩm nhất, tối đa hoá thị trường tiêu thụ. Nắm bắt mọi thông tin về thị trường, về đối thủ cạnh tranh căn cứ vào số liệu phòng kế toán cung cấp về lượng hàng hoá tiêu thụ đưa ra các kế hoạch ngắn hạn và dài hạn, chiến lược phát triển của Công ty ở từng thời điểm khác nhau nhằm đem lại hiệu quả cao trong kinh doanh.

- Bộ phận bán hàng: Chịu sự chỉ đạo trực tiếp của phòng kinh doanh có nhiệm vụ chính là bán hàng, tìm kiếm, mở rộng thị trường, nâng cao doanh số tiêu thụ...

- Bộ phận giao nhận hàng hoá: Có nhiệm vụ chính là giao nhận kiểm tra, kiểm nghiệm hàng hoá và chuyển hàng đến trực tiếp cho khách hàng.

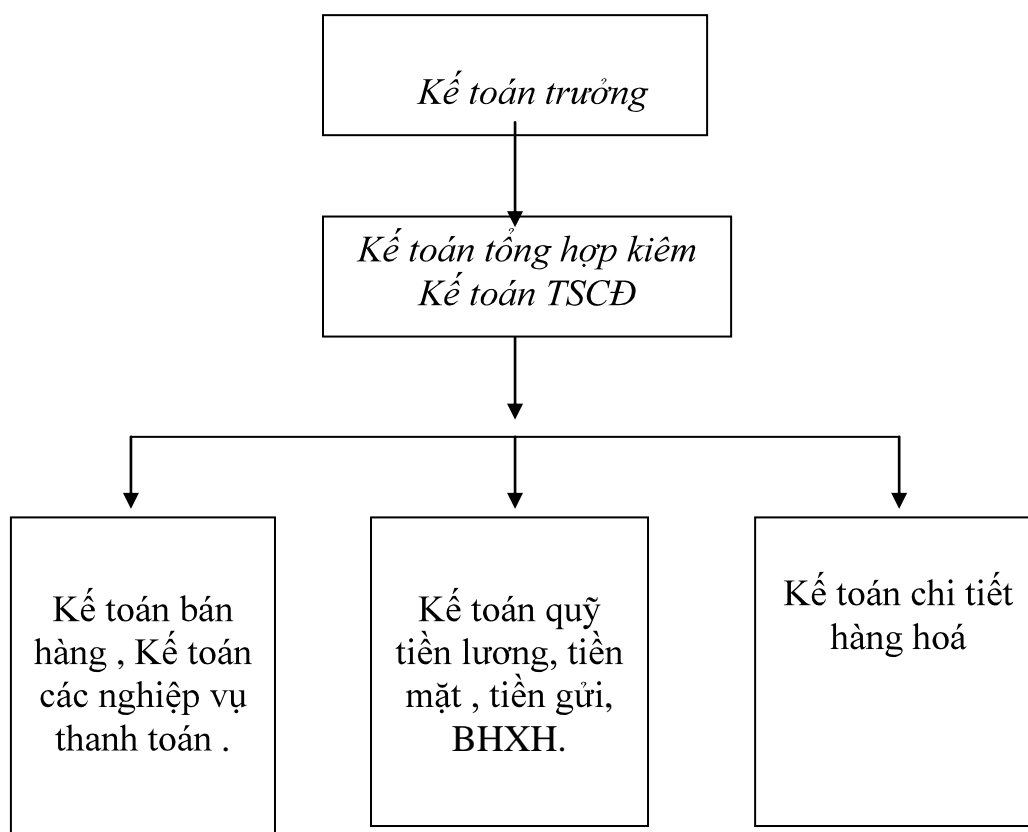
2.1.4. Tổ chức công tác kế toán tại công ty

2.1.4.1. Tổ chức bộ máy kế toán

Công ty TNHH TM & DV Toàn Tâm là công ty có quy mô vừa và nhỏ hoạt động trên địa bàn tập trung nên công ty tổ chức kế toán theo hình thức kế toán tập trung. Toàn bộ công việc kế toán được tập trung tại phòng kế toán của công ty, với quy mô tập trung công ty đã tạo điều kiện cho việc kiểm tra, chỉ đạo kịp thời, thống nhất của kế toán trưởng cũng như sự điều hành chỉ đạo của giám đốc công ty với toàn bộ hoạt động kinh doanh.

Sơ đồ 2.2

Sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán của công ty.



Bộ phận kế toán có 6 người gồm có 01 kế toán trưởng, 01 kế toán tổng hợp, 03 kế toán viên và 01 kế toán kho. Mỗi bộ phận kế toán có trách nhiệm hoàn thành nhiệm vụ của mình theo từng công việc đã nhận :

- Kế toán trưởng: chịu trách nhiệm về hoạt động tài chính của Công ty cũng như hoạt động của phòng tài chính Kế toán, là người chỉ đạo chung công tác hạch toán của phòng kế toán, chỉ đạo trực tiếp xuống từng bộ phận kế toán

riêng biệt và chịu sự chỉ đạo trực tiếp của giám đốc công ty, chịu trách nhiệm trước cơ quan pháp luật với mọi số liệu của nhân viên văn phòng.

- Kế toán tổng hợp: Theo dõi tình hình nguồn vốn, vốn của công ty, TSCĐ của Công ty, tình hình tăng giảm về tài sản và nguồn hình thành tài sản, tính và trích khấu hao hàng tháng, định khoản kế toán, vào sổ cái. Làm báo cáo kế toán tháng, quý, năm, theo dõi các hợp đồng và thanh lý hợp đồng kinh tế cũng như hợp đồng của các nhà cung cấp.

- Kế toán bán hàng và các nghiệp vụ thanh toán: Căn cứ vào các chứng từ như: Hoá đơn mua hàng, hoá đơn bán hàng, biên bản giao nhận hàng hoá, phiếu tạm ứng, bảng kê theo dõi công nợ... để thống kê, tổng hợp số lượng hàng hoá, doanh thu bán hàng và các khoản thanh toán với nhà cung cấp, các khoản thanh toán của khách hàng với Công ty, các khoản khách hàng được hỗ trợ cũng như các khoản được hỗ trợ hoặc cần trừ từ Nhà cung cấp.

- Kế toán tiền lương, tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, BHXH: Hàng kỳ tập hợp bảng chấm công, phiếu xác nhận công việc hoàn thành, bảng thống kê doanh số bán hàng... của các bộ phận để làm căn cứ tính lương và BHXH cho người lao động theo quy định của nhà nước đảm bảo độ chính xác và độ tin cậy cao. Viết phiếu thu, chi tiền mặt, tổng hợp thu chi các khoản của Công ty, cân đối các khoản thu chi trong ngày, đồng thời kiểm tra số liệu từ thủ quỹ.

- Kế toán chi tiết hàng hoá, giá thành sản phẩm: Theo dõi lượng hàng hoá vật liệu tồn kho, viết phiếu nhập, xuất kho vật tư hàng hoá theo giá thực tế, tập hợp chi phí liên quan để tính giá thành hàng hoá xuất kho... đối chiếu số liệu với kế toán kho và kế toán tổng hợp .

2.1.4.2. Tổ chức vận dụng hệ thống chứng từ, tài khoản kế toán

Hiện tại Công ty đang áp dụng quyết định của Bộ tài chính số 48/2006/QĐ- BTC ngày 14 tháng 9 năm 2006 về chế độ kế toán đối với các doanh nghiệp vừa và nhỏ

2.1.4.3. Chế độ kế toán áp dụng tại công ty.

Hiện nay Công ty TNHH TM & DV Toàn Tâm đang áp dụng hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ

Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 cùng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là: Đồng Việt Nam

Căn cứ vào quy mô và đặc điểm kinh doanh Công ty áp dụng phương pháp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên, tính thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.

- Đánh giá TSCĐ theo nguyên giá và giá trị còn lại của TSCĐ.

- Phương pháp tính giá hàng xuất kho: Nhập trước – xuất trước.

- Phương pháp trích lập và hoàn nhập các khoản dự phòng theo chế độ quản lý chế độ hiện hành.

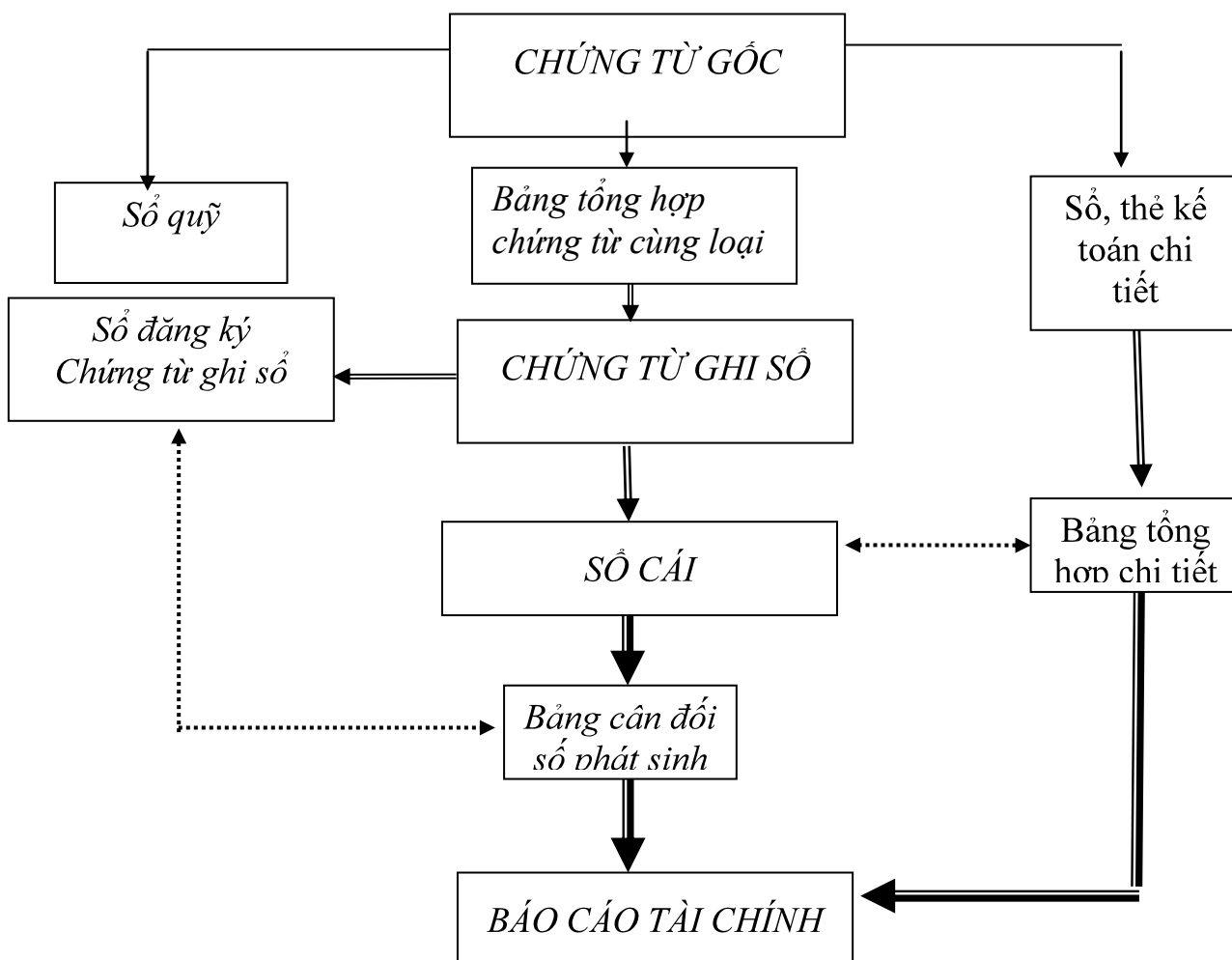
2.1.4.4. Hệ thống sổ sách kế toán và hình thức kế toán áp dụng tại công ty

Hiện nay Công ty TNHH TM & DV Toàn Tâm đang áp dụng hình thức kế toán **Chứng từ ghi sổ**

Trình tự ghi sổ kế toán tại Công ty TNHH TM & DV Toàn Tâm như sơ đồ sau:

Sơ đồ 2.3

Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức chứng từ ghi sổ



Ghi chú :

Ghi hàng ngày : —→

Ghi cuối tháng : ==→

Ghi cuối quý, năm : ==→

Kiểm tra, đối chiếu : <----->

- Hàng ngày căn cứ vào các chứng từ gốc kế toán vào bảng tổng hợp các chứng từ cùng loại đồng thời ghi vào sổ, thẻ kế toán chi tiết, sổ quỹ.

- Cuối tháng căn cứ vào bảng tổng hợp chứng từ cùng loại lập các chứng từ ghi sổ, từ chứng từ ghi sổ ghi sổ đăng ký chứng từ ghi sổ và sổ cái các TK liên

quan, Từ sổ thẻ chi tiết lập bảng tổng hợp chi tiết. Kế toán tổng hợp căn cứ vào số liệu trên sổ cái các tài khoản đối chiếu với bảng tổng hợp chi tiết của kế toán chi tiết để kiểm tra tính chính xác của số liệu

- Cuối quý, năm căn cứ vào sổ cái lập bảng cân đối số phát sinh. Từ bảng cân đối số phát sinh đối chiếu với sổ đăng ký chứng từ ghi sổ. Từ bảng cân đối số phát sinh, bảng tổng hợp chi tiết kế toán lập BCTC

2.1.4.5. Tổ chức lập và phân tích báo cáo tài chính

Hệ thống báo cáo tài chính của doanh nghiệp nhỏ và vừa bao gồm:

Bảng cân đối kế toán	Mẫu số: B01-DNN
Báo cáo kết quả kinh doanh	Mẫu số: B02-DNN
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	Mẫu số: B03-DNN
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	Mẫu số B09-DNN
Bảng cân đối tài khoản	Mẫu số: F01-DNN

Bảng Cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Bản thuyết minh báo cáo tài chính, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ là báo cáo bắt buộc gửi cho cơ quan thuế phải lập và gửi thêm phụ biểu là Bảng Cân đối tài khoản

2.2. Thực trạng tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH TM & DV Toàn Tâm

2.2.1. Kế toán doanh thu tại công ty TNHH TM & DV Toàn Tâm

2.2.1.1. Đặc điểm sản phẩm tại công ty

Ngành nghề kinh doanh chính chủ lực của Công ty đó là đại lý nhận phân phối độc quyền các sản phẩm:

+ Sữa tươi, sữa đặc, sữa bột, sữa chua của Công ty cổ phần Sữa Việt nam Vinamilk

+ Sản phẩm Dầu Công ty Dầu thực Vật Cái Lân Calofic.

+ Các sản phẩm bánh kẹo của Công ty Cổ phần chế biến thực phẩm Kinh Đô, Công ty Cổ Phần Bánh Kẹo Hải Châu .

+ Các sản phẩm mỳ của Công ty Cổ phần thực phẩm Công Nghệ Đồng Lợi (các sản phẩm thuộc tổng Công ty Mì ViFon).

+ Các sản phẩm nước ngọt Numberone, các sản phẩm sữa nhập khẩu của Công ty TNHH Dược phẩm 3A và nhiều mặt hàng chủ lực khác.

Tất cả các mặt hàng của các ngành hàng mà công ty nhận phân phối đều là những mặt hàng có chất lượng cao được sản xuất theo quy trình hiện đại, đã được người tiêu dùng lựa chọn và ưa thích, có tính cạnh tranh cao. Khẳng định thương hiệu trên thị trường.

2.2.1.2. Các phương thức bán hàng.

* Công ty áp dụng 2 phương thức bán hàng sau:

- Bán buôn: Bán trực tiếp cho các cơ quan, tổ chức, cửa hàng kinh doanh, hàng hóa được bán theo lô, hoặc bán theo khối lượng lớn. Hình thức bán buôn mà công ty áp dụng là hình thức bán buôn qua kho hoặc theo phương pháp giao hàng trực tiếp hay chuyển hàng theo đơn đặt hàng.

- Bán lẻ: Là phương thức bán hàng cho khách hàng theo giá bán lẻ tại các cửa hàng công ty. Công ty áp dụng hình thức bán lẻ trực tiếp.

* Phương thức thanh toán tại công ty:

- Thanh toán trực tiếp bằng tiền mặt

- Thanh toán bằng chuyển khoản.
- Thanh toán chậm: Việc giao hàng và thanh toán tiền hàng diễn ra vào khoảng thời gian nhất định tùy thuộc vào thỏa thuận giữa hai bên.

2.2.1.3. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại công ty.

*** Chứng từ sử dụng:**

- Hóa đơn GTGT
- Giấy báo có của ngân hàng, phiếu thu.
- Phiếu xuất kho
- Các sổ chi tiết được sử dụng, sổ chi tiết phải thu của khách hàng
- Các chứng từ có liên quan khác...

*** Tài khoản sử dụng:**

TK 511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Để thuận tiện cho công tác hạch toán và yêu cầu quản lý, kế toán đã theo dõi và ghi chép các loại doanh thu trên các tài khoản chi tiết như sau:

51111: Doanh thu bán sữa

51112: Doanh thu bán Dầu thực vật

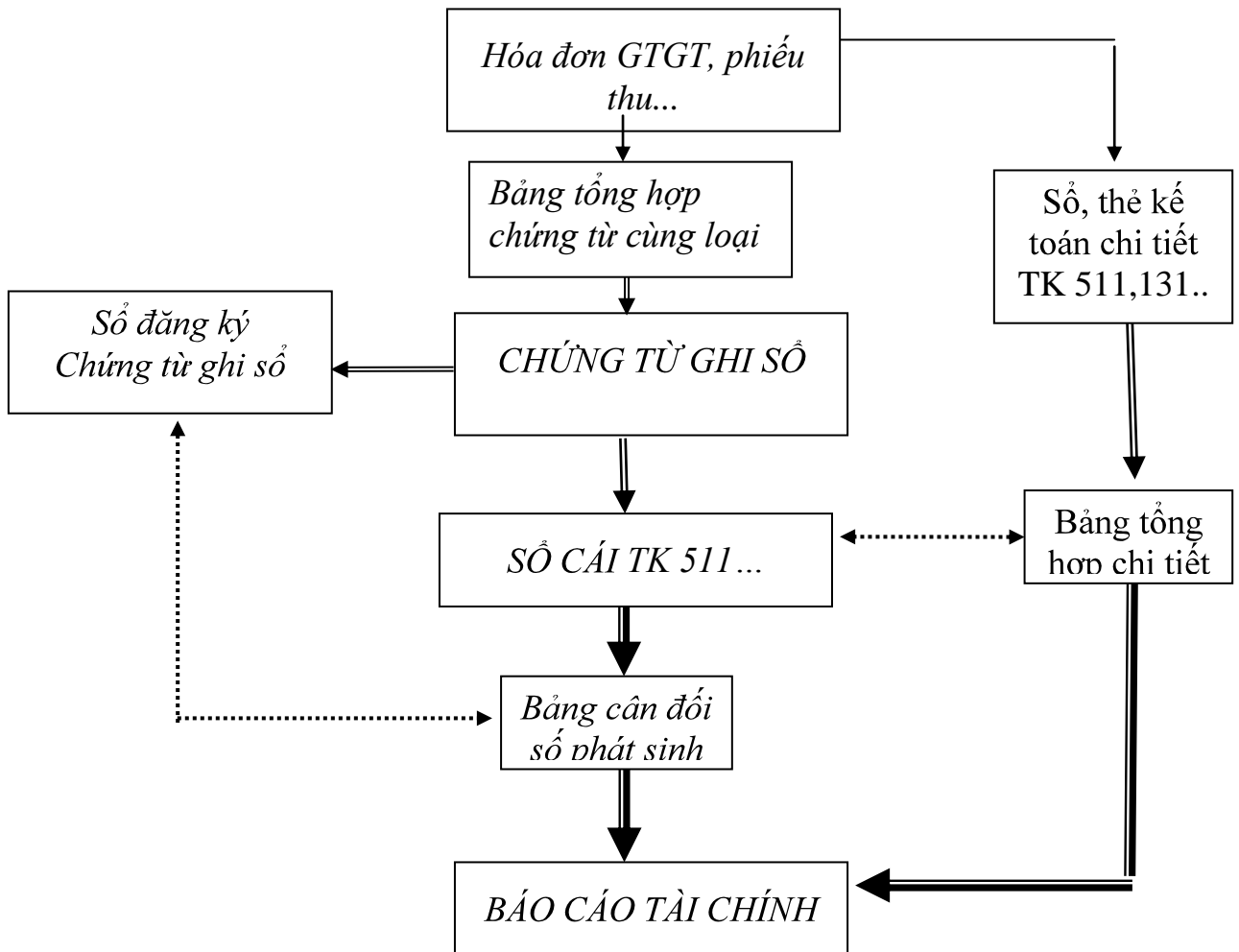
51113: Doanh thu bán Mì ViFon

51114: Doanh thu bán bánh kẹo Hải Châu

51115: Doanh thu bán nước ngọt Numberone

Và các tài khoản khác có liên quan.

Quy trình hạch toán : Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được thể hiện thông qua sơ đồ 2.4



Sơ đồ 2.4 – Quy trình hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại Công ty TNHH TM & DV Toàn Tâm

Ghi chú

- Ghi hàng ngày
- =====> Ghi cuối tháng
- ⋯⋯⋯→← Đôi chiếu, kiểm tra
- =====> Ghi cuối quý, năm

- Từ các chứng từ ghi sổ hàng ngày như phiếu nhập, xuất, thu, chi, HĐ GTGT... vào bảng tổng hợp chứng từ cùng loại đồng thời ghi vào sổ thẻ kế toán chi tiết

- Cuối tháng căn cứ vào bảng tổng hợp chứng từ cùng loại lập các chứng từ ghi sổ, từ chứng từ ghi sổ ghi sổ đăng ký chứng từ ghi sổ và sổ cái các TK 511..., Từ sổ thẻ chi tiết lập bảng tổng hợp chi tiết TK 511,131...

- Cuối kỳ căn cứ vào sổ cái lập bảng cân đối số phát sinh. Từ bảng cân đối số phát sinh, bảng tổng hợp chi tiết kế toán lập BCTC

Ví dụ 1: Ngày 19/12/2010 công ty cổ phần Tuân Việt mua 100 thùng trà O⁰ Numberone , giá bán 130.000đ/ thùng , thuế VAT 10%, khách hàng chậm thanh toán.

-Dựa vào HĐGTGT số 0089425 (biểu 2.1), kế toán tiến hành vào sổ chi tiết thanh toán với người mua (biểu 2.2) đồng thời vào bảng tổng hợp các chứng từ cùng loại(biểu 2.4), và sổ chi tiết TK 511(Biểu 2.8)

- Cuối tháng căn cứ vào bảng tổng hợp chứng từ cùng loại ghi vào chứng từ ghi sổ (biểu 2.5). Dựa vào các CTGS phát sinh kế toán vào sổ đăng ký CTGS (biểu 2.6) và sổ cái TK 511 (biểu2.7). Từ sổ chi tiết thanh toán với người mua làm căn cứ vào BTH thanh toán với người mua (biểu 2.3). Căn cứ vào sổ chi tiết tài khoản TK 511 kế toán vào bảng tổng hợp chi tiết tài khoản TK 511(Biểu 2.9)

-Cuối quý, năm căn cứ vào sổ cái lập bảng cân đối số phát sinh, từ BCĐSPS và bảng tổng hợp chi tiết lập BCTC

HOÁ ĐƠN
GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Mẫu số: 01GTKT -

3LL

Liên 3: Lưu lại

TM/2010 -T

Ngày 19 tháng 12 năm 2010

0089425

Đơn vị bán hàng: Cty TNHH TM & DV Toàn Tâm

Địa chỉ: Số 23, Bạch Đằng, Núi Đèo, Thủy Nguyên, Hải Phòng

Số tài khoản: 021000000214 tại ngân hàng Ngoại Thương

Điện thoại:MS:

0	2	0	0	6	5	4	8	2	8				
---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	--	--	--	--

Họ tên người mua hàng: Phạm Thanh Thủy

Tên đơn vị: Cty cổ phần Tuân Việt

Địa chỉ: Số 4, Kênh Giang, Thủy Nguyên, Hải Phòng

Số tài khoản:

Hình thức thanh toán: Chưa thanh toán.....MS:

0	2	0	0	6	6	3	9	4	2				
---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	--	--	--	--

STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị Tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Trà xanh O° Numbeone	Thùng	100	130.000	13.000.000

Cộng tiền hàng: 13.000.000

Thuế GTGT: 10% Tiền thuế GTGT: 1.300.000

Tổng cộng tiền thanh toán 14.300.000

Số tiền viết bằng chữ: Mười bốn triệu ba trăm nghìn đồng chẵn

<p><u>Người mua hàng</u> (Ký, ghi rõ họ tên)</p>	<p><u>Người bán hàng</u> (Ký, ghi rõ họ tên) (Biểu 2.1)</p>	<p><u>Thủ trưởng đơn vị</u> (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)</p>
--	---	---

CÔNG TY TNHH TM & DV TOÀN TÂM

(biểu 2.2)

Địa chỉ: Số 23- Bạch Đằng- Núi Đèo – Thủy nguyên- HP

SỔ CHI TIẾT THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA

TK: 131 - Phải thu của khách hàng

Đối tượng: Công ty Cổ Phần Tuân Việt

Từ ngày: 01/10/2010 đến ngày: 31/12/2010

Đơn vị tính: VNĐ

Ngày ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh		Số dư	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có	Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ				55.144.280	
.....						
19/12	HD 0089425	19/12	Doanh thu bán hàng cho công ty	511	13.000.000		213.673.050	
19/12	HD 0089425	19/12	VAT đầu ra	3331	1.300.000		214.973.050	
21/12	PT 1966	21/12	Cty thanh toán tiền hàng bằng tiền mặt	111		146.899.000	68.074.050	
				
			Cộng số phát sinh		653.112.000	531.322.000		
			Số dư cuối kỳ				176.934.280	

Ngày ... tháng 12 năm 2009

Người ghi sổ

(ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(ký, họ tên)

CÔNG TY TNHH TM & DV TOÀN TÂM

Địa chỉ: Số 23- Bạch Đằng- Núi Đèo – Thủy nguyên- HP

(biểu 2.3)

BẢNG TỔNG HỢP THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA

TK: Phải thu của khách hàng

Số hiệu: 131

Từ ngày: 01/10/2010 đến ngày: 31/12/2010

Đơn vị tính: VNĐ

STT	Tên khách hàng (đối tượng)	SDĐK		SPS trong kỳ		SDCK	
		Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
1	Cty Cổ Phần Tuấn Việt	55.144.280		653.112.000	531.322.000	176.934.280	
2	Cty cổ phần Sao Biển	23.173.600		727.599.400	630.122.180	120.650.820	
3	Cửa hàng Milan23	4.721.436		73.265.361	40.790.457	37.196.340	
4	Công ty AC		130.500.000	853.492.205	512.429.249	210.562.956	
			
	Tổng	938.297.468	213.000.000	5.924.679.119	4.653.036.596	<u>2.054.939.991</u>	<u>58.000.000</u>

Ngày... tháng... năm 2010

Người ghi sổ

(ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(ký, họ tên)

CÔNG TY TNHH TM & DV TOÀN TÂM

(Biểu 2.4)

BẢNG TỔNG HỢP CHỨNG TỪ CÙNG LOẠI

Ghi nợ tài khoản 131

Số chứng từ 1261

Tháng 12 năm 2010

.Ngày	Số CT	Diễn giải	Tiền trong CT	Ghi các tài khoản có		
				511	3331
...	
19/12	HĐ0089425	Bán hàng chưa thu tiền cho cty Tuấn Việt	14.300.000	13.000.000	1.300.000	
20/12	HĐ0089476	Bán hàng chưa thu tiền cửa hàng Đông Linh	4.532.000	4.120.000	412.000	
....	
		Cộng	1.974.893.040	1.727.890.070	175.789.007	...

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Đơn vị: Cty TNHH TM & DV Toàn Tâm
Địa chỉ: Số 23 Bạch Đằng-Núi Đèo-Thủy
Nguyễn-Hải Phòng

Số: 02a-DNN
Ban hành theo QĐ số
48/2006/QĐ-BTC ngày
14/9/2006 của BTC

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số: 1261

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Trích yếu	Số hiệu tài khoản		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
A	B	C	I	D
....	
- Bán hàng chưa thu tiền	131	511	1.727.890.070	
- Thuế GTGT Đầu ra	131	3331	175.789.007	
...	
Cộng	x	x	1.974.893.040	X

Kèm theo chứng từ gốc

Ngày..... tháng năm.....

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

(ký, họ tên)

(ký, họ tên)

(Biểu 2.5)

Đơn vị: Cty TNHH TM & DV Toàn Tâm
 Địa chỉ: Số 23 Bạch Đằng-Núi Đèo-Thủy
 Nguyên-Hải Phòng

Số: 02b-DNN
 Ban hành theo QĐ số
 48/2006/QĐ-BTC ngày
 14/9/2006 của BTC

SỔ ĐĂNG KÝ CHỨNG TỪ GHI SỔ

Năm 2010

Chứng từ ghi sổ		Số tiền	Chứng từ ghi sổ		Số tiền
Số hiệu	Ngày tháng		Số hiệu	Ngày tháng	
A	B	I	A	B	I
...	1261	31/12	1.974.893.040
1237	31/12	142.256.700	1262	31/12	2.345.048.438
1238	31/12	234.213.000	1263	31/12	411.115.727
1239	31/12	138.987.690
1240	31/12	6.965.956.700			
1241	31/12	6.457.433.621			
1242	31/12	1.193.893.585			
1243	31/12	3.869.842.321			
...	...				
Cộng			Tổng cộng		56.288.967.491

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người ghi sổ
 đốc
 (Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
 (Ký, họ tên)

Giám
 (Ký, họ tên)

(biểu 2.6)

Đơn vị: Cty TNHH TM & DV Toàn Tâm
Địa chỉ: Số 23 Bạch Đằng-Núi Đèo-Thủy
Nguyên-Hải Phòng

Số: S02c1-DNN
Ban hành theo QĐ số
48/2006/QĐ-BTC ngày
14/9/2006 của BTC

SỔ CÁI

(Dùng cho hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ)

Từ ngày 1/10/2010 đến ngày 31/12/2010

Tên tài khoản: doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ
Số hiệu : 511

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số phát sinh			
...	
31/12	1248	31/12	Bán hàng thu bằng tiền mặt tháng 12/2010	111		960.378.970
31/12	1261	31/12	Bán hàng chưa thu tiền tháng 12/2010	131		1.727.890.070
31/12	1243	31/12	Bán hàng thu bằng tiền gửi NH tháng 12/2010	112		1.536.298.673
				
31/12	1265	31/12	K/C doanh thu quý 4/2010	911	9.733.572.276	
			Cộng phát sinh		9.733.572.276	9.733.572.276

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên)

(Biểu 2.7)

Đơn vị: Cty TNHH TM & DV Toàn Tâm
Địa chỉ: Số 23 Bạch Đằng-Núi Đèo-Thủy Nguyên-Hải Phòng

Mẫu số S35 – DNN
Ban hành theo QĐ số 48/2006/ QĐ – BTC
ngày 14/9/2006 của bộ trưởng BTC

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Tài khoản: 51115 – Doanh thu bán nước ngọt Numberone
Từ ngày: 01/10/2010 đến ngày: 31/12/2010

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số lượng	Đơn giá	Số tiền	
	SH	NT					Nợ	Có
...
19/12/2010	HD0089425	19/12/10	Bán hàng cho công ty Tuân Việt	131	100	130.000		13.000.000
20/12/2010	HD0089439	20/12/10	Bán hàng cho công ty Sao Biển	131	100	132.200		13.220.000
20/12/2010	HD0089445	20/12/10	Bán hàng cho công ty BA	111	250	132.200		33.050.000
20/12/2010	HD0089456	20/12/10	Bán hàng cho cửa hàng Nana	111	45	135.000		6.075.000
20/12/2010	HD0089467	20/12/10	Bán hàng cho cửa hàng Phi Long	112	30	135.500		4.065.000
.....
31/12/2010	K/c	31/12/10	Kết chuyển doanh thu bán nước ngọt	911			2.013.564.988	
			Cộng phát sinh				2.013.564.988	2.013.564.988

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Biểu số 2.8

- Số chi

Ngày ... tháng ... năm...
Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

tiết TK 51115

CÔNG TY TNHH TM & DV TOÀN TÂM

BẢNG TỔNG HỢP CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Tài khoản: 511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Từ ngày: 01/10/2010 đến ngày: 31/12/2010

Số dư đầu kỳ:

STT	SHTK chi tiết	Diễn giải	Số tiền		Ghi chú
			Nợ	Có	
1	51111	Doanh thu bán sữa	1.946.714.455	1.946.714.455	
2	51112	Doanh thu bán Dầu	2.234.987.965	2.234.987.965	
3	51113	Doanh thu bán Mì ViFon	1.823.459.087	1.823.459.087	
4	51114	Doanh thu bán bánh kẹo Hải Châu	1.714.845.781	1.714.845.781	
5	51115	Doanh thu bán nước ngọt Numberone	2.013.564.988	2.013.564.988	
		Cộng	9.733.572.276	9.733.572.276	

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên)

Biểu số 2.9 – Bảng tổng hợp chi tiết TK 511

2.2.2. Kế toán giá vốn hàng bán

* Nội dung giá vốn của công ty

Công ty TNHH TM & DV Toàn Tâm là công ty kinh doanh các sản phẩm dịch vụ, công ty không có quy trình tập hợp chi phí để tính giá thành, không có chi phí bán hàng

+ Giá vốn hàng bán là giá đã bao gồm giá mua toàn bộ giá mua và chi phí có liên quan đến thu mua.

+ Giá vốn của hàng bán được xác định theo phương pháp nhập trước - xuất trước. Theo phương pháp này dựa trên giá định hàng nào nhập trước sẽ được xuất trước và lấy đơn giá xuất bằng đơn giá nhập. Trị giá hàng tồn kho cuối kỳ được tính theo đơn giá của những lần nhập sau cùng. Công ty áp dụng phương pháp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên.

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Trị giá hàng} & & \text{Trị giá hàng} & & \text{Trị giá hàng} & & \text{Trị giá hàng} \\ \text{tồn cuối kỳ} & = & \text{tồn đầu kỳ} & + & \text{nhập trong kỳ} & - & \text{xuất trong kỳ} \end{array}$$

- Chi phí vận chuyển được phân bổ cho hàng bán ra cuối kỳ

* Chứng từ và tài khoản sử dụng.

❖ Chứng từ sử dụng

- Phiếu nhập kho, xuất kho
- HĐ GTGT, phiếu thu, chi

❖ Tài khoản sử dụng

- TK 632 – Giá vốn hàng bán

Để thuận tiện cho việc theo dõi sự biến động của giá vốn các loại hàng hóa, kế toán theo dõi và ghi chép các loại giá vốn trên các TK chi tiết như sau:

63211: Giá vốn sữa

63212: Giá vốn dầu thực vật

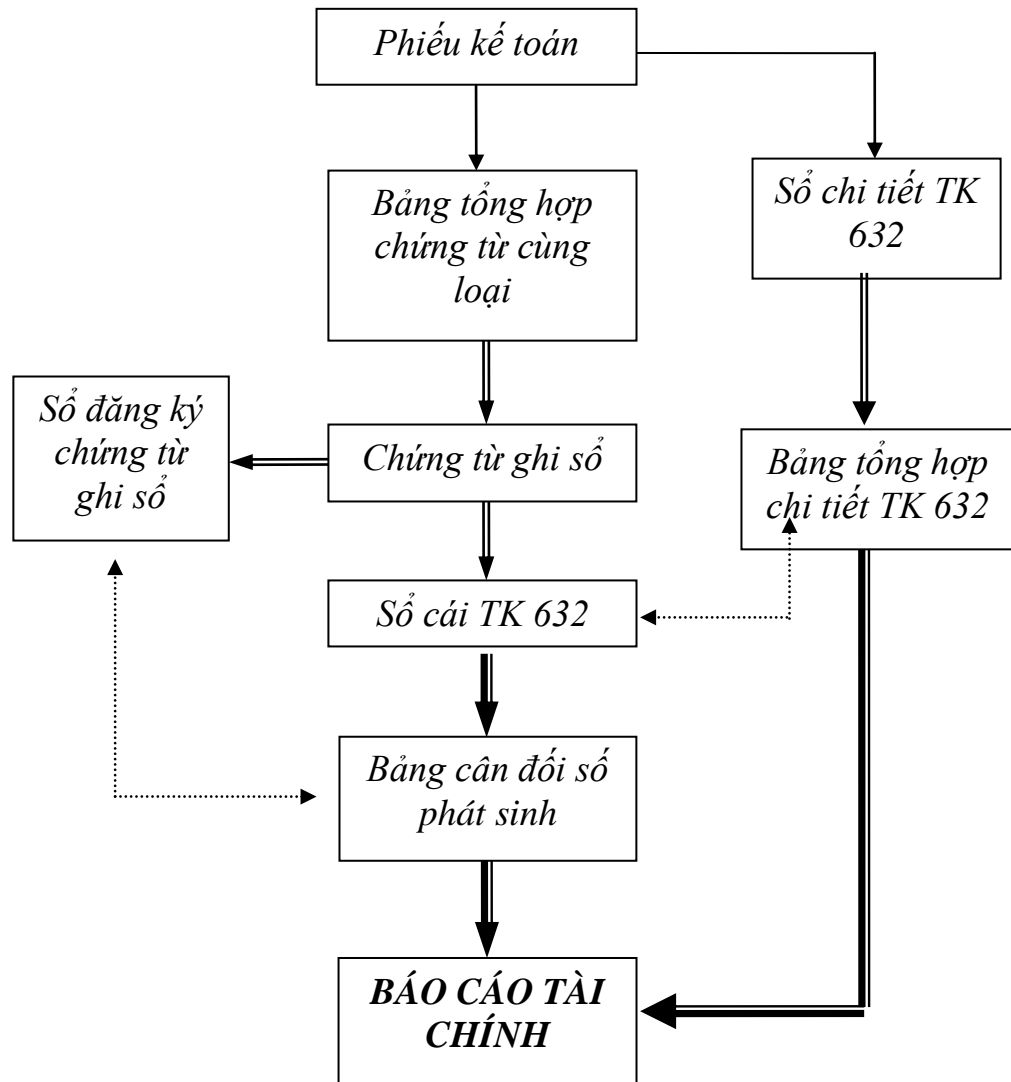
63213: Giá vốn Mì ViFon

63214: Giá vốn bánh kẹo Hải Châu

63215: Giá vốn nước ngọt Numberone

*** Quy trình hạch toán**

Quy trình hạch toán giá vốn hàng bán tại Công ty TNHH TM & DV Toàn Tâm được khái quát bằng sơ đồ 2.5



Ghi chú

- > Ghi hàng ngày
- =====> Ghi cuối tháng
- =====> Ghi cuối quý, năm
-<--> Đối chiếu, kiểm tra

- Từ các chứng từ ghi sổ hàng ngày như phiếu nhập, xuất, thu, chi, HĐ GTGT... vào bảng tổng hợp chứng từ cùng loại đồng thời ghi vào sổ thẻ kế toán chi tiết

- Cuối tháng căn cứ vào bảng tổng hợp chứng từ cùng loại lập các chứng

từ ghi sổ, từ chứng từ ghi sổ kế toán ghi sổ đăng ký chứng từ ghi sổ và sổ cái các TK 632, Từ sổ thẻ chi tiết lập bảng tổng hợp chi tiết TK 632.

- Cuối quý, năm căn cứ vào sổ cái lập bảng cân đối số phát sinh. Từ bảng cân đối số phát sinh, bảng tổng hợp chi tiết kế toán lập BCTC

Ví dụ 2

Lấy tiếp ví dụ phần doanh thu bán hàng: cùng với việc ghi nhận doanh thu bán hàng cho công ty, kế toán phản ánh giá vốn hàng bán của trà là 122.500 đ/thùng.

**** Trong tháng công ty đã nhập 2500 thùng trà với giá 124.300 đ/thùng.***

Đầu tháng 12/2010 công ty dư 425 thùng với giá nhập 122.500 đ/thùng.

Áp dụng phương pháp xuất kho nhập trước xuất trước mà công ty sử dụng thì đơn giá xuất kho của lô hàng này là 122.500 đ /thùng

- Căn cứ vào phiếu xuất kho số 2390 (Biểu 2.10) kế toán tiến hành vào Bảng tổng hợp chứng từ cùng loại (Biểu 2.11), sổ chi tiết TK632 (Biểu 2.12)

- Cuối tháng căn cứ vào bảng tổng hợp chứng từ cùng loại lập chứng từ ghi sổ (Biểu 2.13) dựa vào CTGS vào sổ đăng ký CTGS và sổ cái TK 632(Biểu 2.14) Từ sổ chi tiết TK 632 vào bảng tổng hợp chi tiết TK 632 (Biểu 2.15)

- Cuối quý, năm kế toán căn cứ vào sổ cái lập bảng cân đối số phát sinh. Từ BCĐSPS lập BCTC cuối năm.

Đơn vị: *Cty TNHH TM & DV Toàn Tâm*
 Địa chỉ: *Số 23 Bạch Đằng-Núi Đèo-Thủy*
Nguyên-Hải Phòng

Số: *02-VT*
 Ban hành theo QĐ số
48/2006/QĐ-BTC ngày
14/9/2006 của BTC

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 19 tháng 12 năm 2010

Số: 2390

Nợ TK 632
 Có TK156

Họ và tên người nhận: **Nguyễn Đức Hưng**

Lý do xuất kho: *Xuất bán khách hàng CT Cổ phần Tuân Việt*

Xuất tại kho: *Số 1*

Địa điểm: *Kênh Giang, Thủy Nguyên*

STT	Tên nhãn, quy cách phẩm chất sản phẩm, hàng hoá	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Theo chứng từ	Thực xuất		
1	<i>Trà xanh O⁰numberone</i>	<i>TX500</i>	<i>Thùng</i>	100	100	122.500	12.250.000
	<i>Cộng</i>						12.250.000

Cộng số tiền (viết bằng chữ): Mười hai triệu hai trăm lăm mươi nghìn đồng
chẵn

Kèm theo: 01 Chứng từ gốc

Ngày 19 tháng 12 năm 2010

Người lập phiếu
(ký, họ tên)

Người nhận hàng
(ký, họ tên)

Thủ kho
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Giám đốc
(ký, họ tên)

(Biểu 2.10)

CÔNG TY TNHH TM & DV TOÀN TÂM

Địa chỉ: Số 23 đường Bạch Đằng- Thủy Nguyên- Hải Phòng

BẢNG TỔNG HỢP CÁC CHỨNG TỪ CÙNG LOẠI

Ghi nợ tài khoản 632

Số chứng từ 1262

Tháng 12 năm 2010

<i>.Ngày</i>	<i>Số CT</i>	<i>Diễn giải</i>	<i>Tiền trong CT</i>	<i>Ghi có tài khoản 156</i>
...
19/12	PX2390	Giá vốn hàng bán trà cho công ty Tuấn Việt	12.250.000	12.250.000
19/12	PX2391	Giá vốn hàng bán sữa cho công ty AC	1.856.000	1.856.000
20/12	PX2392	Giá vốn hàng bán dầu công ty Sao Biển	10.220.000	10.220.000
20/12	PX2393	Giá vốn bán dầu cho BA	19.321.900	19.321.900
20/12	PX2394	Giá vốn bán bánh Hura cửa hàng Nana	3.204.000	3.204.000
....
		<i>Cộng</i>	2.345.048.438	2.345.048.438

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

(Biểu 2.11)

*Đơn vị: Cty TNHH TM & DV Toàn Tâm
Địa chỉ: Số 23 Bạch Đằng-Núi Đèo-Thủy
Nguyên-Hải Phòng*

*Số: 02a-DN
Ban hành theo QĐ số
48/2006/QĐ-BTC ngày
14/9/2006 của BTC*

CHỨNG TỪ GHI SỔ

*Số: 1262
Năm 2010*

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

<i>Trích yếu</i>	<i>Số hiệu tài khoản</i>		<i>Số tiền</i>	<i>Ghi chú</i>
	<i>Nợ</i>	<i>Có</i>		
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>C</i>	<i>l</i>	<i>D</i>
<i>-Giá vốn bán hàng</i>	<i>632</i>	<i>156</i>	<i>2.345.048.438</i>	
<i>Cộng</i>	<i>x</i>	<i>x</i>	<i>2.345.048.438</i>	<i>X</i>

Kèm theo chứng từ gốc

Ngày..... tháng năm.....

*Người ghi sổ
(ký, họ tên)*

*Kế toán trưởng
(ký, họ tên)*

(Biểu 2.13)

Đơn vị: Cty TNHH TM & DV Toàn Tâm
 Địa chỉ: Số 23 Bạch Đằng-Núi Đèo-Thủy
 Nguyên-Hải Phòng

Số 02b - DNN
 Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-
 BTC ngày 14/9/2006 của BTC

SỔ ĐĂNG KÝ CHỨNG TỪ GHI SỔ

Năm 2010

Chứng từ ghi sổ		Số tiền	Chứng từ ghi sổ		Số tiền
Số hiệu	Ngày tháng		Số hiệu	Ngày tháng	
A	B	I	A	B	I
...	1261	31/12	1.974.893.040
1237	31/12	142.25.700	1262	31/12	2.345.048.438
1238	31/12	234.213.000	1263	31/12	411.115.727
1239	31/12	138.987.690
1240	31/12	6.965.956.700			
1241	31/12	6.457.433.621			
1242	31/12	1.193.893.585			
1243	31/12	3.869.842.321			
...	...				
Cộng			Tổng cộng		56.288.967.491

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên)

Đơn vị: Cty TNHH TM & DV Toàn Tâm
Địa chỉ: Số 23 Bạch Đằng-Núi Đèo-
Thủy Nguyên-Hải Phòng

Số: S02c1-DNN
Ban hành theo QĐ số
48/2006/QĐ-BTC ngày
14/9/2006 của BTC

SỔ CÁI

(Dùng cho hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ)

Tên tài khoản: Giá vốn hàng bán

Số hiệu : 632

Từ ngày: 01/10/2010 đến ngày: 31/12/2010

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số phát sinh			
31/10	1155	31/10	Giá vốn hàng bán tháng 10/2010	156	2.341.109.163	
31/11	1193	31/10	Giá vốn hàng bán tháng 11/2010	156	2.618.987.714	
31/12	1262	31/12	Giá vốn hàng bán tháng 12/2010	156	2.345.048.438	
31/12	1264	31/12	K/C giá vốn quý 4/2010	911		7.305.145.315
			Cộng phát sinh		7.305.145.315	7.305.145.315

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên)

(Biểu 2.11)

Đơn vị: Công ty TNHH TM & DV Toàn Tâm

Địa chỉ: Số 23 Bạch Đằng-Núi Đèo

-Thủy Nguyễn-Hải Phòng

Mẫu số S35- DNN

Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC

ngày 14/9/2006 của BTC

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Tài khoản: 63215 - Giá vốn hàng bán nước ngọt Numberone

Từ ngày: 01/10/2010 đến ngày: 31/12/2010

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số lượng	Đơn giá	Số tiền	
	SH	NT					Nợ	Có
...	
19/12/10	PXK2390	19/12/2010	Giá vốn hàng bán cho công ty Tuân Việt	156	100	122.500	12.250.000	
20/12/10	PXK2398	20/12/2010	Giá vốn hàng bán cho công ty Sao Biển	156	100	123.850	12.385.000	
20/12/10	PXK2403	20/12/2010	Giá vốn hàng bán cho công ty BA	156	250	124.300	31.075.000	
...	
31/12/10	K/c	31/12/2010	Kết chuyển giá vốn nước ngọt	911				1.759.235.290
			Công tổng				1.759.235.290	1.759.235.290

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

(Biểu 2.12)

CÔNG TY TNHH TM & DV TOÀN TÂM

BẢNG TỔNG HỢP CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Tài khoản: 632 – Giá vốn hàng bán

Từ ngày: 01/10/2010 đến ngày: 31/12/2010

STT	SHTK chi tiết	Diễn giải	Số tiền		Ghi chú
			Nợ	Có	
1	63211	Giá vốn bán sữa	1.332.197.659	1.332.197.659	
2	63212	Giá vốn bán Dầu	1.715.819.280	1.715.819.280	
3	63213	Giá vốn bán Mì ViFon	1.273.294.386	1.273.294.386	
4	63214	Giá vốn bán bánh kẹo Hải Châu	1.224.598.700	1.224.598.700	
5	63215	Giá vốn bán nước ngọt Numberone	1.759.235.290	1.759.235.290	
		Cộng	7.305.145.315	7.305.145.315	

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên)

(Biểu 2.15)

2.2.3. Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp

* Nội dung của chi phí quản lý doanh nghiệp.

Chi phí quản lý doanh nghiệp là toàn bộ chi phí phục vụ cho việc quản lý điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty. Chi phí quản lý doanh nghiệp dù cao hay thấp đều có ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Vì vậy, Công ty phải giảm thiểu chi phí quản lý doanh nghiệp để góp phần làm tăng lợi nhuận.

* Chứng từ và tài khoản sử dụng.

* Chứng từ sử dụng.

- Hoá đơn GTGT, hoá đơn bán hàng thông thường
- Bảng phân bổ khấu hao TSCĐ
- Phiếu chi
- Giấy báo nợ của Ngân hàng
- Các chứng từ khác có liên quan

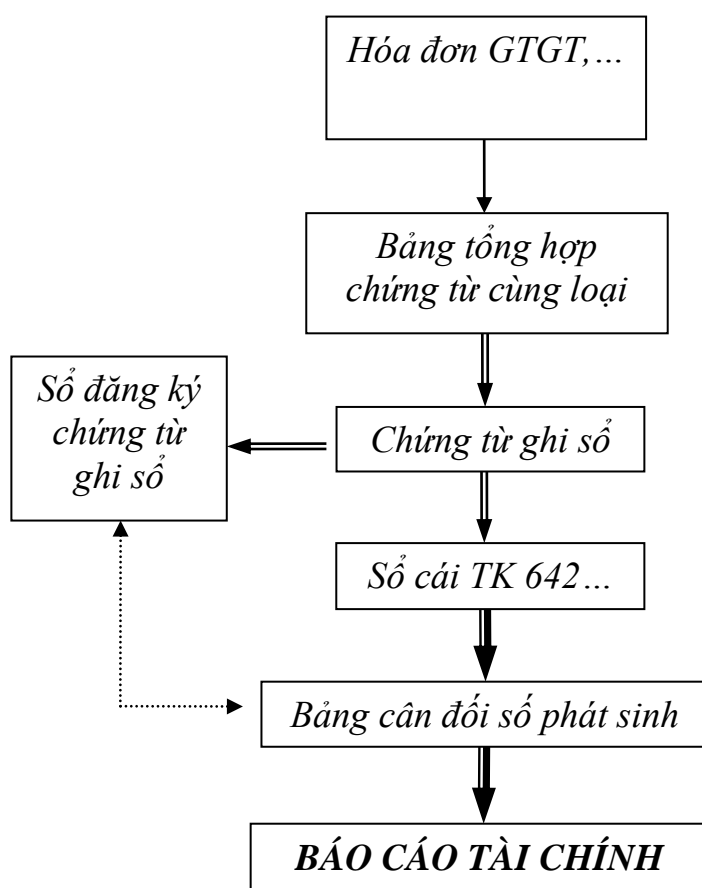
* Tài khoản sử dụng.

- TK 642 – Chi phí quản lý doanh nghiệp

* Quy trình hạch toán chi phí quản lý doanh nghiệp

Quy trình hạch toán chi phí quản lý doanh nghiệp tại Công ty được khái quát bằng sơ đồ 2.6

- Từ các chứng từ ghi sổ hàng ngày như phiếu nhập, xuất, chi, HĐ GTGT... vào bảng tổng hợp các chứng từ cùng loại
- Cuối tháng căn cứ vào bảng tổng hợp các chứng từ cùng loại lập các CTGS, Từ CTGS vào sổ đăng ký CTGS và sổ cái TK 642
- Cuối quý từ sổ cái các TK 642 làm căn cứ để lập bảng cân đối số phát sinh. Từ bảng cân đối số phát sinh ta lập ra BCTC cuối năm



Sơ đồ 2.6 – Quy trình hạch toán chi phí quản lý doanh nghiệp tại Công ty TNHH TM & DV Toàn Tâm

Ghi chú

- Ghi hàng ngày
- =====> Ghi cuối tháng
- =====> Ghi cuối quý, năm
- ←.....→ Đôi chiếu, kiểm tra

Ví dụ 3

Anh Nguyễn Phi Long thanh toán chi phí đi đường phát sinh ngày 19/12/2010 là 350.000 đ bằng tiền mặt

- Căn cứ vào phiếu chi 1754(biểu 2.16), kế toán vào bảng tổng hợp chứng từ cùng loại (biểu 2.17).
- Cuối tháng căn cứ vào bảng tổng hợp chi tiết TK lập các CTGS liên quan (Biểu 2.18) từ đó vào sổ đăng ký CTGS và sổ cái TK 642(biểu 2.19)
- Cuối quý, năm từ sổ cái lập bảng CĐPS và lập BCTC

Đơn vị: Cty TNHH TM & DV Toàn Tâm
Địa chỉ: Số 23 Bạch Đằng-Núi Đèo-
Thủy Nguyên-Hải Phòng

Số: 01-TT
Ban hành theo QĐ số
48/2006/QĐ-BTC ngày
14/9/2006 của BTC

PHIẾU CHI

Ngày 19 tháng 12 năm 2010
Số CT: 1754

Nợ 642
Có 111

Họ tên người nhận tiền: Nguyễn Phi Long
Địa chỉ: Cty TNHH TM & DV Toàn Tâm
Lý do chi: Trả tiền phí đi đường
Số tiền 350.000đ
Bằng chữ: Ba trăm lăm mươi nghìn đồng chẵn
Kèm theo: 01 Chứng từ gốc
Đã nhận đủ số tiền(viết bằng chữ) : Ba trăm lăm mươi nghìn đồng chẵn

Ngày 19 tháng 12 năm 2010

Giám đốc Kế toán trưởng Người lập phiếu Người nhận tiền Thủ quỹ

(Biểu 2.16)

CÔNG TY TNHH TM & DV TOÀN TÂM

BẢNG TỔNG HỢP CHỨNG TỪ CÙNG LOẠI

Ghi có tài khoản 111

Số chứng từ 1241

Tháng 12 năm 2010

Ngày	Số CT	Diễn giải	Tiền trong CT	Ghi các tài khoản Nợ				
				156	133	642	331
...
12/12	PC1624	Thanh toán tiền mua hàng	88.800.000	80.727.273	8.072.727			
13/12	PC1625	Thanh toán tiền hàng T11 cho cty sữa	98.766.000				98.766.000	
....			
19/12	PC1988	Chi phí trả phí đi đường	350.000			350.000		
...
		Cộng	6.457.433.621	3.233.560.808	352.652.902	198.644.308	1.338.877.560	...

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(biểu 2.17)

Đơn vị: *Cty TNHH TM & DV Toàn Tâm*
 Địa chỉ: *Số 23 Bạch Đằng-Núi Đèo-Thủy*
Nguyên-Hải Phòng

Số: *02a-DNN*
 Ban hành theo QĐ số
48/2006/QĐ-BTC ngày
14/9/2006 của BTC

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số: 1241

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Trích yếu	Số hiệu tài khoản		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
A	B	C	I	D
....	
- Chi tiền mặt thanh toán chi phí	642	111	198.644.308	
- Phải trả nhà cung cấp	331	111	1.338.877.560	
- Chi tiền mặt thanh toán tiền mua hàng	156	111	3.233.560.808	
- Chi tiền thanh toán thuế GTGT	133	111	352.652.902	
...	
Cộng	x	x	6.457.433.621	X

Kèm theo chứng từ gốc

Ngày..... tháng năm.....

Người ghi sổ
 (ký, họ tên)

Kế toán trưởng
 (ký, họ tên)

(Biểu 2.18)

Đơn vị: *Cty TNHH TM & DV Toàn Tâm*
 Địa chỉ: *Số 23 Bạch Đằng-Núi Đèo-
 Thủy Nguyên-Hải Phòng*

Số: *02b-DNN*
 Ban hành theo *QĐ số*
48/2006/QĐ-BTC ngày
14/9/2006 của *BTC*

SỔ ĐĂNG KÝ CHỨNG TỪ GHI SỔ

Năm 2010

<i>Chứng từ ghi sổ</i>		<i>Số tiền</i>	<i>Chứng từ ghi sổ</i>		<i>Số tiền</i>
<i>Số hiệu</i>	<i>Ngày tháng</i>		<i>Số hiệu</i>	<i>Ngày tháng</i>	
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>I</i>	<i>A</i>	<i>B</i>	<i>I</i>
...	<i>1261</i>	<i>31/12</i>	<i>1.974.893.040</i>
<i>1237</i>	<i>31/12</i>	<i>142.256.700</i>	<i>1262</i>	<i>31/12</i>	<i>2.345.048.438</i>
<i>1238</i>	<i>31/12</i>	<i>234.213.000</i>	<i>1263</i>	<i>31/12</i>	<i>411.115.727</i>
<i>1239</i>	<i>31/12</i>	<i>138.987.690</i>
<i>1240</i>	<i>31/12</i>	<i>6.965.956.700</i>			
<i>1241</i>	<i>31/12</i>	<i>6.457.433.621</i>			
<i>1242</i>	<i>31/12</i>	<i>1.193.893.585</i>			
<i>1243</i>	<i>31/12</i>	<i>3.869.842.321</i>			
...	...				
<i>Cộng</i>			<i>Tổng cộng</i>		<i>56.288.967.491</i>

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên)

Đơn vị: Cty TNHH TM & DV Toàn Tâm
 Địa chỉ: Số 23 Bạch Đằng-Núi Đèo-Thủy
 Nguyên-Hải Phòng

Số: S02c1-DNN
 Ban hành theo QĐ số
 48/2006/QĐ-BTC ngày
 14/9/2006 của BTC

SỔ CÁI

(Dùng cho hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ)

Tên tài khoản: Chi phí quản lý doanh nghiệp

Số hiệu : 642

Từ ngày: 01/10/2010 đến ngày: 31/12/2010

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số phát sinh			
...	
31/12	1238	31/12	Thanh toán tiền lương cho nhân viên T12/2010	334	234.213.000	
31/12	1239	31/12	Các khoản chi phí phải trả khác T12/2010	338	53.186.499	
31/12	1241	31/12	Chi phí thanh toán bằng tiền mặt	111	198.644.308	
31/12	1244	31/12	Chi phí thanh toán bằng tiền gửi NH	112	82.157.406	
	
31/12	1264	31/12	K/C chi phí	911		1.787.798.989
			Cộng phát sinh		1.787.798.989	1.787.798.989

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên)

(Biểu 2.19)

2.2.4. Kế toán doanh thu, chi phí hoạt động tài chính

* Nội dung của doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính của Công ty chủ yếu phát sinh do lãi nhận được từ các khoản tiền gửi ngân hàng.

Chi phí tài chính phát sinh do phải trả tiền lãi cho các khoản nợ vay. Con số này chiếm tỷ trọng không nhiều trong tổng doanh thu hàng năm của doanh nghiệp.

* Chứng từ và tài khoản sử dụng.

❖ Chứng từ sử dụng.

- Giấy báo có, giấy báo nợ của Ngân hàng
- Sổ phụ của Ngân hàng
- Phiếu chi
- Các chứng từ khác có liên quan

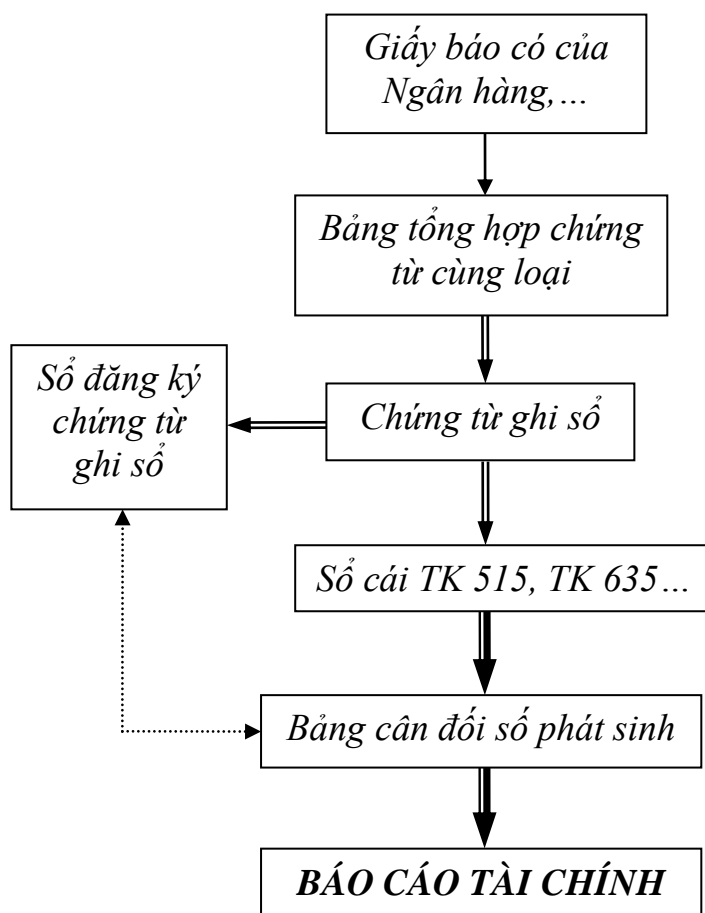
❖ Tài khoản sử dụng.

- TK 515 – Doanh thu hoạt động tài chính
- TK 635 – Chi phí tài chính

* Quy trình hạch toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính

Quy trình hạch toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính tại Công ty được khái quát bằng sơ đồ 2.7

- Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ như Giấy báo có của Ngân hàng, Phiếu chi, vào bảng tổng hợp chứng từ cùng loại.
- Cuối tháng kế toán căn cứ vào bảng tổng hợp chứng từ cùng loại lập các chứng từ ghi sổ phát sinh. Từ CTGS vào sổ đăng ký CTGS và sổ cái TK 635, 515
- Cuối quý, năm từ sổ cái các TK 635, 515 làm căn cứ để lập bảng cân đối số phát sinh. Từ bảng cân đối số phát sinh ta lập ra BCTC .



Sơ đồ 2.7 – Quy trình hạch toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính tại Công ty TNHH TM & DV Toàn Tâm

Ghi chú

- Ghi hàng ngày
- =====> Ghi cuối tháng
- =====> Ghi cuối quý, năm
-<—> Đoi chiếu, kiểm tra

Ví dụ 4:

Ngày 25/12 ngân hàng Sacombank thông báo nhận lãi tiền gửi tháng 11/2010. Số tiền 120.321 đ.

- Căn cứ vào Sổ phụ ngày 25/11/2010 của Ngân hàng Sacombank (Biểu số 2.20), kế toán lập bảng tổng hợp chứng từ cùng loại (biểu 2.21).

- Cuối tháng căn cứ vào bảng tổng hợp chứng từ cùng loại kế toán lập các chứng từ ghi sổ (biểu 2.22) từ đó làm căn cứ vào sổ đăng ký CTGS và sổ cái TK 515 (Biểu 2.23)

- Cuối quý căn cứ vào sổ cái TK 515 lập bảng cân đối số phát sinh và lập BCTC.

Ví dụ 5

Ngày 28/12/2010, Trần Thị Thi trả lãi vay ngoài tháng 12 năm 2010. Số tiền là 28.420.412 đ

- Căn cứ vào số liệu phát sinh kế toán tiến hành lập Phiếu chi số 2031 (Biểu số 2.24), và lập bảng tổng hợp chứng từ cùng loại liên quan (biểu 2.25)

- Cuối tháng lập các chứng từ ghi sổ (biểu 2.26), từ CTGS vào sổ đăng ký CTGS và sổ cái TK 635 (Biểu 2.27)

- Cuối quý, năm căn cứ vào sổ cái TK 515 lập bảng cân đối số phát sinh và lập BCTC.

**NGÂN HÀNG SÀI GÒN THƯƠNG TÍN
SACOMBANK**

SỐ PHỤ
Ngày 25/12/2010

Số: 0242

Sổ chi tiết tài khoản

Statement of Account For

CÔNG TY TNHH TM & DV TOÀN TÂM

Số Tài Khoản: 701270406000465

A/C No.

Loại TK/Loại Tiền: 692 VND

Type/Ccy

Số dư đầu ngày 25/12/2010 : 541.263.021

Opening Balance as of

So CT Seq.No	Ngày GD Tran Date	Ngày H.Luc Effect Date	Loai GD Tran	Số Séc/ref Cheque No./Ref	PS Nợ Withdrawal	PS Có Deposit	Nội dung Remarks
173265125/11/2010	25/12/2010	25/12/2010	IR	0000022586	0.00	120.321	Lãi tiền gửi Vnam thanh toán

Doanh số giao dịch :

Transaction Summary

Số dư cuối ngày 25/12/2010 : 541.383.342

Ending Balance as of

0.00

120.321

**(Biểu số 2.20) - Sổ phụ ngày 25/12/2010 NH Sài Gòn Thương Tín
Sacombank**

CÔNG TY TNHH TM & DV TOÀN TÂM

BẢNG TỔNG HỢP CHỨNG TỪ CÙNG LOẠI

Ghi nợ tài khoản 112

Số chứng từ 1243

Tháng 12 năm 2010

.Ngày	Số CT	Diễn giải	Tiền trong CT	Ghi các tài khoản có			
				131	515	141
...
11/12	UNT236	Khách hàng trả tiền bằng chuyển khoản	46.344.980	46.344.980			
....				
22/12	UNT254	Thu tạm ứng bằng chuyển khoản	11.590,000			11.590.000	
25/12	SP0242	Lãi tiền gửi NH Sacombank			120.321		
...	
		Cộng	3.869.842.321	2.333.690.000	66.547.911	343.344.901	...

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

(biểu 2.21)

Đơn vị: Cty TNHH TM & DV Toàn Tâm
Địa chỉ: Số 23 Bạch Đằng-Núi Đèo-
Thủy Nguyên-Hải Phòng

Số: 02a-DNN
Ban hành theo QĐ số
48/2006/QĐ-BTC ngày
14/9/2006 của BTC

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số: 1243

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

ĐVT: Đồng

Trích yếu	Số hiệu tài khoản		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
A	B	C	1	D
...	
- Khách hàng trả tiền	112	131	2.333.690.000	
- Lãi tiền gửi ngân hàng	112	515	66.547.911	
- Thu tạm ứng bằng chuyển khoản	112	141	343.344.901	
...	
Cộng	x	x	3.869.842.321	X

Kèm theo chứng từ gốc

Ngày..... tháng năm.....

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

(ký,họ tên)

(ký,họ tên)

(Biểu 2.22)

Đơn vị: Cty TNHH TM & DV Toàn Tâm
 Địa chỉ: Số 23 Bạch Đằng-Núi Đèo-Thủy
 Nguyên-Hải Phòng

Số: S02c1-DNN
 Ban hành theo QĐ số
 48/2006/QĐ-BTC ngày
 14/9/2006 của BTC

SỔ CÁI

(Dùng cho hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ)

Tên tài khoản: Danh thu hoạt động tài chính

Số hiệu : 515

Từ ngày: 01/10/2010 đến ngày: 31/12/2010

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số phát sinh			
...	
31/11	1194	31/11	Lãi tiền gửi NH T11/2010	112		43.132.214
31/11	1196	31/11	Lãi tiền cho vay T11/2010	138		12.231.422
31/12	1243	31/12	Lãi tiền GNH T12/2010	112		66.547.911
31/12	1236	31/12	Lãi tiền cho vay T12/2010	138		17.452.706

31/12	1265	27/12	K/C doanh thu HĐTC	911	177.786.677	
			Cộng phát sinh		177.786.677	177.786.677

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên)

(Biểu 2.23)

*Đơn vị: Cty TNHH TM & DV Toàn Tâm
Địa chỉ: Số 23 Bạch Đằng-Núi Đèo-Thủy
Nguyên-Hải Phòng*

*Số: 02-TT
Ban hành theo QĐ số
48/2006/QĐ-BTC ngày
14/9/2006 của BTC*

PHIẾU CHI

Ngày 28 tháng 12 năm 2010

Số CT: 2031

Nợ 635

Có 111

Họ tên người nhận tiền: Trần Thị Thi
Địa chỉ: Phòng tài chính – kế toán
Lý do chi: Trả tiền lãi vay
Số tiền: 28.420.412
Bằng chữ: Hai mươi tám triệu bốn trăm hai mươi nghìn bốn trăm mười hai đồng.
Kèm theo: 01 Chứng từ gốc
Đã nhận đủ số tiền(viết bằng chữ) : Hai mươi tám triệu bốn trăm hai mươi nghìn bốn trăm mười hai đồng.

Ngày 28 tháng 12 năm 2010

Giám đốc Kế toán trưởng Người lập phiếu Người nhận tiền Thủ quỹ

(Biểu 2.24)

CÔNG TY TNHH TM & DV TOÀN TÂM

BẢNG TỔNG HỢP CHỨNG TỪ CÙNG LOẠI

Ghi có tài khoản 111

Số chứng từ 1241

Tháng 12 năm 2010

Ngày	Số CT	Diễn giải	Tiền trong CT	Ghi các tài khoản Nợ				
				156	133	635	331
...
12/12	PC1624	Thanh toán tiền mua hàng	88.800.000	80.727.273	8.072.727			
13/12	PC1625	Thanh toán tiền hàng T11 cho cty sữa	98.766.000				98.766.000	
....			
28/12	PC2031	Chi phí trả lãi tiền vay	28.420.412			28.420.412		
29/12	PC2032	Trả tiền cước vận chuyển	2.420.000		220.000			
...
		Cộng	6.457.433.621	3.233.560.808	352.652.902	74.491.625	1.338.877.650	...

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

(biểu 2.25)

Đơn vị: Cty TNHH TM & DV Toàn Tâm
Địa chỉ: Số 23 Bạch Đằng-Núi Đèo-
Thủy Nguyên-Hải Phòng

Số: 02a-DNN
Ban hành theo QĐ số
48/2006/QĐ-BTC ngày
14/9/2006 của BTC

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số: 1241

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

ĐVT: Đồng

Trích yếu	Số hiệu tài khoản		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
A	B	C	I	D
....	
-Mua hàng thanh toán bằng tiền mặt	156	111	3.233.560.808	
-Thuế GTGT được KT	133	111	352.652.902	
-Trả lãi tiền vay	635	111	74.491.625	
-Thanh toán tiền hàng cho nhà cung cấp	\331	111	1.338.877.650	
...	
Cộng	<i>x</i>	<i>x</i>	6.457.433.621	X

Kèm theo chứng từ gốc

Ngày..... tháng năm.....

Người ghi sổ

(ký,họ tên)

Kế toán trưởng

(ký,họ tên)

(Biểu 2.26)

*Đơn vị: Cty TNHH TM & DV Toàn Tâm
Địa chỉ: Số 23 Bạch Đằng-Núi Đèo-Thủy
Nguyên-Hải Phòng*

*Số: S02c1-DNN
Ban hành theo QĐ số
48/2006/QĐ-BTC ngày
14/9/2006 của BTC*

SỔ CÁI

(Dùng cho hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ)

Tên tài khoản: Chi phí tài chính

Số hiệu : 635

Từ ngày: 01/10/2010 đến ngày: 31/12/2010

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số phát sinh			
...	
31/11	1191	31/11	Trả lãi tiền vay ngoài tháng 11/2010	111	97.988.900	
31/12	1241	31/12	Trả lãi tiền vay T12/2010	111	74.491.625	

31/12	1264	31/12	K/C doanh thu HĐTC	911		223.474.874
			Cộng phát sinh		223.474.874	223.474.874

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên)

(Biểu 2.27)

Đơn vị: Cty TNHH TM & DV Toàn Tâm
Địa chỉ: Số 23 Bạch Đằng-Núi Đèo-
Thủy Nguyên-Hải Phòng

Số: 02b-DNN
Ban hành theo QĐ số
48/2006/QĐ-BTC ngày
14/9/2006 của BTC

SỔ ĐĂNG KÝ CHỨNG TỪ GHI SỔ

Năm 2010

<i>Chứng từ ghi sổ</i>		<i>Số tiền</i>	<i>Chứng từ ghi sổ</i>		<i>Số tiền</i>
<i>Số hiệu</i>	<i>Ngày tháng</i>		<i>Số hiệu</i>	<i>Ngày tháng</i>	
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>l</i>	<i>A</i>	<i>B</i>	<i>l</i>
...	1261	31/12	1.974.893.040
1237	31/12	142.256.700	1262	31/12	2.345.048.438
1238	31/12	234.213.000	1263	31/12	411.115.727
1239	31/12	138.987.690			
1240	31/12	6.965.956.700			
1241	31/12	6.457.433.621
1242	31/12	1.193.893.585			
1243	31/12	3.869.842.321			
...	...				
Cộng			Tổng cộng		56.288.967.491

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên)

2.2.5. Kế toán thu nhập khác, chi phí khác

* Nội dung của thu nhập khác và chi phí khác

Thu nhập khác là các khoản thu nằm ngoài các khoản thu trên. Tại công ty các khoản thu khác phát sinh không nhiều chủ yếu là từ thanh lý nhượng bán tài sản.

Chi phí khác là những khoản chi không thuộc hoạt động sản xuất kinh doanh hay hoạt động tài chính. Cũng giống như chi phí khác chi phí khác của công ty cũng chỉ là một con số nhỏ chủ yếu là chi phí nhượng bán thanh lý TSCĐ, giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý.

* Chứng từ và tài khoản sử dụng.

❖ Chứng từ sử dụng.

- Biên bản thanh lý TSCĐ

- Phiếu kế toán

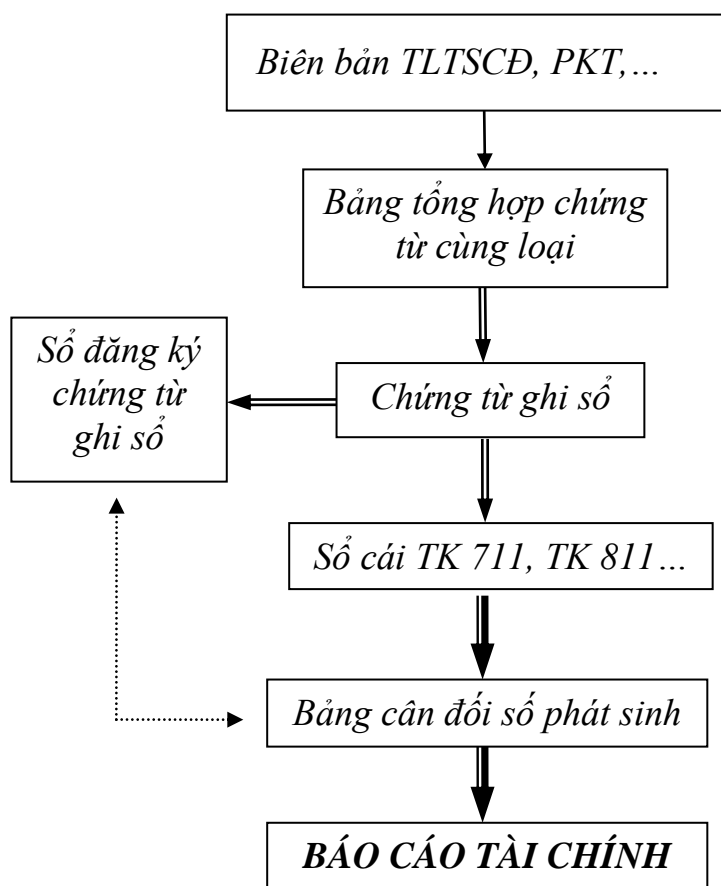
❖ Tài khoản sử dụng.

- TK 711 – Thu nhập khác

- TK 811 – Chi phí khác

* Quy trình hạch toán thu nhập khác và chi phí khác tại Công ty TNHH TM & DV Toàn Tâm

Quy trình hạch toán thu nhập khác và chi phí khác tại Công ty được khái quát bằng sơ đồ 2.8



Sơ đồ 2.8 – Quy trình hạch toán thu nhập khác và chi phí khác tại Công ty TNHH TM & DV Toàn Tâm

Ghi chú

- Ghi hàng ngày
- =====> Ghi cuối tháng
- =====> Ghi cuối quý, năm
- ←.....→ Đối chiếu, kiểm tra

- Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ như phiếu kế toán, biên bản thanh lý TS kế toán vào bảng tổng hợp chứng từ cùng loại

- Cuối tháng kế toán căn cứ vào bảng tổng hợp chứng từ cùng loại vào chứng từ ghi sổ các nghiệp vụ phát sinh. Từ CTGS vào sổ đăng ký CTGS và sổ cái TK 711, 811

- Từ sổ cái các TK 711, 811 làm căn cứ để lập bảng cân đối số phát sinh. Từ bảng cân đối số phát sinh ta lập ra BCTC.

Ví dụ 6

Ngày 11/12/2010 cty thanh lý 1 máy điều hòa Panasonic, nguyên giá 12.235.600, đã khấu hao 7.463.716 đ. Số tiền thu được là 1.500.000 đ (chưa bao gồm thuế VAT 10%)

- Căn cứ vào biên bản thanh lý TSCĐ(biểu 2.28) và các chứng từ liên quan kế toán lập bảng tổng hợp chứng từ cùng loại (biểu 2.29).

- Cuối tháng căn cứ vào bảng tổng hợp chứng từ cùng loại lập các CTGS có liên quan(biểu 2.30) từ CTGS vào sổ đăng ký CTGS và sổ cái TK 811(biểu 2.31)

- Số tiền thu được từ thanh lý kế toán lập phiếu thu (biểu 2.32), từ đó làm căn cứ ghi bảng tổng hợp chứng từ cùng loại (biểu 2.33). Từ bảng tổng hợp các chứng từ cùng loại lập các chứng từ ghi sổ có liên quan(biểu 2.34) và lập sổ cái TK 711(biểu 2.35)

- Cuối quý căn cứ vào sổ cái TK 711,811 lập bảng cân đối số phát sinh và BCTC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

-----o0o-----

BIÊN BẢN THANH LÝ NHƯỢNG BÁN TSCĐ

Ngày 11 tháng 12 năm 2010

Căn cứ vào quyết định số 88 ngày 11 tháng 12 năm 2010 của giám đốc công ty TNHH TM & Dv Toàn Tâm về việc thanh lý TSCĐ

I/ Ban thanh lý TSCĐ gồm:

** Bên thanh lý (bên A)*

Ông : Trần Trọng Bình	Chức vụ : trưởng phòng kinh doanh	- Trưởng ban
Bà : Bùi Thanh An	Chức vụ : Kế toán	- Ủy viên

**Bên mua (bên B)*

Ông : Cao Minh Sơn	Chức vụ : trưởng phòng kinh doanh	- Trưởng ban
Ông : Lưu Văn Đạt	Chức vụ : Kỹ sư	- Ủy viên

II/ Tiến hành thanh lý như sau

Tên, quy cách TSCĐ : Máy điều hòa nhiệt độ Panasonic

Nước sản xuất : Nhật Bản

Năm sản xuất: 2007

Năm đưa vào sử dụng 2008 Số thẻ TSCĐ : 054

Thời gian sử dụng 5 năm

Giá trị hao mòn đã trích đến thời điểm này là: 7.463.716 đ

Giá trị còn lại là: 4.771.884

III/ Kết luận của ban thanh lý TSCĐ: *Máy điều hòa vẫn hoạt động bình thường*

Ngày 11 tháng 12 năm 2010

Trưởng ban

(ký, họ tên)

IV/ Kết quả thanh lý TSCĐ

- *Giá trị thu hồi bằng tiền mặt : 1.650.000*

- *Đã ghi giảm sổ TSCĐ 054 ngày 12/08/2010 Đình chỉ sử dụng*

Ngày ...tháng ... năm...

Đại diện (Bên A)

(Ký, họ tên)

Đại diện (Bên B)

(Ký, họ tên)

(Biểu 2.28)

BẢNG TỔNG HỢP CHỨNG TỪ CÙNG LOẠI

Ghi có tài khoản 211

Số chứng từ 1247

Tháng 12 năm 2010

.Ngày	Số CT	Diễn giải	Tiền trong CT	Ghi các tài khoản Nợ	
				811	214
11/12	PKT84	Thanh lý máy điều hòa	12.235.600	4.771.884	7.463.716
		Cộng	12.235.600	4.771.884	7.463.716

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Đơn vị: Cty TNHH TM & DV Toàn Tâm
Địa chỉ: Số 23 Bạch Đằng-Núi Đèo-Thủy
Nguyên-Hải Phòng

Số: 02a-DNN
Ban hành theo QĐ số
48/2006/QĐ-BTC ngày
14/9/2006 của BTC

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số: 1247

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Trích yếu	Số hiệu tài khoản		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
A	B	C	1	D
-Khấu hao TSCĐ đã thanh lý	214	211	7.463.716	
- Chi phí thanh lý TSCĐ	811	211	4.771.884	
Cộng	x	x	12.235.600	X

Kèm theo chứng từ gốc

Ngày..... tháng năm.....

Người ghi sổ

(ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(ký, họ tên)

(biểu 2.30)

Đơn vị: Cty TNHH TM & DV Toàn Tâm
Địa chỉ: Số 23 Bạch Đằng-Núi Đèo-Thủy
Nguyễn-Hải Phòng

Số: S02c1-DNN
Ban hành theo QĐ số
48/2006/QĐ-BTC ngày
14/9/2006 của BTC

SỔ CÁI

(Dùng cho hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ)

Tên tài khoản: Chi phí khác

Số hiệu : 811

Từ ngày 1/10/2010 đến ngày 31/12/2010

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số phát sinh			
...	
31/12	1247	31/12	Thanh lý TSCĐ	211	4.771.884	
31/12	1264	31/12	K/C chi phí khác	911		24.830.541
			Cộng phát sinh		24.830.541	24.830.541

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên)

(Biểu 2.31)

(Biểu 2.27)

Đơn vị: Cty TNHH TM & DV Toàn Tâm
Địa chỉ: Số 23 Bạch Đằng-Núi Đèo-Thủy
Nguyễn-Hải Phòng

Số: 01-TT
Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-
BTC ngày 14/9/2006 của BTC

PHIẾU THU

Số CT 1995

Ngày: 11/12/2010

Người nộp: Nguyễn Thị Xuân

Địa chỉ: Phòng Tài chính - Kế toán

Về khoản: Thu từ thanh lý máy điều hòa Panasonic

Số tiền: 1.650.000 đ

Bằng chữ: Một triệu sáu trăm lăm mươi nghìn VND

Kèm theo: 1 chứng từ gốc

Kế toán trưởng

Kế toán thanh toán

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ): Một triệu sáu trăm lăm mươi nghìn đồng.

Ngày 11 tháng 12 năm 2010

Giám đốc Kế toán trưởng người lập phiếu Người nộp tiền Thủ quỹ

Biểu số 2.32 - Phiếu thu số 1995

CÔNG TY TNHH TM & DV TOÀN TÂM

BẢNG TỔNG HỢP CHỨNG TỪ CÙNG LOẠI

Ghi nợ tài khoản 111

Số chứng từ 1248

.Ngày	Số CT	Diễn giải	Tiền trong CT	Ghi các tài khoản Nợ			
				3331	711	131	...
...					
11/12	PT1995	Thanh lý máy điều hòa	1.650.000	150.000	1.500.000		
11/12	PT1996	Khách hàng trả nợ	14.322.100			14.322.100	
...	
		Cộng	4.965.956.700	102.523.469	1.500.000	3.271.962.116	

Tháng 12 năm 2010

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

(Biểu 2.33)

Đơn vị: Cty TNHH TM & DV Toàn Tâm
 Địa chỉ: Số 23 Bạch Đằng-Núi Đèo-Thủy
 Nguyên-Hải Phòng

Số: 02a-DNN
 Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-
 BTC ngày 14/9/2006 của BTC

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số: 1248

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Trích yếu	Số hiệu tài khoản		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
A	B	C	I	D
.....	
-Thu nhập khác bằng tiền mặt	111	711	1.500.000	
- Thuế GTGT nộp bằng tiền mặt	111	3331	102.523.469	
- Khách hàng trả nợ công ty	111	131	3.271.962.116	
.....	
Cộng	x	x	4.965.956.700	X

Kèm theo chứng từ gốc

Ngày..... tháng năm.....

Người ghi sổ
 (ký,họ tên)

Kế toán trưởng
 (ký,họ tên)

(biểu 2.34)

Đơn vị: Cty TNHH TM & DV Toàn Tâm
Địa chỉ: Số 23 Bạch Đằng-Núi Đèo-
Thủy Nguyên-Hải Phòng

Số: S02c1-DNN
Ban hành theo QĐ số
48/2006/QĐ-BTC ngày
14/9/2006 của BTC

SỔ CÁI

(Dùng cho hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ)

Tên tài khoản: Thu nhập khác

Số hiệu : 711

Từ ngày 1/10/2010 đến ngày 31/12/2010

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số phát sinh			
...	
31/12	1243	31/12	Thu nhập khác bằng tiền gửi NH	112		7.976.590
31/12	1248	31/12	Thu nhập khác bằng tiền	111		1.500.000
31/12	1265	31/12	K/C doanh thu HĐTC	911	20.857.655	
			Cộng phát sinh		20.857.655	20.857.655

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên)

(Biểu 2.35)

Đơn vị: Cty TNHH TM & DV Toàn Tâm
 Địa chỉ: Số 23 Bạch Đằng-Núi Đèo-Thủy
 Nguyên-Hải Phòng

Số: 02b-DNN
 Ban hành theo QĐ số
 48/2006/QĐ-BTC ngày
 14/9/2006 của BTC

SỔ ĐĂNG KÝ CHỨNG TỪ GHI SỔ

Năm 2010

<i>Chứng từ ghi sổ</i>		<i>Số tiền</i>	<i>Chứng từ ghi sổ</i>		<i>Số tiền</i>
<i>Số hiệu</i>	<i>Ngày tháng</i>		<i>Số hiệu</i>	<i>Ngày tháng</i>	
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>l</i>	<i>A</i>	<i>B</i>	<i>l</i>
...	1247	31/12	12.235.600
1237	31/12	142.256.700	1248	31/12	4.965.956.700
1238	31/12	234.213.000
1239	31/12	138.987.690			
1240	31/12	6.965.956.890			
1241	31/12	6.457.433.621			
1242	31/12	1.193.893.585			
1243	31/12	3.869.842.321			
...	...				
Cộng			Tổng cộng		56.288.967.491

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên)

2.2.6. Kế toán xác định kết quả kinh doanh

* Nội dung của xác định kết quả kinh doanh

Cuối kỳ kế toán thực hiện khai báo các bút toán kết chuyển doanh thu thuần, doanh thu hoạt động tài chính, giá vốn, chi phí tài chính, chi phí quản lý doanh nghiệp, thu nhập khác, chi phí khác sang Tài khoản 911. Đồng thời, kế toán tạo bút toán kết chuyển lỗ hoặc lãi. Sau đó thực hiện bút toán kết chuyển tự động.

Thuế thu nhập doanh nghiệp được xác định khi Công ty tiến hành nộp thuế, lúc đó thuế thu nhập doanh nghiệp được tính và kế toán định khoản bằng bút toán Nợ TK 821 – Có TK 3334.

* Phương pháp xác định kết quả kinh doanh

Cuối tháng, kế toán tổng hợp thực hiện các bút toán kết chuyển các tài khoản liên quan trên phiếu kế toán (PKT). Căn cứ vào các PKT để lập sổ chi tiết xác định kết quả hoạt động kinh doanh của công ty.

Kết quả hoạt động kinh doanh được xác định như sau:

$$\text{KQKD} = \text{DTT} - \text{CF} + \text{KQTC} + \text{KQ HD khác}$$

Trong đó: **Chi phí** là chi phí giá vốn và chi phí quản lý doanh nghiệp

Kết quả tài chính: là số chênh lệch giữa doanh thu tài chính (515) và chi phí tài chính (635).

Kết quả hoạt động khác: Là số chênh lệch giữa thu nhập khác (711) và chi phí khác (811)

* Chứng từ và tài khoản sử dụng.

❖ Chứng từ sử dụng

- *Phiếu kế toán*

❖ Tài khoản sử dụng

- TK 911 - *Xác định kết quả kinh doanh*

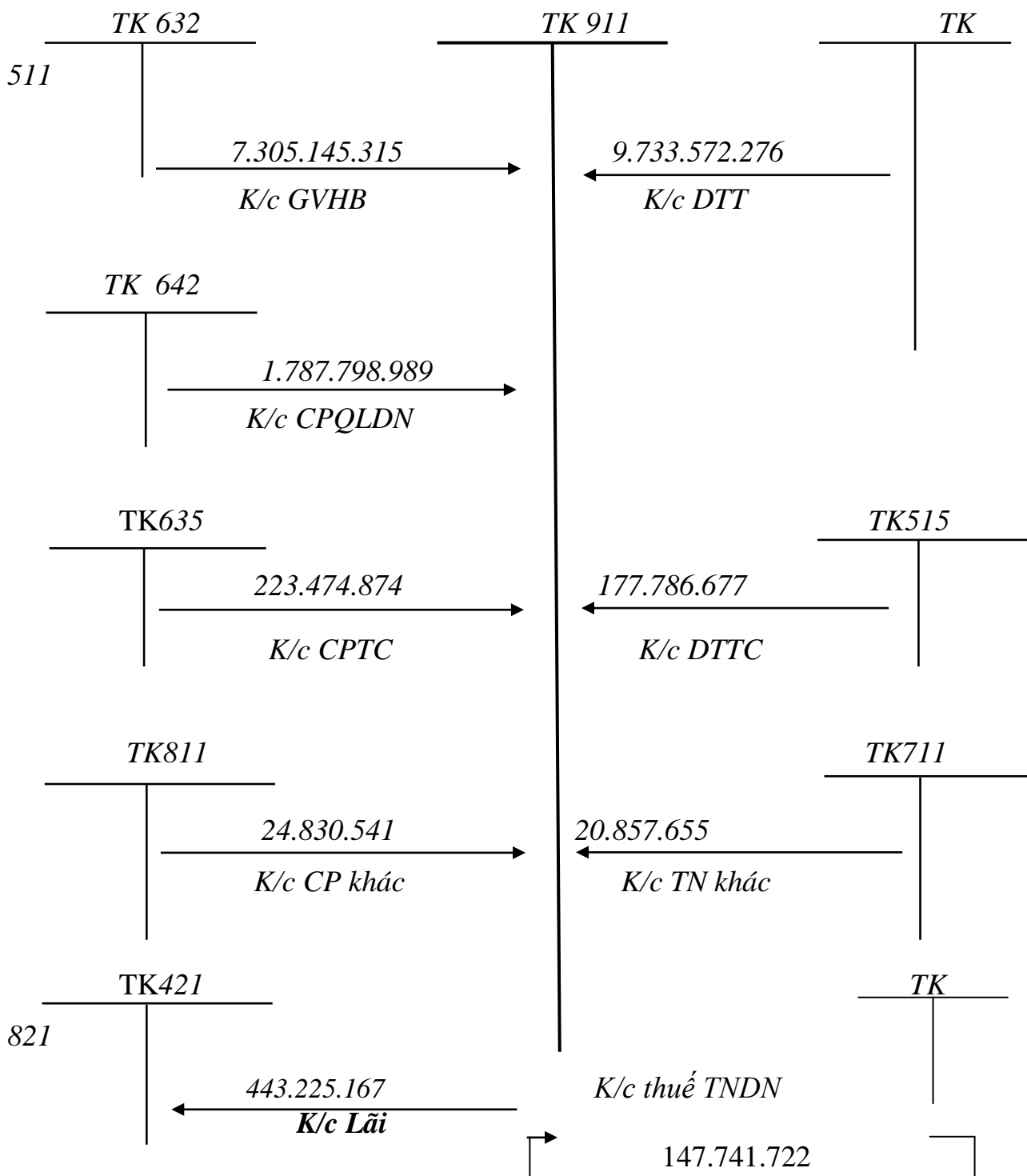
- TK 421 - *Lợi nhuận chưa phân phối.*

*** Quy trình hạch toán xác định kết quả kinh doanh**

Các bút toán kết chuyển xác định kết quả kinh doanh được khái quát bằng sơ đồ

2.9 sau đây:

Sơ đồ 2.9 : Hạch toán xác định kết quả kinh doanh quý IV năm 2010



Ví dụ minh họa

Ngày 31/12/2010 Kế toán Xác định kết quả kinh doanh quý IV năm 2010

- Bút toán kết chuyển được thực hiện lần lượt qua các Phiếu kế toán 311 – kết chuyển doanh thu (Biểu số 2.36), Phiếu kế toán số 312 – kết chuyển chi phí, giá vốn (Biểu số 2.37), từ phiếu kế toán số 311, 312 kế toán làm căn cứ lập Chứng từ ghi sổ số (Biểu số 2.38), Sổ cái TK 911 (Biểu số 2.39).

Đơn vị: Cty TNHH TM & DV Toàn Tâm
 Địa chỉ: Số 23 Bạch Đằng-Núi Đèo
 -Thủy Nguyên-Hải Phòng

PHIẾU KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Số hiệu: 311

Nội dung	TK	Vụ việc	PS nợ	PS có
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	511		9.733.572.276	
Doanh thu hoạt động tài chính	515		177.786.677	
Thu nhập khác	711		20.857.655	
K/c doanh thu xác định KQKD	911			9.932.216.608
CỘNG TỔNG			9.932.216.608	9.932.216.608

Bằng chữ: Chín tỷ chín trăm ba mươi hai triệu hai trăm mười sáu nghìn sáu trăm linh tám VNĐ.

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Kế toán trưởng
 (ký, họ tên)

Người lập biểu
 (Ký, họ tên)

Biểu 2.36: Phiếu kế toán kết chuyển doanh thu quý IV/2010

Đơn vị: Công ty TNHH TM & DV Toàn Tâm

Địa chỉ: số 23 Bạch Đằng – Núi Đèo

– Thủy Nguyên – Hải Phòng

PHIẾU KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Số hiệu: 312

Nội dung	TK	Vụ việc	PS nợ	PS có
Giá vốn hàng bán	632			7.305.145.315
Chi phí tài chính	635			223.474.874
Chi phí quản lý doanh nghiệp	642			1.787.798.989
Chi phí khác	811			24.830.541
Chi phí thuế TNDN	821			147.741.722
Lợi nhuận sau thuế	421			443.225.167
K/c chi phí xác định KQKD	911		9.932.216.608	
CỘNG TỔNG			9.932.216.608	9.932.216.608

Bằng chữ: Chín tỷ chín trăm ba mươi hai triệu hai trăm mười sáu nghìn sáu trăm linh tám VNĐ.

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Biểu 2.37: Phiếu kế toán kết chuyển chi phí, giá vốn quý IV/2010

Đơn vị: Cty TNHH TM & DV Toàn Tâm
Địa chỉ: Số 23 Bạch Đằng-Núi Đèo-Thủy
Nguyên-Hải Phòng

Số: 02a-DNN
Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-
BTC ngày 14/9/2006 của BTC

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số: 1264

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Trích yếu	Số hiệu tài khoản		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
A	B	C	I	D
- Kết chuyển giá vốn hàng bán	911	632	7.305.145.315	
- K/C chi phí quản lý	911	642	1.787.798.989	
- K/C chi phí hoạt động tài chính	911	635	223.474.874	
- K/C chi phí khác	911	811	24.830.541	
- K/C chi phí thuế TNDN	911	821	147.741.722	
- K/C LNST	911	421	443.225.167	
Cộng	x	x	9.932.216.608	X

Kèm theo chứng từ gốc

Ngày..... tháng năm...

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

(ký, họ tên)

(ký, họ tên)

(Biểu 2.38)

Đơn vị: *Cty TNHH TM & DV Toàn Tâm*
 Địa chỉ: *Số 23 Bạch Đằng-Núi Đèo-Thủy*
Nguyên-Hải Phòng

Số: *02a-DNN*
 Ban hành theo *QĐ số 48/2006/QĐ-*
BTC ngày 14/9/2006 của BTC

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số: 1265

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

<i>Trích yếu</i>	<i>Số hiệu tài khoản</i>		<i>Số tiền</i>	<i>Ghi chú</i>
	<i>Nợ</i>	<i>Có</i>		
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>C</i>	<i>l</i>	<i>D</i>
<i>- Kết chuyển doanh thu hàng bán</i>	<i>511</i>	<i>911</i>	<i>9.733.572.276</i>	
<i>- K/C doanh thu hoạt động tài chính</i>	<i>515</i>	<i>911</i>	<i>177.786.677</i>	
<i>- K/C doanh thu khác</i>	<i>711</i>	<i>911</i>	<i>20.857.655</i>	
<i>Cộng</i>	<i>x</i>	<i>x</i>	<i>9.932.216.608</i>	<i>X</i>

Kèm theo chứng từ gốc

Ngày..... tháng năm.....

Người ghi sổ
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

(Biểu 2.38)

Đơn vị: *Cty TNHH TM & DV Toàn Tâm*
 Địa chỉ: *Số 23 Bạch Đằng-Núi Đèo-Thủy*
Nguyên-Hải Phòng

Số: *S02c1-DNN*
 Ban hành theo *QĐ số*
48/2006/QĐ-BTC ngày *14/9/2006*
 của *BTC*

SỔ CÁI

(Dùng cho hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ)

Tên tài khoản: *Xác định kết quả kinh doanh*

Số hiệu : *911*

Từ ngày *1/10/2010* đến ngày *31/12/2010*

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số phát sinh			
<i>31/12</i>	<i>264</i>	<i>31/12</i>	<i>Kết chuyển giá vốn hàng bán</i>	<i>632</i>	<i>7.305.145.315</i>	
<i>31/12</i>	<i>264</i>	<i>31/12</i>	<i>K/C chi phí quản lý</i>	<i>642</i>	<i>1.787.798.989</i>	
<i>31/12</i>	<i>264</i>	<i>31/12</i>	<i>K/C chi phí hoạt động tài chính</i>	<i>635</i>	<i>223.474.874</i>	
<i>31/12</i>	<i>264</i>	<i>31/12</i>	<i>K/C chi phí khác</i>	<i>811</i>	<i>24.830.541</i>	
<i>31/12</i>	<i>264</i>	<i>31/12</i>	<i>K/C chi phí thuế TNDN</i>	<i>821</i>	<i>147.741.722</i>	
<i>31/12</i>	<i>264</i>	<i>31/12</i>	<i>K/C LNST</i>	<i>421</i>	<i>443.225.167</i>	
<i>31/12</i>	<i>265</i>	<i>31/12</i>	<i>K/C doanh thu bán hàng</i>	<i>511</i>		<i>9.733.572.276</i>
<i>31/12</i>	<i>265</i>	<i>31/12</i>	<i>K/C doanh thu HDTC</i>	<i>515</i>		<i>177.786.677</i>
<i>31/12</i>	<i>265</i>	<i>31/12</i>	<i>K/C thu nhập khác</i>	<i>711</i>		<i>20.857.655</i>
			Cộng phát sinh		<i>9.932.216.608</i>	<i>9.932.216.608</i>

Ngày *31 tháng 12* năm *2010*

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên)

(Biểu 2.39)

*Đơn vị: Cty TNHH TM & DV Toàn Tâm
Địa chỉ: Số 23 Bạch Đằng-Núi Đèo-Thủy
Nguyên-Hải Phòng*

*Số: 02b-DNN
Ban hành theo QĐ số
48/2006/QĐ-BTC ngày
14/9/2006 của BTC*

SỔ ĐĂNG KÝ CHỨNG TỪ GHI SỔ

Năm 2010

<i>Chứng từ ghi sổ</i>		<i>Số tiền</i>	<i>Chứng từ ghi sổ</i>		<i>Số tiền</i>
<i>Số hiệu</i>	<i>Ngày tháng</i>		<i>Số hiệu</i>	<i>Ngày tháng</i>	
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>l</i>	<i>A</i>	<i>B</i>	<i>l</i>
...	1247	31/12	12.235.600
1237	31/12	142.256.700	1248	31/12	4.965.956.700
1238	31/12	234.213.000
1239	31/12	138.987.690	1264	31/12	9.932.216.608
1240	31/12	6.965.956.890	1265	31/12	9.932.216.608
1241	31/12	6.457.433.621			
1242	31/12	1.193.893.585			
1243	31/12	3.869.842.321			
...	...				
Cộng			Tổng cộng		56.288.967.491

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên)

CÔNG TY TNHH TM & DV TOAN TÂM

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2010

Đơn vị tính : VNĐ

Chỉ tiêu	Mã số	TM	Quý IV		Luỹ kế cả năm	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5	6	7
1. Doanh thu bán hàng ,cung cấp dịch vụ	1	VI25	9.733.572.276	8.562.499.683	38.934.891.152	35.248.200.876
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2	VI26				
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp d vụ	10	VI27	9.733.572.276	8.562.499.683	38.934.891.152	35.248.200.876
4. Giá vốn hàng bán	11	VI28	7.305.145.315	7.046.745.944	30.435.271.926	28.563.968.753
5. LN gộp về BH & cung cấp dvụ (20=10-11)	20		2.428.426.961	1.515.753.739	8.499.619.230	6.684.232.120
6.Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI29	177.786.677	107.679.533	657.389.685	428.433.125
7. Chi phí tài chính	22	VI30	223.474.874	194.597.322	799.735.281	567.586.344
8. Chi phí bán hàng	24					
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		1.787.798.989	1.070.611.811	6.261.783.284	4.788.967.586
10. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	30		594.939.775	358.224.139	2.234.835.946	1.756.111.315
11. Thu nhập khác	31		20.857.655	12.287.958	80.663.667	50.436.276
12. Chi phí khác	32		24.830.541	20.298.753	121.156.354	94.578.492
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(3.972.886)	(8.010.795)	(40.492.687)	(44.142.216)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		590.966.889	350.213.344	2.197.343.259	1.711.969.099
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI31	147.741.722	87.553.336	549.335.815	427.992.275
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI32				
17. LNST thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		443.225.167	262.659.998	1.648.007.444	1.283.976.824

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên)

CHƯƠNG 3.

MỘT SỐ Ý KIẾN ĐỀ XUẤT NHẪM HOÀN THIỆN TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH TM & DV TOÀN TÂM.

3.1. Đánh giá chung về tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH TM & DV Toàn Tâm.

Công ty TNHH TM & DV Toàn Tâm tuy là một doanh nghiệp vừa và nhỏ nhưng luôn có những chuyển biến tích cực trong hoạt động kinh doanh và cũng có chỗ đứng nhất định trên thị trường.

Qua quá trình thực tập và tìm hiểu về Công ty TNHH TM & DV Toàn Tâm, được tiếp nhận với thực tế công tác kế toán nói chung và công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng cùng với sự giúp đỡ của các nhân viên phòng kế toán, em đã có điều kiện làm quen với thực tế và áp dụng, củng cố những kiến thức đã học tại nhà trường. Qua đó, em xin mạnh dạn đưa ra một số ý kiến nhận xét và giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH TM & DV Toàn Tâm.

3.1.1. Ưu điểm

* Về bộ máy kế toán

- Với đặc điểm là phòng kế toán có ít nhân viên và mỗi người có chức năng nhiệm vụ do đó công việc tổ chức kế toán nói chung và tổ chức doanh thu nói riêng công việc sẽ diễn ra theo một trình tự có tính thống nhất cao hơn, việc tập hợp số liệu kế toán cũng sẽ đảm bảo chính xác hơn. Sau khi đã có những số liệu tổng hợp do những nhân viên kế toán cung cấp, kế toán trưởng sẽ tập hợp và tính toán kết quả cuối cùng nó sẽ đảm bảo tính khoa học trong công việc.

- Bộ máy kế toán của Công ty được tổ chức có hệ thống, có kế hoạch, có sự

phối hợp chặt chẽ, được chỉ đạo thống nhất từ trên xuống dưới, công việc được thực hiện thường xuyên, liên tục, các báo cáo kế toán được lập nhanh chóng, đảm bảo cho việc cung cấp thông tin đầy đủ, kịp thời, chính xác, phục vụ cho công tác quản lý của Công ty.

*** Về việc vận dụng hệ thống tài khoản, chứng từ và sổ sách kế toán.**

- Công ty áp dụng hệ thống tài khoản ban hành theo Quyết định số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14 tháng 9 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính. Bên cạnh đó Công ty cũng mở theo dõi chi tiết cho một số tài khoản theo đối tượng, tạo điều kiện thuận lợi cho việc thống kê, theo dõi, kiểm tra và đối chiếu.

- Các chứng từ sử dụng cho hạch toán ban đầu đều phù hợp với yêu cầu kinh tế và pháp lý của nghiệp vụ kinh tế phát sinh, đúng với mẫu do Bộ tài chính quy định.

Những thông tin về các nghiệp vụ kinh tế phát sinh đều được ghi chép một cách đầy đủ, chính xác vào chứng từ. Các chứng từ đều có chữ ký xác nhận của các bên liên quan, tạo điều kiện cho việc kiểm tra, đối chiếu giữa số liệu thực tế phát sinh với số liệu trên sổ kế toán.

Chứng từ sau khi được sử dụng cho việc hạch toán đều được lưu trữ cẩn thận theo từng bộ, từng khoản mục, trình tự thời gian, tạo điều kiện kiểm tra đối chiếu khi cần thiết.

- Sổ sách mà công ty áp dụng để tập hợp ghi chép số liệu của quá trình hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động là hợp lý vì nó vừa đảm bảo tính chính xác khoa học đồng thời nó đảm bảo tính đơn giản dễ dàng cho việc theo dõi kiểm tra đối chiếu khi cần.

*** Về hình thức kế toán:**

Công ty hiện nay đang áp dụng hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ trên bảng tính excel. Việc áp dụng hình thức CTGS là hoàn toàn phù hợp với đặc điểm kinh doanh của công ty thương mại. Tổ chức hệ thống sổ sách và luân chuyển sổ kế toán hợp lý, gọn nhẹ, khoa học nhờ vậy hạch toán kế toán và báo cáo kế toán thực hiện có nề nếp, quản lý khá chặt chẽ .

*** Về công tác kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh**

- Về việc tổ chức kế toán doanh thu: Mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh về bán hàng và cung cấp dịch vụ đều được kế toán ghi nhận doanh thu một cách kịp thời, chính xác, doanh thu được xác định một cách hợp lý và phù hợp với điều kiện ghi nhận doanh thu. Bên cạnh đó công ty theo dõi chi từng loại doanh thu, chi tiết từng mặt hàng. Như vậy sẽ giám sát được chặt chẽ tình hình ứ đọng vốn, hàng hóa và xác định được cụ thể những mặt hàng tiềm năng và mặt hàng còn hạn chế.

- Về kế toán chi phí: Các chi phí phát sinh được ghi chép một cách đầy đủ, kịp thời. Giúp công ty nắm bắt được các khoản chi hợp lý, hợp lệ nhằm điều chỉnh thu chi của doanh nghiệp.

- Về kế toán xác định kết quả kinh doanh: Công tác kế toán xác định kết quả kinh doanh đã phần nào đáp ứng được yêu cầu của ban lãnh đạo công ty về việc cung cấp thông tin kịp thời, chính xác về tình hình kinh doanh của công ty.

3.1.2. Nhược điểm

Bên cạnh những ưu điểm kể trên mà bộ máy kế toán công ty đã đạt được thì vẫn còn những bất cập mà kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cần khắc phục.

*** Về tổ chức bộ máy kế toán và công tác ghi chép sổ sách kế toán.**

- Bộ máy kế toán: Tuy bộ máy kế toán tại Công ty được phân công công việc tương đối rõ ràng nhưng không tránh khỏi sự phân công không đồng đều, một nhân viên kế toán đôi khi phải phụ trách nhiều công việc, điều này dễ dẫn đến những sai sót, nhầm lẫn trong quá trình làm việc.

Bên cạnh đó bộ máy kế toán của công ty chủ yếu là những đội ngũ nhân viên trẻ, trình độ chuyên môn từ trung cấp đến cao đẳng chưa có nhiều kinh nghiệm trong công tác kế toán nên hiệu quả công việc chưa cao, không đảm bảo được nhiệm vụ, yêu cầu cao hơn của nhà quản lý.

- Công tác ghi chép sổ sách kế toán: Với tình hình kinh doanh của công ty ngày càng được mở rộng, khối lượng công việc ngày càng nhiều, công ty chưa

sử dụng phần mềm kế toán còn ghi chép theo cách thủ công trên bảng tính excel, nếu nhiều nghiệp vụ phát sinh sẽ không thể ghi chép nhanh được nên dễ dẫn đến tình trạng ứ đọng công việc dễ dẫn đến những nhầm lẫn, sai sót làm giảm hiệu quả công việc, đồng thời làm tăng gánh nặng công việc của kế toán.

*** Về hệ thống sổ sách kế toán:**

- Chi phí liên quan đến hoạt động quản lý, kế toán chỉ theo dõi chung trên TK 642 mà không mở chi tiết TK cấp 2 của TK 642. Do đó gây khó khăn trong việc xác định nguyên nhân dẫn đến tăng chi phí ở bộ phận nào để tìm cách khắc phục. Đồng thời doanh nghiệp cũng khó xác định được loại chi phí nào thiết thực nhất cho công ty, loại chi phí nào cần giảm thiểu.

*** Về việc áp dụng chính sách thu hồi nợ và chính sách ưu đãi với khách hàng.**

Công ty chưa chú trọng đến chính sách thu hồi nợ, lượng nợ phải thu của công ty tương đối lớn so với quy mô của công ty do đó gây mất chủ động trong vấn đề sử dụng vốn, vòng quay của vốn không được sử dụng hiệu quả, ảnh hưởng đến tình hình tài chính của doanh nghiệp.

Hiện nay công ty cũng không có chính sách ưu đãi trong kinh doanh. Đó là việc cho khách hàng hưởng các khoản chiết khấu như chiết khấu thương mại và chiết khấu thanh toán. Việc không áp dụng chiết khấu thương mại của công ty sẽ làm cho doanh thu của công ty giảm đi đáng kể do khách hàng không được hưởng lợi nhiều khi mua hàng với số lượng lớn. Đối với việc không áp dụng chiết khấu thanh toán sẽ gây khó khăn trong việc thu hồi nợ của công ty.

*** Về việc trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi**

Trong kỳ công ty đã phát sinh các nghiệp vụ, các khoản nợ phải thu lên đến hơn hai tỷ, có nhiều khách hàng đã đến hạn thanh toán hoặc đã quá hạn thanh toán mà doanh nghiệp vẫn chưa thu hồi được nợ nhưng doanh nghiệp lại chưa trích lập dự phòng. Điều này dẫn đến việc công ty không có khoản dự phòng để bù đắp những rủi ro xảy ra, ảnh hưởng nghiêm trọng đến tình hình tài chính, gây thiếu vốn trong kinh doanh do đó kết quả kinh doanh của doanh

nghiệp bị ảnh hưởng.

*** Về hệ thống kho tàng**

Với quy mô kinh doanh ngày càng được mở rộng, chủng loại hàng hóa ngày càng đa dạng nhưng công ty chưa có hệ thống kho chứa phù hợp. Hiện nay nhà kho của Công ty đang xuống dốc do điều kiện tự nhiên ảnh hưởng, kho bãi là nhà cấp bốn đang xuống cấp, không đáp ứng được yêu cầu bảo quản hàng hóa cho công ty. Các loại hàng hóa vẫn bị xếp chồng chéo không phân loại cụ thể do chưa có đủ diện tích kho bãi phù hợp.

3.2. Một số ý kiến đề xuất nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của Công ty TNHH TM & DV Toàn Tâm

*** Sự cần thiết của việc hoàn thiện**

Kế toán là một bộ phận cấu thành của công cụ quản lý kinh tế tài chính, có vai trò tích cực trong việc quản lý, điều hành và kiểm soát các hoạt động kinh tế, căn cứ vào các số liệu kế toán cung cấp để các nhà quản lý có thể lập và kiểm tra kế hoạch sản xuất kinh doanh. Đồng thời trên cơ sở phân tích các số liệu kế toán mà các nhà quản trị có thể đưa ra biện pháp và phương hướng kinh doanh nhằm đạt được hiệu quả kinh doanh cao nhất.

Đối với một doanh nghiệp Thương Mại với chức năng chủ yếu là lưu thông hàng hoá mà công tác kế toán doanh thu, chi phí lại ảnh hưởng trực tiếp đến lợi nhuận, kết quả kinh doanh trong một thời kỳ của doanh nghiệp. Vì vậy, kế toán doanh thu, chi phí chiếm một tỷ trọng lớn trong công tác kế toán của doanh nghiệp Thương Mại. Chúng đòi hỏi phải có sự quản lý chặt chẽ các yếu tố: giá vốn, quá trình thanh toán, thu hồi công nợ và các khoản chi phí có liên quan. Điều này giúp cho việc hạch toán kết quả kinh doanh được chính xác, tiết kiệm được chi phí, tăng vòng quay vốn, thực hiện tốt các nghĩa vụ với nhà nước.

Ngày nay khi chuyển sang nền kinh tế thị trường, nó đòi hỏi các doanh nghiệp phải cung cấp các thông tin về tình hình tài chính của mình phải kịp thời, trung thực và đầy đủ đối với các đối tác, ngân hàng và các cơ quan quản Nhà

nước. Để làm được điều đó thì công ty phải có một mô hình bộ máy kế toán hợp lý, các nhân viên với trình độ chuyên môn giỏi...Điều đó chính là một đòi hỏi khách quan cho việc hoàn thiện kế toán nói chung và kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh nói riêng.

Từ những hạn chế nêu trên và dựa trên những kiến thức em đã được tích lũy qua quá trình học tập của mình, em xin mạnh dạn đưa ra một số ý kiến đóng góp với mong muốn công tác tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh ngày càng được hoàn thiện hơn, đáp ứng tốt hơn nữa yêu cầu quản lý.

*** Nguyên tắc của việc hoàn thiện**

- Công ty cần có đội ngũ nhân viên kế toán không những nắm vững cách hạch toán các nghiệp vụ kinh tế, luật kinh tế tài chính doanh nghiệp, mà còn hiểu biết về phần mềm kế toán trong phân tích, phản ánh, xử lý các nghiệp vụ kinh tế phát sinh tại đơn vị hàng ngày và lập Báo cáo tài chính. Hơn nữa, nhân viên kế toán còn phải là những người năng động, nhiệt tình, có trách nhiệm với công việc và hoàn thành tốt công việc được giao. Các nhân viên kế toán luôn phải đảm bảo cung cấp thông tin chính xác, đầy đủ, kịp thời về mọi mặt của hoạt động kinh tế tài chính của doanh nghiệp, nhằm đáp ứng nhu cầu hoạt động kinh doanh.

- Tổ chức bộ máy kế toán gọn nhẹ, khoa học sao cho phù hợp với đặc điểm, tính chất, ngành nghề, lĩnh vực kinh doanh của Công ty.

- Cần phải kết hợp giữa bộ phận kế toán tài chính và kế toán quản trị trong việc đưa ra các phương hướng hoàn thiện.

- Biện pháp đưa ra hoàn thiện phải có tính khả thi, tức là chi phí bỏ ra cho công việc hoàn thiện phải tương xứng với lợi ích mà chúng đem lại cho doanh nghiệp.

- Hoàn thiện phải dựa trên cơ sở tôn trọng luật pháp, các chế độ tài chính chuẩn mực kế toán mà Nhà nước và Bộ Tài Chính đã ban hành.

- Tiếp cận các chuẩn mực kế toán quốc tế, áp dụng phù hợp với tình hình

thực tế của Công ty.

- Tiến hành chỉ đạo thống nhất từ Ban lãnh đạo đến các phòng ban, có sự phối hợp chặt chẽ giữa các phòng ban với phòng ban của Công ty nhằm đảm bảo sự xuyên suốt, hợp lý.

Việc hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh mang lại ý nghĩa vô cùng quan trọng đối với doanh nghiệp:

+ Đối với công tác quản lý, hoàn thiện nghiệp vụ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh sẽ giúp cho các đơn vị quản lý chặt chẽ hơn hoạt động tiêu thụ hàng hóa, việc sử dụng các khoản chi phí. Từ đó doanh nghiệp có những biện pháp thúc đẩy quá trình tiêu thụ sản phẩm nâng cao doanh thu cho doanh nghiệp, xác định đúng đắn kết quả kinh doanh, phân phối thu nhập một cách chính xác và hợp lý, kích thích người lao động làm việc thực hiện đúng các nghĩa vụ đối với nhà nước.

+ Đối với công tác kế toán, hoàn thiện quá trình hạch toán nghiệp vụ kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh sẽ cung cấp tài liệu chính xác, tin cậy giúp cho các nhà quản lý đánh giá chính xác tình hình hoạt động kinh doanh của công ty. Thông qua số liệu mà kế toán phản ánh sẽ thấy được những thuận lợi, khó khăn của doanh nghiệp, từ đó các nhà quản lý sẽ đưa ra những biện pháp kịp thời để giải quyết những khó khăn và phát huy những thuận lợi nhằm mục đích đưa doanh nghiệp ngày càng tiến xa hơn trên con đường kinh doanh của mình.

*** Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của công ty TNHH TM & DV Toàn Tâm.**

Kiến nghị một: Về tổ chức bộ máy kế toán và công tác ghi chép sổ sách.

- Bộ máy kế toán: Để đáp ứng những đòi hỏi về chuyên môn, nghiệp vụ cũng như trình độ kế toán của các kế toán viên trong công ty nhằm làm cho bộ máy kế toán được hoàn thiện góp phần nâng cao hiệu quả làm việc trong bộ máy

kế toán nói riêng và nâng cao hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp nói chung, công ty cần hoàn thiện tổ chức bộ máy kế toán và hạch toán kế toán.

Hoàn thiện tổ chức bộ máy kế toán đầu tiên phải nâng cao trình độ của các nhân viên kế toán bằng việc công ty có thể tổ chức cho các kế toán viên tham gia các khoá học để bồi dưỡng, nâng cao nghiệp vụ. Làm tốt công tác đào tạo chuyên môn, nâng cao nghiệp vụ sẽ giúp cho các nhân viên kế toán vững tin vào tay nghề chuyên môn của mình. Mặt khác công ty có thể tuyển dụng thêm những kế toán có trình độ chuyên môn từ cấp đại học trở lên để bảo đảm công tác kế toán được hiệu quả hơn.

Ngoài ra việc phân công công việc có thể điều chỉnh lại để giảm bớt gánh nặng cho kế toán, tránh một người ôm đồm quá nhiều việc.

Nếu công ty làm tốt được việc đào tạo chuyên môn cho các nhân viên kế toán đây chính là tiền đề cơ bản cho việc hoàn thiện bộ máy kế toán của công ty đồng thời từ đó tạo cơ sở cho tình hình kinh doanh của doanh nghiệp được ổn định với đội ngũ nhân viên lành nghề, dày dặn kinh nghiệm, làm cho hiệu quả kinh doanh của công ty ngày càng được nâng cao.

- Công tác ghi chép sổ sách: Hiện nay công nghệ thông tin ngày một phát triển, việc áp dụng công nghệ thông tin vào quản lý tài chính kế toán là điều mà các cơ quan nhà nước và các doanh nghiệp thực sự quan tâm. Việc áp dụng phần mềm kế toán tại doanh nghiệp thể hiện bước tiến mới không chỉ cho các ngành kinh doanh nói riêng mà nó còn khẳng định bước nhảy vọt của nền kinh tế nước ta nói chung.

Công ty vẫn sử dụng việc tính toán và hạch toán thủ công trên excel, với khối lượng công việc và ứng dụng công nghệ đang được mở rộng trên thị trường đòi hỏi công ty nên áp dụng phần mềm kế toán vào công việc hàng ngày để mọi sổ sách kế toán đều lưu trữ trên máy vi tính, và các kế toán phụ trách từng mảng kế toán phản ánh chính xác các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, đồng thời thao tác kế toán được nhanh chóng và chính xác hơn. Có như vậy, kế toán tổng hợp mới có thể lập được báo cáo trung thực và phản ánh chính xác tình hình tài chính của công ty. Đồng thời giúp cho Ban giám đốc công ty luôn nắm bắt được tình hình

tài chính của công ty một cách nhanh chóng và thuận tiện.

Hiện tại phòng kế toán của công ty đã được trang bị đầy đủ máy vi tính, phục vụ cho công tác kế toán, điều đó tạo điều kiện thuận lợi để ứng dụng phần mềm kế toán vào công tác hạch toán từ đó giảm bớt công việc kiểm tra, đối chiếu số liệu mang lại hiệu quả thiết thực cho doanh nghiệp. Ngoài việc mua một phần mềm kế toán phục vụ cho hoạt động kế toán trong doanh nghiệp công ty cũng có thể đặt phần mềm theo quy trình hoạt động của công ty, nhằm làm cho kế toán viên thích ứng được nhanh chóng với quy trình hoạt động của phần mềm. Mặt khác công ty nên mời chuyên gia về hướng dẫn và đào tạo cho các nhân viên kế toán sử dụng thông thạo phần mềm tránh tình trạng nhầm lẫn hoặc sai sót xảy ra.

Việc ứng dụng phần mềm vào quản lý giúp giảm bớt khối lượng công việc ghi chép của kế toán mà vẫn đảm bảo tính kịp thời, chính xác, đầy đủ, dễ tìm, dễ thấy và cho phép người sử dụng in ra các sổ sách, báo cáo và thông tin tài chính bất cứ khi nào theo yêu cầu kịp thời phục vụ cho công tác quản lý. Tiết kiệm được thời gian, chi phí và hầu hết các phần mềm kế toán đều có khả năng phát triển theo tốc độ tăng trưởng của công ty. Ngoài ra còn giảm bớt được sức lao động và khối lượng công việc cho nhân viên kế toán, tiết kiệm thời gian, chi phí góp phần hiện đại hóa bộ máy kế toán của công ty. Hệ thống sổ sách được thiết lập một cách khoa học, đầy đủ và chính xác. Tạo niềm tin vào các báo cáo tài chính mà công ty cung cấp cho các đối tượng bên ngoài.

Hiện nay trên thị trường có một số phần mềm: phần mềm 3S Accounting 7.5, SMART, VACOM,.. Công ty có thể tham khảo để ứng dụng phiên bản mới này.

Kiến nghị 2 : Về hệ thống sổ sách kế toán:

Chi phí là một yếu tố quan trọng ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Một doanh nghiệp muốn đạt được hiệu quả kinh doanh tối ưu cần giảm thiểu được chi phí một cách khoa học, tận dụng triệt để các khoản chi cần thiết phục vụ cho quá trình kinh doanh của mình. Vấn đề đặt ra đối với doanh nghiệp là cần xác định rõ các khoản chi phí ảnh hưởng như thế nào đối với kết quả kinh doanh của công ty để có biện pháp cụ thể giảm thiểu

tối ưu mang lại hiệu quả kinh doanh thiết thực cho doanh nghiệp.

Với tình hình kinh doanh của công ty ngày càng mở rộng, các nghiệp vụ kinh tế phát sinh ngày càng nhiều do chưa mở Sổ chi phí sản xuất kinh doanh (Mẫu số S36-DN ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC - Biểu số 3.2) nên khi phát sinh chi phí liên quan đến hoạt động quản lý, kế toán chỉ theo dõi chung trên TK 642 mà không chia ra thành các yếu tố. Việc theo dõi chi phí quản lý doanh nghiệp theo từng yếu tố sẽ giúp Công ty nắm bắt và quản lý chi phí dễ dàng hơn. Công ty nên mở tiểu khoản cấp 2 cho TK 642. Theo thông tư số 48/2006/QĐ – BTC tài khoản 642 được mở chi tiết thành 2 TK cấp 2:

* TK 6421: Chi phí bán hàng . TK này được mở chi tiết thành 7 tiểu khoản, nội dung của các tiểu khoản này bao gồm:

- TK 64211: Chi phí nhân viên bán hàng
- TK 64212: Chi phí vật liệu, bao bì
- TK 64213: Chi phí dụng cụ, đồ dùng
- TK 64214: Chi phí khấu hao TSCĐ
- TK 64215: Chi phí bảo hành
- TK 64217: Chi phí dịch vụ mua ngoài
- TK 64218: Chi phí bằng tiền khác.

* TK 6422: Chi phí quản lý doanh nghiệp. TK này được mở chi tiết thành 8 tiểu khoản, với nội dung các tiểu khoản:

- TK 64221 - Chi phí nhân viên quản lý: phản ánh các khoản phải trả cho cán bộ nhân viên quản lý doanh nghiệp, như tiền lương, các khoản phụ cấp, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn của Ban Giám đốc, nhân viên quản lý ở các phòng, ban của doanh nghiệp.

- TK 64222 - Chi phí vật liệu quản lý: phản ánh chi phí vật liệu xuất dùng cho công tác quản lý doanh nghiệp như văn phòng phẩm,... vật liệu sử dụng cho sửa chữa TSCĐ, công cụ, dụng cụ,...

- TK 64223 - Chi phí đồ dùng văn phòng: phản ánh chi phí dụng cụ, đồ dùng văn phòng dùng cho công tác quản lý.

- TK 64224 - Chi phí khấu hao TSCĐ: phản ánh chi phí khấu hao TSCĐ dùng chung cho doanh nghiệp như: nhà cửa làm việc của các phòng ban, kho tàng, vật kiến trúc,...

- TK 64225 - Thuế, phí và lệ phí: phản ánh chi phí về thuế, phí và lệ phí như thuế môn bài, tiền thuê đất, ... và các khoản phí, lệ phí khác.

- TK 64226 - Chi phí dự phòng: phản ánh các khoản dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả tính vào chi phí sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp.

- TK 64227 - Chi phí dịch vụ mua ngoài: phản ánh các chi phí dịch vụ mua ngoài phục vụ cho công tác quản lý doanh nghiệp, các khoản chi mua và sử dụng các tài liệu kỹ thuật, bằng sáng chế,...

- TK 64228 - Chi phí bằng tiền khác: phản ánh các chi phí khác thuộc quản lý chung của doanh nghiệp ngoài các chi phí đã kể trên, như chi phí hội nghị, tiếp khách, công tác phí, tàu xe, khoản chi cho lao động nữ,...

VD: Với việc mở chi tiết cho TK 642 thì: *Chi phí đi đường phát sinh ngày 19/12/2010 là 350.000 đ, anh Nguyễn Phi Long đã trả bằng tiền mặt, sẽ mở thêm sổ chi phí sản xuất kinh doanh (Biểu 3.1)*

Doanh nghiệp khi mở TK cấp 2 cho TK 642 sẽ giúp cho việc ghi nhận chi phí được cụ thể, rõ ràng và minh bạch. Đồng thời qua đó xác định được cụ thể từng loại chi phí ảnh hưởng như thế nào đến doanh thu của công ty, giúp cho doanh nghiệp biết được những loại chi phí nào đã tiết kiệm, loại nào còn lãng phí để từ đó đề ra biện pháp giảm thiểu, tiết kiệm nhằm đem lại lợi nhuận cao cho doanh nghiệp.

CÔNG TY TNHH TM & DV TOÀN TÂM

Mẫu số S36-DNN
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH

Từ ngày: 01/10/2010 đến ngày: 31/12/2010
Tài khoản: 642 – Chi phí quản lý doanh nghiệp
Tên hàng hóa, dịch vụ:

Ngày tháng GS	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số tiền		Chia ra TK 642						
	SH	NT			Nợ	Có	TK 6421			TK6422			
							64211	64212	...	64218	64221	...	64228
...				
03/12/10	BTTL04	03/12/10	Lương phải trả T11/2010	334	158.783.000		69.698.000				89.085.000		
03/12/10	PC1474	03/12/10	Chi mua vỏ thùng BH	1111	412.122			412.122					
...							
19/12/10	PC1754	19/12/10	Chi tiếp khách	1111	598.000								598.000
19/12/10	PC1755	19/12/10	Chi phí đi đường	1111	350.000					350.000			
...							
31/12/10	K/c	31/12/10	K/c CPQLDN Q4/2010	911		1.787.798.989	218.396.400	2.124.645	...	47.342.905	309.328.600	...	3.487.949

(Biểu 3.1)

Kiến nghị ba : Về việc áp dụng chính sách thu hồi nợ và chính sách ưu đãi.

Là công ty kinh doanh thương mại đang trên đà phát triển công ty cũng lên chú trọng đến các biện pháp nhằm thu hút khách hàng. Trong tình hình thị trường cạnh tranh gay gắt, nhiều bất ổn, giá cả mặt hàng không ngừng biến động vì vậy để tồn tại và phát triển ngày càng vững mạnh công ty nên có những chính sách chiết khấu cho những khách hàng lớn, quen thuộc, khách hàng mua hàng với số lượng lớn.

Với hình thức là công ty thương mại chuyên kinh doanh nhiều mặt hàng, nhiều chủng loại hàng hóa do đó chính sách chiết khấu thương mại là hoàn toàn phù hợp nhằm tăng cường và phát triển hệ thống khách hàng cho doanh nghiệp.

Chiết khấu thương mại là khoản tiền mà doanh nghiệp đã giảm trừ cho người mua hàng với khối lượng lớn theo thỏa thuận về CKTM đã ghi trên hợp đồng kinh tế, hợp đồng mua bán hoặc các cam kết mua bán hàng.

Công ty nên xây dựng căn cứ để xác định mức chiết khấu thương mại cho khách hàng:

- Tùy theo giá trị của lô hàng, công ty có thể áp dụng mức chiết khấu trên giá trị lô hàng bán cho phù hợp.
- Căn cứ vào các chính sách ưu đãi mà doanh nghiệp đã xây dựng.
- Căn cứ vào các chính sách ưu đãi của các doanh nghiệp cùng loại trên thị trường nhằm xác định mức chiết khấu phù hợp với khách hàng.

Công ty có thể áp dụng chính sách chiết khấu thương mại trong các trường hợp sau:

+ Chứng từ trong hóa đơn: Trường hợp người mua hàng với khối lượng lớn được hưởng chiết khấu thương mại thì giá bán phản ánh trên hóa đơn là giá đã giảm giá (đã trừ CKTM) thì khoản chiết khấu thương mại này không được hạch toán vào TK 521. Doanh thu bán hàng phản ánh theo giá đã trừ chiết khấu thương mại.

+ Chứng từ ngoài hóa đơn: Trường hợp người mua hàng nhiều lần mới đạt được lượng hàng mua được hưởng chiết khấu thương mại thì khoản CKTM này được

ghi giảm trừ vào giá bán trên hóa đơn GTGT hoặc hóa đơn bán hàng lần cuối cùng. Trường hợp khách hàng không tiếp tục mua hàng hoặc khi số chiết khấu thương mại người mua được hưởng lớn hơn số tiền bán hàng được ghi trên hóa đơn lần cuối cùng thì phải chi tiền CKTM cho người mua, khoản CKTM này được hạch toán vào TK 521

Phương pháp hạch toán chiết khấu thương mại của công ty

Để hạch toán khoản chiết khấu thương mại công ty sử dụng TK 521 – Chiết khấu thương mại.

Khi hạch toán phải đảm bảo chỉ hạch toán vào tài khoản này những khoản CKTM mà người mua được hưởng.

- Phản ánh số chiết khấu thương mại thực tế phát sinh trong kỳ kế toán ghi:

Nợ TK 521 – Chiết khấu thương mại (Số tiền đã trừ thuế GTGT phải nộp)

Nợ TK 3331 – Thuế GTGT phải nộp

Có TK 111,112 – Thanh toán ngay

Có TK131 – Phải thu của khách hàng

Cuối kỳ kết chuyển số CKTM được công ty chấp nhận cho người mua phát sinh trong kỳ sang TK 511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Nợ TK 511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Có TK 521 – Chiết khấu thương mại.

Với việc áp dụng biện pháp khuyến khích này công ty không chỉ giữ được các khách hàng truyền thống mà còn phát triển được lượng khách hàng mới trong tương lai vì công ty đã sử dụng chính sách ưu đãi trong bán hàng giúp thúc đẩy quá trình tiêu thụ, tăng tiềm lực cạnh tranh trên thị trường. Ngoài ra việc mở thêm tài khoản này góp phần hoàn thiện đầy đủ hơn nữa hệ thống tài khoản kế toán cho công ty.

Chính sách thu hồi nợ: Hiện nay công ty TNHH TM & DV Toàn Tâm với vai trò là 1 doanh nghiệp thương mại có số lượng khách hàng tương đối lớn, việc bán hàng không thể tránh khỏi các khoản nợ lại của khách, do đó gây khó khăn trong công tác quay vòng vốn của doanh nghiệp. Vấn đề đặt ra cần phải có

những chính sách thu hồi nợ phù hợp đáp ứng tình hình kinh doanh của doanh nghiệp nhằm mang lại sự ổn định về tài chính cho công ty.

Để thực hiện tốt chính sách thu hồi nợ doanh nghiệp nên đề ra các biện pháp:

- Phải thường xuyên quan tâm, đốc thúc các khách hàng nợ tiền và những người có liên quan tham gia sát xao vào công tác thu hồi nợ.

- Có chế độ thưởng phạt rõ ràng cho những cá nhân đạt thành tích tốt trong công tác thu hồi nợ cũng như các cá nhân không hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

Các biện pháp thu hồi nợ phải đảm bảo hai nguyên tắc:

+ Lợi ích công ty không bị xâm hại

+ Không mất đi bạn hàng

Doanh nghiệp nên đưa ra các chính sách thu hồi vốn và khuyến khích khách hàng trả nợ trước hạn, trong đó quan trọng và triệt để hơn cả là chính sách: Chiết khấu thanh toán.

Chiết khấu thanh toán là một trong những biện pháp nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp, đẩy mạnh số lượng tiêu thụ và rút ngắn vòng quay của vốn, nâng cao hiệu quả kinh doanh. Trong nền kinh tế đầy cạnh tranh thì đây là một yếu tố cần thiết cho sự tồn tại của doanh nghiệp.

Chiết khấu thanh toán là việc cho khách hàng hưởng một khoản tiền khi khách hàng thanh toán nợ sớm quy định.

Hiện nay công ty có một số khách hàng lâu năm, giá trị dịch vụ cung cấp khá lớn trong số đó có nhiều khách hàng thường xuyên thanh toán chậm. Công ty nên đưa ra các phương thức khuyến khích khách hàng thanh toán trước thời hạn để bổ sung nguồn vốn kinh doanh của công ty, hạn chế bớt đi các khoản đi vay. Chiết khấu thanh toán có thể áp dụng cả với những khách hàng thanh toán một nửa hóa đơn GTGT bằng tiền mặt hoặc tiền gửi ngân hàng.

Công ty nên xây dựng mức chiết khấu theo thời gian thanh toán cho khách hàng dựa trên nhiều yếu tố như:

- Số tiền mua hàng phát sinh
- Thời gian thanh toán tiền hàng
- Lãi cho vay của ngân hàng

Sau khi xác định được mức chiết khấu hợp lý, công ty cần thực hiện việc ghi chép kế toán thông qua tài khoản 635 “ Chi phí tài chính”.

Phản ánh số chiết khấu thanh toán mà khách hàng được hưởng kế toán ghi:

Nợ TK 635 – Số chiết khấu thanh toán dành cho người mua

Có TK 131,111,112 – Số tiền trả cho người mua

Cuối kỳ kết chuyển số chiết khấu thanh toán đã chấp nhận cho người mua phát sinh trong kỳ sang TK 911 – xác định kết quả kinh doanh.

Nợ TK 911 – Xác định kết quả kinh doanh

Có TK 635 – Chiết khấu thanh toán

Thực hiện tốt giải pháp về thu hồi nợ giúp cho doanh nghiệp có thể thu hồi vốn nhanh chóng, rút ngắn vòng quay của vốn nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp.

Kiến nghị tư : Trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi.

Hiện nay, so với quy mô của doanh nghiệp hiện tại thì các khoản nợ phải thu của khách hàng tại Công ty là tương đối lớn điều này không chỉ gây khó khăn cho công ty trong việc huy động vốn mà còn gây trở ngại lớn đến vấn đề đầu tư của doanh nghiệp. Vì vậy công ty nên có những biện pháp để khuyến khích khách hàng thanh toán nhanh và sớm. Đồng thời công ty cũng nên trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi nhằm giúp cho tình hình tài chính của công ty không bị biến động nhiều khi có những khoản nợ không đòi được.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi là: Dự phòng phần giá trị bị tổn thất của các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán, nợ phải thu chưa quá hạn nhưng có thể không đòi được do khách hàng không có khả năng thanh toán.

Các khoản nợ phải thu khó đòi đảm bảo các điều kiện sau:

- Khoản nợ phải có chứng từ gốc, có đối chiếu xác nhận của khách nợ về số tiền còn nợ, bao gồm: hợp đồng kinh tế, kế ước vay nợ, bản thanh lý hợp

đồng, đối chiếu công nợ và các chứng từ khác.

- Có đủ căn cứ xác định là khoản nợ phải thu khó đòi:

+ Nợ phải thu đã quá hạn thanh toán ghi trên hợp đồng kinh tế, các kế hoạch vay nợ hoặc các cam kết nợ khác.

+ Nợ phải thu chưa đến thời hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc đã chết.

Các khoản không đủ căn cứ xác định nợ phải thu theo quy định này phải xử lý như một khoản tổn thất.

Phương pháp lập dự phòng:

Doanh nghiệp phải dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra hoặc tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ và tiến hành lập dự phòng cho các khoản nợ phải thu khó đòi, kèm theo các chứng cứ chứng minh các khoản nợ khó đòi trên.

Theo thông tư 228/2009/TT- BTC ban hành ngày 07 tháng 12 năm 2009 hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán, mức trích lập dự phòng là:

Thời gian quá hạn thanh toán	Mức dự phòng cần trích lập
6 tháng $\leq t < 1$ năm	30% giá trị nợ phải thu quá hạn
1 năm $< t < 2$ năm	50% giá trị nợ phải thu quá hạn
2 năm $< t < 3$ năm	70% giá trị nợ phải thu quá hạn
> 3 năm	100% giá trị nợ phải thu quá hạn

- Đối với nợ phải thu chưa đến thời hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc đã chết... thì doanh nghiệp dự kiến mức tổn thất không thu hồi được và trích lập dự phòng.

- Sau khi lập dự phòng cho từng khoản nợ phải thu khó đòi, doanh nghiệp tổng hợp toàn bộ khoản dự phòng các khoản nợ vào bảng kê chi tiết để làm căn cứ hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

❖ TK sử dụng: TK 139: Dự phòng phải thu khó đòi

❖ Phương pháp hạch toán

Ngày 31/12/N trích lập dự phòng phải thu khó đòi năm N+1

Nợ TK 642

Có TK 139

Trong năm N+1 khi phát sinh tổn thất thực tế căn cứ vào quyết định cho phép xóa sổ nợ phải thu khó đòi, kế toán ghi:

Nợ TK 139

Nợ TK 642

Có TK 131, 138,...

Đồng thời ghi Nợ TK 004

Các khoản nợ phải thu khó đòi sau khi có quyết định xử lý xóa sổ doanh nghiệp vẫn phải theo dõi riêng trên sổ kế toán và trên TK 004 trong thời gian tối thiểu là 5 năm và tiếp tục có biện pháp thu hồi.

Tại ngày 31/12/N+1

+ Nếu số dự phòng phải trích bằng số dư khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi thì doanh nghiệp không phải trích lập.

+ Nếu số dự phòng phải trích lớn hơn số dư khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi thì doanh nghiệp phải trích thêm vào chi phí quản lý doanh nghiệp phần chênh lệch.

+ Nếu số dự phòng phải trích nhỏ hơn số dư khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi thì doanh nghiệp phải hàn nhập phần chênh lệch vào thu nhập khác.

Việc trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi giúp công ty đánh giá được khả năng thanh toán của khách hàng, đảm bảo được sự phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ, giúp cho tình hình tài chính của công ty được ổn định, ít biến động.

Ví dụ : Trích lập dự phòng nợ khó đòi của công ty TNHH TM & DV Toàn Tâm ngày 31/12/2010.

Trong 287.869.400 đ nợ quá hạn của công ty có:

- Khoản nợ quá hạn từ 6 tháng đến 1 năm là : 69.145.300 đ. Mức trích dự phòng là $69.145.300 * 30\% = 20.743.590$ đ

- Khoản nợ quá hạn từ 1 năm đến 2 năm là: 105.244.900 đ. Mức trích lập dự phòng là: $105.244.900 * 50\% = 52.622.450$ đ

- Khoản nợ quá hạn từ 2 năm đến 3 năm là : 85.769.753 đ. Mức trích lập dự phòng là: $85.769.753 * 70\% = 60.038.827$ đ

- Khoản nợ trên 3 năm là: 27.709.447 đ. Mức trích lập dự phòng là:
 $27.709.447 * 100\% = 27.709.447$

-Đối với khoản nợ không đòi được kế toán tiến hành xóa sổ:

Nợ TK 642: 33.786.738

Có TK 131: 33.786.738

Công ty TNHH TM & DV Toàn Tâm

Địa chỉ: Số 23 Bạch Đằng – Thủy Nguyên – Hải Phòng

BÁO CÔNG NỢ ĐẾN 31/12/2010

STT	Tên KH	Số tiền	Trong đó nợ			
			Chưa đến hạn trả	Đến hạn trả	Quá hạn trả	Không đòi được
1	Công ty cổ phần Tuân Việt	121.790.000	105.439.600	16.350.400		
2	Công ty Sao Biển	20.650.820	20.650.820			
3	Công ty PK	23.487.900		19.111.000	4.376.900	
4	Cửa hàng Bách Linh	780.476				12.780.476
...
	Cộng tổng	2.054.939.991	1.297.832.853	426.451.000	287.869.400	33.786.738

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên)

Kiến nghị năm : Về vấn đề hệ thống kho tàng.

Trước tình hình hoạt động kinh doanh ngày càng đa dạng, phong phú và mở rộng như hiện nay của công ty TNHH TM & DV Toàn tâm cần phải có chính sách nâng cấp và xây dựng thêm hệ thống kho hàng nhằm đảm bảo việc lưu trữ và bảo quản hàng hóa nhằm phục vụ một cách nhanh chóng, kịp thời và bảo đảm việc cung cấp hàng ổn định để phân phối hàng cho khách.

Hiện nay công ty đang có 2 nhà kho: 1 kho bảo quản đồ đông lạnh như các sản phẩm sữa và 1 kho chứa hàng hóa. Xét thấy nhu cầu về hàng hóa ngày càng

nhieu và các mặt hàng ngày càng biến động, mặt khác các nhà kho của công ty đang trong tình trạng xuống cấp do ảnh hưởng của điều kiện tự nhiên, do đó công ty lên đầu tư sửa chữa nâng cấp và xây dựng thêm 1 nhà kho chứa hàng để bảo đảm cho việc phân loại lưu trữ hàng.

Với vị trí hiện tại của công ty như hiện nay thì việc xây dựng thêm 1 nhà kho chứa hàng hóa nữa là hoàn toàn phù hợp bởi diện tích mặt bằng trống của công ty còn tương đối rộng. Việc thi công xây dựng và nâng cấp nhà kho có thể bắt đầu ngay bởi hiện tại đang là thời điểm vào hè, lượng hàng nhập về gần như được xuất đi giao hết ngay, việc lưu trữ hàng trong kho hiện tại ít.

Việc đầu tư sửa chữa, nâng cấp và xây mới hệ thống kho bãi sẽ giúp cho doanh nghiệp phân loại được các mặt hàng nhằm bảo quản được tốt hơn, tránh tình trạng ứ đọng hàng trong kho do sự chông chéo hàng hóa. Ngoài ra việc xây dựng và nâng cấp kho chứa còn bảo đảm cho hàng hóa không bị hư hại, ẩm mốc khi điều kiện tự nhiên khắc nghiệt xảy ra. Bên cạnh đó việc xây dựng thêm kho bãi sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho công ty trong việc mở rộng kinh doanh đáp ứng nhu cầu thị trường tiêu thụ.

KẾT LUẬN

Khi nền kinh tế Việt nam đang chuyển mình mạnh mẽ ,cơ cấu kinh tế thay đổi đòi hỏi mọi doanh nghiệp phải đặt hiệu quả lên hàng đầu khi đó mới tồn tại và phát triển cùng đất nước .Nhiệm vụ của các nhà doanh nghiệp đặt ra là với nguồn lực trong và ngoài nước họ sẽ sử dụng sao cho doanh nghiệp đó được lớn mạnh . Để phù hợp với tình hình thực tế thì công tác kế toán cũng không ngừng hoàn thiện và phát triển, góp phần quan trọng vào nâng cao chất lượng quản lý tài chính trong mỗi doanh nghiệp .

Trong kinh doanh với bất kỳ doang nghiệp nào thì tiêu thụ luôn là khâu quan trọng quyết định sự tồn vong của doanh nghiệp. Nhà quản lý cần nắm bắt được những thông tin cần thiết của quá trình tiêu thụ và điều mà họ quan tâm nhất chính là kết cuối cùng - chỉ tiêu lợi nhuận. Do đó công tác hạch toán kế toán ở khâu tiêu thụ có vai trò rất quan trọng, cung cấp thông tin để doanh nghiệp đưa ra những hướng đi tiếp theo. Trong đó kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh giữ một nhiệm vụ rất quan trọng .

Quá trình học tập và thời gian tìm hiểu thực tế cùng với sự chỉ bảo của cán bộ nhân viên phòng kế toán tại công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Toàn Tâm em đã mạnh dạn đưa ra một số kiến ý kiến đóng góp để góp phần hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH TM &DV Toàn Tâm. Đặc biệt cùng với sự giúp đỡ nhiệt tình của Ths Nguyễn Văn Thụ đã giúp đỡ em hoàn thành chuyên đề tốt nghiệp .Với kiến thức còn nhiều hạn chế và khả năng tìm hiểu thực tế chưa cao nên bài viết của em còn nhiều thiếu sót . Kính mong nhận được sự thông cảm và đóng góp ý kiến đánh giá của các thầy cô giáo.

Cuối cùng em xin chân thành cảm ơn Ths. Nguyễn Văn Thụ và toàn thể cán bộ nhân viên kế toán của công ty TNHH TM & DV Toàn Tâm đã giúp em hoàn thành đề tài này.

Hải phòng , ngày ... tháng ...năm 2010

Sinh viên

Đoàn Thị Minh Yến

Tài liệu tham khảo

1. Hệ thống chuẩn mực kế toán Việt Nam
TS. Phạm Huy Đoán - Năm 2004 – NXB Tài Chính
2. Chế độ kế toán doanh nghiệp (Quyển 1)
Hệ thống tài khoản kế toán - Nhà xuất bản tài chính.
3. Chế độ kế toán doanh nghiệp (Quyển 2)
Báo cáo tài chính, chứng từ và sổ kế toán, sơ đồ kế toán -
Nhà xuất bản tài chính.
4. Kế toán doanh nghiệp theo chuẩn mực kế toán mới
TS. Nghiêm Văn Lợi.
5. Thông tư 244/2009/TT-
BTC hướng dẫn sửa đổi bổ sung chế độ kế toán doanh nghiệp
ban hành ngày 31 tháng 12 năm 2009.
6. Hướng dẫn thực hành chế độ kế toán mới
PGS.TS. Võ Văn Nhị - Nhà xuất bản tài chính.
7. Giáo trình kế toán tài chính
Nhà xuất bản giao thông vận tải.
8. Giáo trình nguyên lý kế toán
Nhà xuất bản thống kê.

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG I: NHỮNG LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU ,CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP	11
1.1. Những vấn đề chung về tổ chức công tác doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp	11
1.1.1. Sự cần thiết phải tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp:	11
1.1.2 Vai trò của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp	12
1.1.3 Yêu cầu, nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định KQKD. ...	12
1.1.4. Một số khái niệm, thuật ngữ liên quan đến doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh	13
1.1.4.1. Doanh thu và các loại doanh thu	13
1.1.4.2. Chi phí và các loại chi phí.....	7
1.1.5. Xác định kết quả kinh doanh.....	16
1.1.6. Bán hàng và các phương thức bán hàng trong doanh nghiệp	16
1.2. Tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.....	18
1.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và các khoản giảm trừ doanh thu.	18
1.2.1.1. Kế toán doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ trong doanh nghiệp.	18
1.2.1.2. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu.....	24
1.2.2.Kế toán giá vốn hàng bán.....	26
1.2.3. Kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp.....	31
1.2.3. Kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp.....	32
1.2.3.1. Kế toán chi phí bán hàng.....	32
1.2.3.2. Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp.....	33
1.2.3.3. Phương pháp hạch toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp	34
1.2.4. Kế toán doanh thu, chi phí hoạt động tài chính	35
1.2.4.1. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính	35
1.2.4.2. Kế toán chi phí hoạt động tài chính	36
1.2.4.3.Phương pháp hạch toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính	37
1.2.5. Kế toán chi phí, thu nhập hoạt động khác.....	38
1.2.5.1. Kế toán thu nhập hoạt động khác	38
1.2.5.2. Kế toán chi phí hoạt động khác.....	39
1.2.5.3.Phương pháp hạch toán thu nhập khác và chi phí hoạt động khác	40
1.2.6. Kế toán xác định kết quả kinh doanh	40
1.3. Tổ chức vận dụng hệ thống sổ sách kế toán vào tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.....	44

CHƯƠNG II: THỰC TRẠNG TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH TM & DV TOÀN TÂM.....	47
2.1. Khái quát chung về công ty TNHH TM & DV Toàn Tâm.....	47
2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của công ty TNHH TM & DV Toàn Tâm.....	47
2.1.2. Đặc điểm sản xuất kinh doanh của công ty TNHH TM & DV Toàn Tâm...	49
2.1.3. Cơ cấu, tổ chức bộ máy quản lý của công ty.	49
2.1.4. Tổ chức công tác kế toán tại công ty.....	52
2.1.4.1. Tổ chức bộ máy kế toán.....	52
2.1.4.2. Tổ chức vận dụng hệ thống chứng từ, tài khoản kế toán.....	53
2.1.4.3. Chế độ kế toán áp dụng tại công ty.	53
2.1.4.4. Hệ thống sổ sách kế toán và hình thức kế toán áp dụng tại công ty.....	54
2.1.4.5. Tổ chức lập và phân tích báo cáo tài chính.....	56
2.2. Thực trạng tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH TM & DV Toàn Tâm	57
2.2.1. Kế toán doanh thu tại công ty TNHH TM & DV Toàn Tâm.....	57
2.2.1.1. Đặc điểm sản phẩm tại công ty.....	57
2.2.1.2. Các phương thức bán hàng.....	55
2.2.1.3. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại công ty.....	58
2.2.2. Kế toán giá vốn hàng bán.....	70
2.2.3. Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp.....	80
2.2.4. Kế toán doanh thu, chi phí hoạt động tài chính	87
2.2.5. Kế toán thu nhập khác, chi phí khác	99
2.2.6. Kế toán xác định kết quả kinh doanh.....	110
CHƯƠNG 3: MỘT SỐ Ý KIẾN ĐỀ XUẤT NHẪM HOÀN THIỆN TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH TM & DV TOÀN TÂM.	120
3.1. Đánh giá chung về tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH TM & DV Toàn Tâm.....	120
3.1.1. Ưu điểm.....	120
3.1.2. Nhược điểm.....	120
3.2. Một số ý kiến đề xuất nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của Công ty TNHH TM & DV Toàn Tâm.....	124
KẾT LUẬN	141